

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2958/2006/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2007

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 10/12/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Thông tư số 114/2004/TT-BTC ngày 26/11/2004 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị Quyết số: 35/2006/NQ-HĐND ngày 15/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XI kỳ họp thứ 7, về quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 1365/2004/QĐ-UB ngày 21/6/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái nguyên, về việc Ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Sở Tài chính Thái Nguyên, tại Tờ trình số: 1481/TTr-STC ngày 28/11/2006, về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2007; kèm theo Biên bản xác định giá các loại đất của Hội đồng giá đất tỉnh Thái Nguyên (Bao gồm các ngành chức năng: Sở Tài chính - Sở Tài Nguyên và Môi trường - Sở Xây dựng - Cục Thuế) lập ngày 25/11/2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2007, với nội dung cụ thể như sau:

(Như các phụ lục chi tiết kèm theo quyết định này)

Điều 2: Giá các loại đất được quy định sử dụng làm căn cứ để:

a) Tính thuế đối với việc sử dụng đất, và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

b) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại điều 34 và 35 của Luật Đất đai năm 2003.

c) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức cá nhân trong các trường hợp quy định tại điều 33 của Luật Đất đai năm 2003.

d) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hoá, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 điều 59 của Luật Đất đai năm 2003.

đ) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003.

g) Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Căn cứ nội dung quy định tại điều 1 và điều 2, Sở Tài Chính phối hợp cùng các ngành có liên quan (Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế Thái Nguyên) hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công tổ chức thực hiện.

Điều 4. Các đồng chí: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế Thái Nguyên, Thủ trưởng các ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 và thay thế Quyết định số 55/2006/QĐ-UBND ngày 10/01/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Thanh Nghị

GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2007**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2958/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT**I. GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP****1. Giá đất trồng cây hàng năm**

Đơn vị tính: Đồng/m²

Hạng	Trung du	Miền núi
Hạng II	30.500	24.500
Hạng III	26.500	19.200
Hạng IV	24.500	17.800
Hạng V	22.600	16.600
Hạng VI	17.700	14.000

2. Giá đất trồng cây lâu năm

Đơn vị tính: Đồng/m²

Hạng	Trung du	Miền núi
Hạng II	26.000	18.700
Hạng III	23.900	17.500
Hạng IV	21.200	15.900
Hạng V	17.900	13.700

3. Giá đất lâm nghiệp

Đơn vị tính: Đồng/m²

Hạng	Trung du	Miền núi
Hạng V	8.300	5.500
Hạng VI	2.300	1.600

4. Giá đất nuôi trồng thủy sản

Đơn vị tính: Đồng/m²

Hạng	Trung du	Miền núi
Hạng II	21.500	17.200
Hạng III	18.600	13.500
Hạng IV	17.200	12.500
Hạng V	15.800	11.600
Hạng VI	12.400	9.800

5. Đất nông nghiệp khác theo quy định tại điểm đ, khoản 4, Điều 6 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, giá đất quy định để xác định đơn giá thuê đất như sau:

+ Vùng Trung du: giá đất quy định là 30.500đồng/m².

+ Vùng miền núi: giá đất quy định là 24.500đồng/m².

II. GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

1. Giá đất ở tại nông thôn:

a. Khung giá đất ở tại nông thôn:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Vùng, miền	Khung giá
1	Trung du	50 – 3.060
2	Miền núi	25 – 2.160

b. Mức giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông: Quốc lộ, Tỉnh lộ, liên xã, các đầu mối giao thông, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp, được thể hiện chi tiết ở các phụ lục 1,2,3,4,5,6,7,8,9 kèm theo.

c. Đất ở tại nông thôn ngoài những tuyến đường liên huyện, liên xã, liên thôn, chưa được quy định chi tiết, thì được áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Đồng/m²

Loại	Trung du	Miền núi	Vùng cao
Loại 1	200.000	160.000	100.000
Loại 2	160.000	120.000	80.000
Loại 3	120.000	90.000	60.000
Loại 4	80.000	60.000	40.000
Loại 5	50.000	40.000	25.000

* Phân loại đất ở tại nông thôn ngoài những tuyến đường liên huyện, liên xã, liên thôn:

Đất ở tại nông thôn ngoài những trục đường giao thông chính được chia thành 5 loại, xác định căn cứ vào các yếu tố: khả năng sinh lợi, giá trị sử dụng, vị trí và giá đất thực tế ở địa phương.

Loại 1: Có vị trí thuận lợi nhất, có khả năng sinh lợi cao nhất trong khu vực, bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, đường rộng lớn hơn 6m; hoặc đường bê tông, nhựa có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 3,5m.

Loại 2: Tiếp sau loại 1, có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 1; bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, đường rộng nhỏ hơn 6m nhưng lớn hơn hoặc bằng

4 m; hoặc bóm đường bê tông, nhựa có đường rộng nhỏ hơn 3,5m nhưng lớn hơn 2,5m

Loại 3: Tiếp sau loại 2, có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 2, bóm đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, đường rộng nhỏ hơn 4m nhưng lớn hơn hoặc bằng 3m; hoặc bóm đường bê tông, nhựa có đường rộng nhỏ hơn 2,5m nhưng lớn hơn 1,5m .

Loại 4: là đất kém thuận lợi hơn loại 3, bóm mặt đường giao thông là đường đất, đường rộng nhỏ hơn 3m nhưng lớn hơn hoặc bằng 2m.

Loại 5: Không đủ các điều kiện trên.

2. Đất ở tại đô thị :

a. Khung giá đất ở tại đô thị

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Loại đô thị	Khung giá
1	Thành phố Thái Nguyên	300 – 12.000
2	Thị xã Sông Công	80 – 6.000
3	Thị trấn các huyện	60 – 5.900

b. Mức giá đất ở tại các đô thị, bóm đường phố, trục giao thông chính được thể hiện chi tiết trong các phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7,8,9 kèm theo.

3. Đất chuyên dùng: bao gồm đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng, giá đất quy định bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

Trường hợp đất sử dụng vào mục đích khai thác mỏ, quy định giá đất để xác định đơn giá thuê đất như sau:

- Tại các phường thuộc thành phố Thái Nguyên, giá đất quy định là 180.000đ/m².
- Tại các phường của thị xã Sông công; thị trấn các huyện và các xã vùng trung du: giá đất quy định là 48.000đ/m².
- Tại các xã miền núi và vùng cao: giá đất quy định là 36.000đ/m².

4. Đất tôn giáo, tín ngưỡng; Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; Đất phi nông nghiệp khác (theo quy định tại khoản 5, Điều 6, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ), giá đất quy định như sau:

- Trường hợp đất có nguồn gốc là đất ở thì được áp dụng theo giá đất ở tại vị trí đó.

- Trường hợp đất không có nguồn gốc là đất ở thì giá đất được áp dụng bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

- Trường hợp đất tại đô thị sử dụng vào mục đích xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, quy định giá đất để xác định đơn giá thuê đất bằng mức giá đất chuyên dùng tối thiểu trong vùng.

III. GIÁ ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG:

Đất chưa sử dụng theo quy định tại khoản 6, điều 6 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ, căn cứ vào mục đích sử dụng mới của cấp có thẩm quyền quy định để xác định giá đất, khi có mục đích sử dụng mới thì căn cứ vào giá đất liền kề để xác định.

B. THUYẾT MINH ÁP DỤNG BẢNG GIÁ ĐẤT

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ:

1. Vùng, miền quy định trong bảng giá đất căn cứ các quy định hiện hành của Chính phủ và Ban Dân tộc của Chính Phủ.

2. Hạng đất để xác định giá đất, áp dụng hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp theo sổ bộ thuế tại địa phương thời gian gần nhất.

3. Đất tại đô thị theo quy định của chính phủ.

4. Đất tại nông thôn theo quy định của chính phủ.

II. THUYẾT MINH BẢNG GIÁ ĐẤT:

1. Nhóm giá đất nông nghiệp được áp dụng chung cho toàn tỉnh.

2. Đối với đất vườn ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn nhưng không được cấp giấy chứng nhận đất ở, thì giá đất được quy định bằng giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất trong vùng.

3. Đối với đất nông nghiệp nằm xen kẽ trong đô thị không được cấp giấy chứng nhận đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác, thì giá đất được quy định bằng giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất trong vùng.

4. Giá đất ở tại nông thôn quy định tại tiết c, điểm 1 mục II, phần A, được áp dụng chung cho toàn tỉnh.

5. Giá đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp đã thể hiện trong các phụ lục: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 áp dụng cho các khu dân cư hiện có.

6. Vị trí đất trong đô thị.

Vị trí đất trong đô thị được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khoảng cách so với trục giao thông. Các vị trí có số thứ tự từ 1 trở đi

a) Vị trí 1: Các ô, thửa đất có ít nhất một mặt bám theo mặt tiền của các đường phố, trục giao thông, có chiều sâu tính từ mép lộ giới đường phố, trục giao thông hiện

tại vào không quá 30m đối với đất ở dân cư và không quá 60m đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

b) Vị trí 2: Tiếp sau vị trí 1 + 150m, các ô, thửa đất bám theo trục phụ có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 6m.

c) Vị trí 3: thoả mãn 1 trong các điều kiện sau.

- Các ô, thửa đất ở tiếp theo vị trí 2 + 250m, bám theo trục phụ của các đường chính có đường rộng lớn hơn hoặc bằng 6m.

- Các ô, thửa đất ở sau vị trí 1, có đường vào lớn hơn hoặc bằng 3,5m nhưng nhỏ hơn 6m, cách lộ giới đường chính không quá 150m.

- Nhánh của Vị trí 2, có đường vào lớn hơn 6m, vào không quá 100m.

d) Vị trí 4: thoả mãn 1 trong các điều kiện sau.

- Các ô, thửa đất ở tiếp sau vị trí 3 có ít nhất một mặt bám theo trục phụ của các đường chính có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 6m.

- Tiếp sau vị trí 1, từ đường chính vào có đường rộng nhỏ hơn 3,5m nhưng lớn hơn 2m, cách lộ giới đường chính hiện tại không quá 100m.

- Nhánh của vị trí 2, đường vào lớn hơn hoặc bằng 3,5m từ trục phụ vào không quá 100m.

Các vị trí kể trên, thuộc đô thị nếu gần đường phố nào thì tính theo đường phố đó.

7. Trường hợp đất ở cùng thửa, bám đường phố hoặc trục giao thông, có chiều sâu tính từ mép lộ giới đường phố hoặc trục giao thông hiện tại vào lớn hơn 30m, thì giá đất được xác định cho từng vị trí như sau:

- Vị trí 1: Từ lộ giới đường phố, trục giao thông vào đến 30m, giá đất xác định bằng giá đất ở bám các đường phố, trục giao thông theo quy định tại vị trí đó.

- Vị trí 2: Tiếp theo vị trí 1 + 75m, giá đất xác định bằng 40% giá đất của vị trí 1 trên.

- Vị trí 3: Tiếp theo vị trí 2 đến hết, giá đất xác định bằng 40% giá đất của vị trí 2 trên.

Mức giá xác định từ vị trí 2 không được thấp hơn mức giá tối thiểu quy định trong vùng.

8. Trường hợp đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, bám đường phố hoặc trục giao thông có chiều sâu tính từ mép lộ giới đường phố hoặc trục giao thông hiện tại vào lớn hơn 60m, giá đất được xác định cho từng vị trí như sau:

a) Trường hợp đất bám một đường phố hoặc trục giao thông:

- Vị trí 1: Từ mép lộ giới đường phố hoặc trục giao thông hiện tại vào đến 60m, giá đất xác định bằng giá đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, bám đường phố hoặc trục giao thông tại vị trí đó.

- Vị trí 2: Tiếp theo vị trí 1 + 150m, giá đất xác định bằng 40% giá đất tại vị trí 1 trên.

- Vị trí 3: Tiếp theo vị trí 2 + 250m, giá đất xác định bằng 40% giá đất tại vị trí 2 trên.

- Vị trí 4: Tiếp theo vị trí 3 đến hết, giá đất xác định bằng 40% giá đất tại vị trí 3 trên.

Mức giá đất từ vị trí 2, 3, 4 xác định như trên nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của giá đất phi nông nghiệp không phải là đất ở trong vùng.

b) Trường hợp đất bám nhiều đường phố, trục giao thông có mức giá khác nhau, giá đất được xác định như sau:

- Vị trí 1: Từ mép lộ giới các đường phố, trục giao thông hiện tại vào đến 60m, giá đất xác định bằng giá đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, bám các đường phố, trục giao thông tại vị trí đó. Tại vị trí có trùng các mức giá, thì xác định theo mức giá cao nhất, không tính hệ số tăng thêm.

- Các vị trí tiếp sau vị trí 1 của các đường phố, trục giao thông hiện tại, giá đất xác định bằng giá đất phi nông nghiệp không phải là đất ở tại vị trí tương ứng của đường phố, trục giao thông có mức giá đất cao nhất, cách chia vị trí để xác định giá đất áp dụng như tiết a, điểm 8, mục II, phần B trên đây.

9. Trường hợp các ô thửa đất bám các đường chưa có trong bảng giá, giá đất được xác định như sau:

a) Các trục phụ đã có trong bảng giá, nhưng mức giá chưa thể hiện hết toàn tuyến, thì những đoạn còn lại cứ 250m tiếp theo được xác định như sau:

- Trường hợp đường tương đương với đoạn đã có giá quy định, thì mức giá được xác định bằng 80% mức giá đoạn đường gần nhất đã quy định, nhưng không được thấp hơn giá tối thiểu đã thể hiện trong biểu giá đất các khu vực.

- Trường hợp đường còn lại trên tuyến nhỏ hơn 20% đoạn đã có giá quy định nhưng lớn hơn hoặc bằng 3,5m, thì mức giá xác định bằng 60% mức giá đã quy định, nhưng không được thấp hơn giá tối thiểu đã thể hiện trong biểu giá đất các khu vực.

b) Các trục phụ chưa được nêu ở bảng giá, được xác định giá như sau:

- Trường hợp có đường rộng, cơ sở hạ tầng tương đương với trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, thì giá đất được xác định bằng giá đất quy định tại trục phụ đó.

- Trường hợp có đường rộng, cơ sở hạ tầng kém trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá không quá 20%, nhưng đường rộng lớn hơn 3,5m thì được áp dụng tính bằng 80% so với trục phụ tương đương gần nhất cùng khu vực đã có trong bảng giá.

c) Các trường hợp ô đất, thửa đất bám các đường nhánh của trục phụ, vào không quá 100m, giá đất được xác định như sau:

- Mặt đường tương đương trục phụ thì giá đất được tính bằng 80% giá đất trục phụ.

- Mặt đường nhỏ hơn trục phụ nhưng lớn hơn 3,5m thì giá đất được tính bằng 60% giá đất trục phụ.

(Chú ý: Mức giá xác định không được thấp hơn mức giá tối thiểu quy định trong vùng)

d) Các trường hợp ô đất, thửa đất bám các đường nhánh của các nhánh trục phụ, vào không quá 100m, giá đất được xác định như tiết c trên.

đ) Các ô đất liền kề vị trí 1 của các đường đã có tên trong bảng giá:

- Trường hợp đường vào là ngõ chưa kê tên, vào không quá 100m, thì mức giá được xác định như sau:

+ Đường vào từ 2m đến nhỏ hơn 3,5m: Giá đất xác định bằng 25% so với giá đất thửa mặt đường liền kề.

+ Đường vào nhỏ hơn 2m: Giá đất được xác định bằng 20% so với giá đất ô mặt đường liền kề.

- Trường hợp không có đường vào mức giá tính bằng 15% giá đất tại vị trí 1 của ô mặt đường liền kề.

(Chú ý: Mức giá xác định không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng).

e) Đối với đất ở nằm bên kia đường sắt, đường sắt song song giáp với đường bộ thì giá đất xác định như sau:

- Trường hợp vị trí đất ở giáp với lộ giới đường sắt, từ đường bộ vượt qua đường sắt vào thẳng đất ở, giá đất được xác định bằng 60% giá đất ở bám trục đường bộ theo quy định tại vị trí đó.

- Trường hợp từ đường bộ vào đất ở phải đi theo đường gom, thì giá đất được xác định theo từng vị trí cụ thể nhưng không được thấp hơn mức giá tối thiểu quy định trong vùng.

g) Các vị trí đất ở phía sau đất nông nghiệp, tính từ mép đường giao thông hiện tại đến đất ở nhỏ hơn hoặc bằng 30m, giá đất ở được xác định như sau:

- Trường hợp có đường vào lớn hơn 6m thì phần đất ở từ giáp đất nông nghiệp vào không quá 30m được tính bằng 70% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

- Trường hợp có đường vào nhỏ hơn 6m nhưng lớn hơn hoặc bằng 3,5m, mức giá tính bằng 60% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

- Nếu có đường vào nhỏ hơn 3,5m, mức giá tính bằng 50% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

Chú ý: Chiều sâu đất ở quy định tại tiết này tính từ đất nông nghiệp vào không quá 30m thì xác định như trên. Trường hợp đất ở lớn hơn 30m thì được xác định theo điểm 7, mục II, phần B nêu trên.

10. Giá đất quy định trên các trục đường được xác định lấy mặt bằng cốt đường hiện tại làm chuẩn, nếu vị trí đất có độ chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường < 1,5m, thì giá đất xác định bằng 100% mức giá đất đã được quy định tại vị trí đó.

a) Trường hợp đất có vị trí chênh lệch cao hơn mặt đường hiện tại, mức giá được xác định như sau:

- Từ 1,5m đến nhỏ hơn 3m, giảm giá 5% so với giá tại vị trí (Nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 100.000đ/m²)

- Từ 3m đến nhỏ hơn 4,5m giảm giá 10% so với giá tại vị trí (Nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 150.000đ/m²).

- Từ 4,5m trở lên giảm giá 15 % so với giá tại vị trí (Nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 200.000đ/m²)

b) Trường hợp đất có vị trí chênh lệch thấp hơn mặt đường hiện tại mức giá được xác định như sau:

- Từ 1,5m đến nhỏ hơn 3m, giảm giá 10% so với giá tại vị trí. (Nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 250.000đ/m²).

- Từ 3m đến nhỏ hơn 5,5m, giảm giá 15% so với giá tại vị trí (Nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 350.000đ/m²).

- Từ 5,5m trở lên, giảm giá 20% so với giá tại vị trí (Nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 500.000đ/m²).

11. Trường hợp đất có vị trí bám 2 mặt đường:

a) Đối với đất ở:

- Trường hợp ô, thửa đất bám đường phố, trục giao thông lớn hơn hoặc bằng 3,5m được tính hệ số tối đa 1,1 lần so với giá tại vị trí đường phố có mức giá cao hơn.

- Trường hợp ô, thửa đất bám đường phố, trục giao thông chính và bám 1 đường phụ lớn hơn 2m nhưng nhỏ hơn 3,5m, được tính hệ số đa là 1,05 lần so với giá tại vị trí đường phố, trục giao thông chính, có mức giá cao hơn.

- Trường hợp ô, thửa đất bám một đường phố, trục giao thông chính và giáp một bên là đất công cộng có không gian thoáng đãng, được tính hệ số tối đa 1,1 lần so với giá tại đường phố, trục giao thông chính.

b) Đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở: Mức giá xác định theo quy định tại tiết b, điểm 8, mục II, phần B; không tính hệ số tăng thêm.

12. Trường hợp các vị trí giáp ranh của các mức giá khác nhau: giá đất được xác định theo giá bình quân giữa các mức giá, điểm xác định tối đa không quá 25m về 2 phía cùng trục đường.

13. Trường hợp các ô đất (thửa đất) ở vị trí có trùng 2 mức giá trở lên, thì xác định giá theo mức giá cao nhất.

14. Trường hợp đất giáp danh giữa đô thị và nông thôn mức giá quy định chưa phù hợp thì Hội đồng giá đất các huyện, thành phố, thị xã tổ chức điều tra, khảo sát, lập phương án báo cáo Hội đồng giá đất tỉnh thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh cho phù hợp.

15. Trường hợp đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại các khu mới thực hiện quy hoạch để giao đất có thu tiền, thuê đất: khi có quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã lập phương án báo cáo Hội đồng giá đất tỉnh thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo từng thời điểm giao đất.

PHỤ LỤC SỐ 1
VỀ GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ, ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN BẮM CÁC TRỤC
GIAO THÔNG CHÍNH KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH,
KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2958 /2006/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1 000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, khu dân cư	Mức giá
I	Đường Lương Ngọc Quyến (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến ngã 3 Bắc Nam)	
1	Ngã ba Mỏ Bạch - giáp đất Văn phòng Công ty Thương nghiệp II cũ	10.000
2	Đất Văn phòng Công ty Thương nghiệp II cũ - giáp đất Bến xe Thái Nguyên	9.500
3	Đất Bến xe - hết cổng chính Bệnh viện Đa khoa	11.000
4	Hết cổng chính Bệnh viện Đa khoa - rẽ Tỉnh đội	9.000
5	Đường rẽ Tỉnh đội - ngã 3 Bắc Nam (Ngã 3 Xuân Thịnh)	7.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào khu dân cư Mỏ Bạch	
	+ Ngõ số 105: Từ trục chính rẽ cạnh khách sạn Phong lan gặp đường qua cổng Trung tâm Giáo dục Thường xuyên	5.000
	+ Ngõ 185: rẽ vào Sở Giáo dục đến cổng Trung tâm Giáo dục Thường xuyên;	4.500
	+ Ngõ 231: Rẽ đến cổng Ngân hàng Đầu tư (đoạn vuông góc với đường Lương Ngọc Quyến).	4.500
	+ Đoạn nối 3 ngõ trên (105; 185; 231) qua cổng Trung tâm Giáo dục Thường xuyên	4.000
2	Rẽ ngõ 60: vào 100m đầu	3.000
3	Trục chính rẽ vào các ngõ: 78; 166; 140; 110; (M9, đôi ông Bắc Dũng, ông Ma Minh)	
	+ Trục chính vào 150m	4.000
	+ Qua 150m đến 250m, đường rộng $\geq 4,5m$	3.000
4	Ngõ 92: (Vào khu dân cư quy hoạch phường Quang Trung), vào 100m	3.000

5	Ngõ 220: rẽ vào khu dân cư Ngân hàng tỉnh cũ	
	+ Trục chính vào 100m	3.000
	+ Qua 100m đến khu dân cư Ngân hàng tỉnh cũ.	2.000
6	Ngõ 309: Rẽ vào cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
	+ Từ đường Lương Ngọc Quyến đến cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.000
	+ Đoạn từ Sở Nông nghiệp tiếp theo 2 phía 150m	2.000
7	Ngõ 274: Rẽ vào Công ty Lâm sản xuất khẩu cũ cạnh trường Phổ thông trung học Năng Khiếu	
	+ Từ đường Lương Ngọc Quyến rẽ đến gặp đường vào trường Tiểu học Thống Nhất	3.000
8	Trục chính rẽ vào cấp III Lương Ngọc Quyến vòng ra đường Hoàng Văn Thụ (Cạnh Công an phường Hoàng Văn Thụ)	
	+ Trục chính vào đến cổng trường Lương Ngọc Quyến	6.000
	+ Cổng trường cấp III Lương Ngọc Quyến vòng ra gặp Hoàng Văn Thụ (Cạnh công an phường Hoàng Văn Thụ)	5.500
9	Ngõ 108: Rẽ vào trường Tiểu học Thống Nhất (Cạnh hàng rào Bến xe)	
	+ Trục chính đến hết đất bến xe	4.000
	+ Giáp đất bến xe vào 150m về 2 phía	3.000
	+ Qua 150m đến cổng trường Tiểu học Thống Nhất	2.000
10	Rẽ vào Ga Thái Nguyên gặp đường Quang Trung	
	Trục chính - Ga Thái Nguyên	5.000
	Ga Thái Nguyên - gặp đường Quang Trung	3.000
	- Nhánh rẽ vào Xí nghiệp In	
	Vào 100m	3.000
	- Nhánh rẽ vào khu dân cư Ao dân quân	
	Vào 150m	3.500
	Qua 150m đến 250m	2.500
	+ Đường rẽ vào hết đất khu dân cư bãi sân ga	2.500
	+ Rẽ Ủy ban nhân dân phường Quang Trung (Vào hết đất	2.500

	khu dân cư Vật tư nông nghiệp)	
	+ Rẽ vào đến cổng trường cấp 2 Quang Trung	2.000
	+ Rẽ Trung tâm Bảo trợ xã hội	
	Vào 200m	2.000
	Qua 200m đến cổng Trung tâm Bảo trợ xã hội	1.500
	+ Rẽ vào Công ty Xây dựng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn đến gặp cổng phụ Z159	2.000
11	Ngõ 310: Rẽ đối diện Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế	
	+ Từ đường Lương Ngọc Quyến vào 50m	4.000
12	Ngõ 481: rẽ theo hàng rào Bệnh viện Đa khoa gặp đường Nguyễn Huệ	3.000
13	Ngõ 464: Rẽ vào Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
	- Trục chính - ngã ba thứ 2	4.000
	- Ngã ba thứ 2 - cổng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	3.000
	+ Trục ngang nối từ ngõ 464 của ngã ba thứ nhất đến cấp I (Đông Quang)	2.500
	+ Từ ngã 3 thứ 2 đến gặp đường rẽ vào Công ty Khai thác thủy lợi	2.000
14	Ngõ: 488: rẽ đến cổng trường cấp I Đông Quang	
	+ Từ đường Lương Ngọc Quyến đến cổng trường cấp I Đông Quang	2.500
15	Các ngõ 499, 513; 531; (Vào khu dân cư số 8 phường Phan Đình Phùng thuộc phường Phan Đình Phùng)	
	+ Vào đến bờ mương (đường quy hoạch khu dân cư số 8 phường Phan Đình Phùng)	2.500
16	Ngõ 562: rẽ vào Công ty Khai thác thủy lợi	
	+ Trục chính đến hết đất Công ty Tư vấn thủy lợi	3.000
	+ Giáp đất Công ty Tư vấn thủy lợi gặp ngõ 464	2.500
	+ Đường nối từ ngõ 562 với ngõ 488	2.500
17	Ngõ 596:	
	+ Từ đường Lương Ngọc Quyến vào 200m	3.000

18	Các trục đường khu dân cư quy hoạch số 2, 3, 4 phường Đồng Quang đã xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng	
	+ Đường rộng $\geq 14,5\text{m}$	3.000
	+ Đường rộng $\geq 9\text{m}$ nhưng $< 14,5\text{m}$	2.500
19	Từ đường Lương Ngọc Quyến rẽ nhà khách Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh vào 100m	2.500
20	Từ đường Lương Ngọc Quyến rẽ đến cổng nhà hàng Hải Yến, vào 100m	1.500
21	Các ngõ khác chưa kể trên trục đường Lương Ngọc Quyến (từ trục chính vào 100m đầu), có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$	2.000
II	Đường Hoàng Văn Thụ <i>(Từ Đảo tròn trung tâm đến đường sắt Hà Thái)</i>	
1	Đoạn từ Đảo tròn đến ngã tư Đồng Quang	12.000
2	Từ ngã tư Đồng Quang đến đường sắt Hà Thái	10.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào ngõ cạnh Điện lực Thái Nguyên	
	+ Từ đường Hoàng Văn Thụ vào 100m,	4.000
	+ Qua 100m đến 200m,	3.500
2	Ngõ số 2 rẽ theo khách sạn Thái Nguyên gặp đường Phủ Liễn (cạnh Sở Công nghiệp)	5.000
3	Rẽ ngõ 60: Cạnh nhà trẻ 19/5 gặp ngõ số 2 cạnh Sở Công nghiệp	5.000
4	Ngõ 62: Rẽ cạnh Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ gặp đường Phủ Liễn	4.000
5	Rẽ vào Phủ Liễn II gặp Phủ Liễn (Đường Minh Cầu kéo dài)	6.000
6	Đường trong khu dân cư Phủ Liễn II có đường rộng $\geq 9\text{m}$ đã hoàn thành cơ sở hạ tầng.	4.500
III	Đường Đội Cấn <i>(Từ đảo tròn Thái Nguyên - đường Bến Tượng qua quảng trường thành phố.)</i>	
	Toàn tuyến	12.000

IV	Đường Bến Tượng (Từ đê Sông Cầu qua công Cục Thuế gặp đường Cách mạng Tháng 8)	
1	Đê sông Cầu đến giáp đất chợ Thái	5.000
2	Từ đất chợ Thái đến gặp đường Nha Trang	8.000
3	Từ đường Nha Trang đến ngã 4 gặp đường Phùng Chí Kiên	7.000
4	Ngã 4 đường Phùng Chí Kiên - ngã 6 gặp đường Phan Đình Phùng	6.000
5	Ngã 6 đường Phan Đình Phùng - đường Cách mạng Tháng Tám (rẽ Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên)	5.000
	Trục phụ	
1	Rẽ Xí nghiệp Kinh doanh Tổng hợp cũ	
	+ Từ đường bến tượng, đường bê tông $\geq 3,5m$	3.000
	+ Đoạn tiếp theo, đường bê tông $< 3,5m$	2.500
2	Rẽ theo hàng rào chợ Thái về 2 phía	
	+ Từ đường Bến Tượng vào 100m	3.000
3	Rẽ khu dân cư cạnh Ủy ban nhân dân Phường Trung Vương (phố Quyết Tiến)	6.000
4	Rẽ vào khu dân cư Cục thuế tỉnh (Ngõ 29)	3.000
5	Rẽ vào nhà thờ	
	+ Trục chính đến cửa nhà thờ	3.000
	+ Cửa nhà thờ đi 2 phía + 300m	2.500
7	Rẽ chân dốc nhà thờ (Ngõ 129, 112, 101)	
	+ Từ đường Bến Tượng vào 100m	3.000
	+ Qua 100m đến 200m	2.500
8	Đường khu dân cư QH tổ 36 cũ P. Trung Vương (2 đường)	3.000
9	Rẽ khu dân cư lô 2 Tỉnh uỷ	3.500
10	Rẽ sang đường Nguyễn Du (phố 19/8)	2.500
11	Rẽ vào tổ 16 phường Túc Duyên (Giáp cầu Bóng tối), vào 100m	1.500
V	Đường Bắc Kạn (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến đảo tròn trung tâm)	
1	Ngã ba Mỏ Bạch - Toà án tỉnh	7.000

2	Từ Tòa án tỉnh đến giáp đất Công ty Xây lắp điện (cũ)	8.000
3	Từ Công ty Xây lắp điện đến đảo tròn trung tâm (đài tưởng niệm)	9.000
	Trục phụ	
1	Trục chính rẽ vào khu dân cư đối diện cổng phụ Bảo tàng gặp đường Phủ Liễn	
	+ Vào 100m	3.500
	+ Trong quá 100m - Gặp đường Phủ Liễn	3.000
2	Đường vào khu dân cư đối Két nước (cũ)	3.500
3	Đường rẽ vào làng đối diện cầu Gia Bẩy	
	+ Vào 150m	4.000
	+ Qua 150m đến 300m (2 phía)	2.500
4	Đường rẽ theo hàng rào Tòa án tỉnh vào 50m	3.000
	+ Qua 50m đến 150m	2.000
5	Đường rẽ chân đồi cạnh trường Chính trị tỉnh	
	+ Vào 100m	3.000
	+ Qua 100m đến 250m	2.000
6	Đường rẽ khu dân cư cạnh trường Bưu điện	
	+ Từ đường Bắc Kạn vào 100m	3.500
	+ Qua 100m đến hết đất khu dân cư trường Bưu điện	2.500
7	Đường rẽ khu tập thể Sở xây dựng (Rẽ theo hàng rào Công ty Vận tải số 10)	
	+ Từ đường Bắc Kạn đến đường rẽ gặp đường gòong (cũ)	2.500
8	Đường rẽ khu dân cư Kho bạc và Xây lắp Nội thương 4	
	+ Từ đường Bắc Kạn vào 100m	4.000
	+ Qua 100m vào khu dân cư Xây lắp Nội thương 4	3.000
9	Đường rẽ vào khu dân cư chi nhánh điện thành phố	
	+ Từ đường Bắc Kạn vào 100m	3.000
	+ Qua 100m vào khu dân cư quy hoạch đường rộng $\geq 3,5m$	2.000
10	Ngõ 290: Vào 200m đầu.	2.000

11	Các ngõ 338,332 : Trục chính vào 150m	2.000
12	Ngõ 364: Trục chính vào 150m	2.000
13	Ngõ 432: Trục chính vào 150m	2.000
VI	Đường Minh Cầu <i>(Nối đường Phan Đình Phùng - đường Hoàng Văn Thụ)</i>	
	Toàn tuyến	7.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 01: Rẽ hàng rào Công ty Lương thực, vào 100m	3.000
2	Hai đường rẽ hàng rào chợ Minh Cầu vào khu dân cư sau chợ Minh Cầu , đường đã xây dựng cơ sở hạ tầng	3.500
3	Ngõ 62;82: Rẽ chân đồi pháo vào sân kho HTX Quyết Tâm	
	+ Từ đường Minh Cầu vào 100m đầu	3.000
	+ Đoạn còn lại đến hết đất sân kho	2.000
4	Ngõ 100: Rẽ vào lò vôi, trạm xá Công an tỉnh (theo đường cũ)	3.000
5	Rẽ vào trạm xá Công an tỉnh (theo đường mới)	3.500
6	Ngõ 146: Rẽ Trung tâm Giáo dục trẻ em thiết thời - Gặp đường Nguyễn Huệ	
	+ Từ đường Minh Cầu vào 200m	2.000
	+ Qua 200m đến gặp đường Nguyễn Huệ	1.500
7	Rẽ hết khu DCQH đối diện xí nghiệp Bia Thái Nguyên	
	+ Từ đường Minh Cầu vào 50m	3.000
	+ Trục còn lại trong khu dân cư quy hoạch có đường rộng $\geq 9m$	2.500
8	Ngõ 160: Đường rẽ giáp Xí nghiệp May Thái Nguyên, vào khu dân cư đối diện khách sạn Thái Hà, vào 150m	2.000
VII	Đường Nha Trang <i>(Nối đường Cách mạng Tháng 8 - đường Bến Tượng qua cổng Ủy ban tỉnh)</i>	
	Toàn tuyến	9.000
VIII	Đường Hùng Vương <i>(Từ quảng trường 20/8 đến gặp đường Bến Tượng)</i>	
	Toàn tuyến	9.000

	Trục phụ	
	Các ngõ rẽ trên trục về phía sân vận động Thái Nguyên có đường rộng $\geq 3,5m$	
	+ Từ đường Hùng Vương vào 200m đầu	3.000
IX	Đường bao quanh Tỉnh uỷ <i>(Nối từ đường Hùng Vương - đường Phùng Chí Kiên)</i>	
1	Từ đường Hùng Vương đến chân dốc Tỉnh uỷ (Cổng cũ)	4.000
2	Từ chân dốc Tỉnh uỷ đến hết đất Tỉnh uỷ	2.500
3	Giáp đất Tỉnh uỷ gặp đường Phùng Chí Kiên	3.000
	Trục phụ	
1	Chân dốc Tỉnh uỷ gặp đường Phan Đình Phùng (Cạnh Bưu điện hệ 1)	3.000
2	Đường nối cạnh Đảng uỷ khối dân chính Đảng gặp đường Phan Đình Phùng	3.000
3	Các đường rẽ từ trục chính vào 200m có đường rộng $\geq 3,5m$	2.500
X	Đường Nguyễn Du <i>(Từ đường Đội cán qua sân vận động gặp đường Cách mạng Tháng 8)</i>	
1	Từ đường Đội Cán đến đường Nha Trang	9.000
2	Từ đường Nha trang đến gặp đường Cách mạng Tháng 8	7.000
XI	Đường Phan Đình Phùng <i>(Nối đường Phùng Chí Kiên với đường sắt Hà Thái)</i>	
1	Từ đường Phùng Chí Kiên đến hết đất Tỉnh uỷ	6.000
2	Hết đất Tỉnh uỷ đến gặp đường Lương Ngọc Quyến	7.000
	Trục phụ	
1	Rẽ khu dân cư Hồng hà	
	+ Đường trong khu quy hoạch dân cư lô2 + lô3	3.000
	+ Đường quy hoạch còn lại và các đường có đường rộng $\geq 4,5m$	2.500
2	Rẽ sau Công ty thức ăn gia súc gặp đường phố Xương Rồng	2.000
3	Rẽ vào tổ 14,15 Túc Duyên (xóm Thái Ninh)	
	+ Trục chính vào 100m	2.000

	+ Qua 100m đến 250m	1.500
4	Rẽ theo hàng rào Tỉnh uỷ gặp cổng cũ (đường bao quanh Tỉnh uỷ)	3.000
5	Lối rẽ đối diện cổng Tỉnh uỷ mới vào tổ 13 phường Túc Duyên	
	+ Vào 200m	1.500
	+ Qua 200m đến 500m, có đường rộng $\geq 3,5m$	1.200
6	Các trục đường còn lại trong khu quy hoạch có đường rộng $\geq 3,5m$	2.500
7	Đường rẽ khu dân cư số 1 phường Trưng Vương gặp đường Bao quanh tỉnh uỷ)	3.000
8	Rẽ vào khu dân cư phường Túc Duyên đường Phan Đình Phùng (đoạn vuông góc với đường Phan Đình Phùng)	3.000
XII	Đường Túc Duyên Đường Phan Đình Phùng đi Huống qua Ủy ban nhân dân phường Túc Duyên	
1	Gặp đường Phan Đình Phùng qua lối rẽ cổng trường Trung học cơ sở và Tiểu học Túc Duyên + 200m	3.000
2	Qua lối rẽ cổng trường Trung học cơ sở và Tiểu học Túc Duyên + 200m đến lối rẽ ra bên đò đi Huống Trung	1.500
3	Lối rẽ ra bên đò đi Huống Trung đến cầu treo Huống	800
	Trục phụ	
1	Rẽ trường Trung học cơ sở và Tiểu học Túc Duyên	2.000
2	Rẽ khu dân cư phường Túc Duyên (cạnh UBND phường)	
	+ Đường quy hoạch trong khu dân cư đường Phan Đình Phùng và Túc Duyên đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	2.500
XIII	Đường Nguyễn Huệ (Nối đường Hoàng Văn Thụ - đường Phan Đình Phùng cạnh nhà xác Bệnh viện Đa Khoa)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến hết đất Bệnh viện Đa khoa	4.000
2	Từ giáp đất bệnh viện Đa khoa đến gặp đường Phan Đình Phùng	3.000

	Trục phụ	
1	+ Các đường khu dân cư quy hoạch A1, A2 có đường rộng $\geq 9m$	
	- Khu dân cư lô 2 + lô3	4.000
	- Khu dân cư lô4 + lô5	3.500
	- Khu dân cư lô 6 + lô7	3.000
2	Các trục rẽ còn lại trên tuyến	
	+ Đường rộng $\geq 4,5m$	2.000
	+ Đường rộng $\geq 3,5m$ nhưng $< 4,5m$	1.500
XIV	Đường Chu Văn An <i>(Nối đường Hoàng Văn Thụ - Đoàn Ca múa Dân gian)</i>	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ - ngã ba ngõ 21 sang trường cấp III Lương Ngọc Quyến	4.000
2	Ngã ba ngõ 21 - cổng đoàn Ca múa Dân gian	3.000
3	Đoàn Ca múa dân gian đến hết khu dân cư sở NN & PTNT	2.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 3 vào hết đường	3.000
2	Ngõ số 21 đến cổng trường cấp III Lương Ngọc Quyến	3.300
3	Ngõ 39 vào làng giáo viên Lương Ngọc Quyến	2.500
4	Rẽ vào khu dân cư trại dưỡng lão (cũ)	2.500
5	Đường Chu Văn An rẽ sang rạp ngoài trời (cũ)	2.500
6	Rẽ theo hàng rào trường Đội Cán gập đường Phủ Liễn	3.000
XV	Đường Phùng Chí Kiên Từ đường Hùng Vương gập đường Phan Đình Phùng	
1	Từ đường Hùng Vương đến ngã ba phố Cột Cờ	6.000
2	Ngã 3 phố cột cờ đến gập đường Phan Đình Phùng	4.000
	Trục phụ	
1	Các trục phụ từ đường Hùng Vương đến ngã ba phố Cột Cờ có đường bê tông hoặc dải nhựa, đường rộng $\geq 4,5m$, vào 100m	2.000
2	Trục phụ từ ngã ba phố cột cờ đến gập đường Phan Đình Phùng	

	+ Vào 100m	1.500
3	Đường vào chùa Đồng Mỗ, vào 150m đầu	2.000
XVI	Đường Bến Oánh <i>(Từ đường Bến Tượng đến cầu treo Bến Oánh)</i>	
1	Từ đường Bến Tượng đến ngã 3 phố Cột Cờ	10.000
2	Ngã 3 phố Cột Cờ đến rẽ Công ty Cấp nước	8.000
3	Rẽ Công ty Cấp nước đến rẽ bến phà Soi	6.000
4	Rẽ bến phà Soi đến cổng xiphông qua đường	3.500
5	Cổng xiphông đến cầu treo Bến Oánh	3.000
	Trục phụ	
1	Rẽ khu dân cư Công ty Nông sản thực phẩm	4.000
2	Rẽ theo đường phố Cột Cờ đến gặp đường Phùng Chí Kiên	5.000
3	Rẽ khu dân cư Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	
	+ Trục chính vào hết đất Truyền hình	3.000
	+ Qua đất truyền hình đến hết khu dân cư có đường rộng \geq 3,5m	2.500
4	Rẽ Công ty Cấp nước Thái Nguyên	
	+ Trục chính đến cổng Công ty Cấp nước	3.000
5	Rẽ khu dân cư Hợp tác xã Ánh Hoà	2.500
6	Rẽ xóm phà Soi đến đê Sông Cầu	
	+ Trục chính vào đến khu dân cư Tái định cư kè Sông Cầu	2.500
	+ Đoạn còn lại đến gặp đường Thanh niên (đến bờ đê Sông Cầu)	2.000
7	Đường rẽ vào tổ 4, 5 Túc Duyên	
	+ Vào 100m, đường rộng \geq 3,5m	1.500
	+ Qua 100m đến 250m	1.200
9	Rẽ tổ 1, 2, 3 phường Túc Duyên	
	+ Vào 100m, đường rộng \geq 3,5m	1.200
	+ Qua 100m đến 250m	1.000
10	Các ngõ 185, 165, 201 đoạn rẽ vào đèn cột cờ, đường bê tông hoặc dải nhựa	

	+ Đường rộng $\geq 3,5m$	3.000
	+ Đường rộng $\geq 2,5m$ nhưng $< 3,5m$	2.500
XVII	Đường Phủ Liễn <i>(Từ Đảo tròn trung tâm đến Hợp tác xã Bắc Hà)</i>	
1	Đảo tròn Thái Nguyên đến ngã 4 rẽ quán Cây Xanh	6.000
2	Từ ngã 4 rẽ quán Cây Xanh đến ngã ba gặp đường Minh Cầu kéo dài	5.000
3	Đoạn từ ngã ba Minh Cầu kéo dài đến hết đất HTX Bắc Hà	4.500
	Trục phụ	
1	Ngã ba cạnh Hợp tác xã Bắc Hà - Gặp đường QH khu dân cư Mỏ Bạch	
	+ Ngã ba cạnh Hợp tác xã Bắc Hà đến hết đất trường Tiểu học Đội Cấn	3.500
	+ Hết đất trường Tiểu học Đội Cấn đến ngã ba vào Nhà văn hoá tổ 25 phường Hoàng Văn Thụ	3.000
	+ Từ ngã ba vào Nhà văn hoá tổ 25 đến gặp đường QH khu dân cư Mỏ Bạch (Trung tâm Giáo dục thường xuyên)	2.500
2	Ngã tư rẽ quán Cây Xanh đến hết đất trường Trung học cơ sở Nguyễn Du	3.000
3	Giáp đất trường Trung học cơ sở Nguyễn Du đến ngã ba rẽ Nhà văn hoá tổ 25	2.500
4	Ngã 4 rẽ quán Cây Xanh	
	+ Ngã 4 rẽ quán Cây Xanh vào 200m	3.000
	+ Qua 200m theo các đoạn có đường rộng $\geq 3,5m$	2000
XVIII	Đường cách mạng tháng tám <i>(Từ đảo tròn trung tâm đến đảo tròn Gang Thép)</i>	
1	Đảo tròn trung tâm đến hết đất BCH Quân sự thành phố	9.000
2	BCH Quân sự thành phố đến cầu Xương Rồng	8.000
3	Cầu Xương Rồng đến ngã ba Gia Sàng	7.000
4	Từ ngã ba Gia Sàng đến ngã ba rẽ dốc chọi trâu	6.000
5	Ngã ba rẽ dốc chọi trâu đến ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể Cán A	5.500
6	Ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể cán A đến cầu	5.000

	Loàng	
7	Cầu Loàng đến đường sắt vào kho Ba mái (cũ)	4.500
8	Từ đường sắt vào kho ba mái (cũ) đến đường sắt đi kếp	4.000
9	Đường sắt đi kếp đến đảo tròn gang thép	5.000
	Trục phụ	
1	Rẽ theo hàng rào Sở thương mại đến chân núi Kôkê	
	+ Trục chính đến 100m đầu	2.500
	+ Qua 100m đến 200m về 2 phía	2.000
2	Rẽ theo hàng rào Bưu điện Tỉnh đến gặp đường Minh Cầu (phố Đầm Xanh)	
	+ Trục chính vào 150m đầu	3.000
	+ Đoạn còn lại đến gặp đường Minh Cầu	2.500
3	Rẽ cạnh tập thể Công an thành phố cũ, vào 100m	2.000
4	Rẽ trung tâm Y tế thành phố vào 150m	3.000
5	Ngõ 224: (Rẽ khu dân cư cạnh Thành đội); Ngõ 201 (rẽ trường Tiểu học Nha trang); khu dân cư viện Kiểm sát thành phố cũ, Ban kiến thiết Sở Thương mại và rẽ khu dân cư Công ty Môi trường đô thị)	
	+ Trục chính vào 100m	2.500
	+ Qua 100m đến 200m	2.000
6	Rẽ vào Phố Xương Rồng (trường Trung học Cơ Sở Nha Trang)	
	+ Trục chính đến hết đất trường Trung học cơ sở Nha Trang	3.500
	+ Từ hết đất trường Trung học cơ sở Nha Trang đến gặp đường Phan Đình Phùng	3.000
7	Rẽ vào Công ty Xây dựng số 2	
	+ Trục chính vào ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	2.500
	+ Ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên đến cổng công ty xây dựng số 2	2.000
8	Rẽ vào đền Xương rồng (Phố Xương rồng)	
	+ Trục chính vào đến cổng đền	2.800
	+ Cổng đền đến hết khu dân cư quy hoạch có đường rộng	2.000

	$\geq 3,5m$	
9	Ngõ rẽ đối diện ngã ba Bắc Nam (ngã ba Gia Sàng)	
	- Trục chính vào 100m	2.000
	- Qua 100 đến 250m	1.500
10	Ngõ 479: Rẽ vào xóm xưởng Đậu cũ phường Gia Sàng	
	+ Từ trục chính đến ngã ba	2.500
	+ Ngã ba tiếp theo + 200m về 2 phía	1.500
11	Ngõ 536	
	+ Trục chính vào 100m	2.000
	+ Qua 100m đến 300m	1.500
12	Rẽ khu lò vôi (giáp chợ Gia Sàng)	
	+ Trục chính vào 100m	2.500
	+ Qua 100m đến 250m	1.500
13	Ngõ 557: Khu dân cư số 1 phường Gia Sàng	
	+ Trục chính vào 100m	2.500
	+ Qua 100m + 250m	2.000
	+ Các đường khác trong khu dân cư có: * Đường rộng $\geq 9m$	1.500
	* Đường rộng $\geq 3,5m$ nhưng $< 9m$	1.200
14	Ngõ 606: Rẽ vào tiểu đoàn 3 lữ 210 (dốc Chọi trâu)	
	+ Trục chính vào 100m	1.500
	+ Qua 100m đến ngã ba rẽ trường Trung học cơ sở Gia Sàng	1.200
	+ Ngã ba rẽ trường Trung học cơ sở Gia Sàng đến gặp đường Thanh niên Xung phong	700
15	Rẽ vào trường Trung học cơ sở Gia Sàng	
	+ Trục chính vào 100m	1.500
	+ Qua 100m đến gặp trục phụ rẽ từ ngõ 606 (dốc Chọi Trâu)	1.200
16	Ngõ 781: Rẽ vào đường Đồng Tiến và khu tập thể cán A	
	+ Trục chính vào 100m	1.500

	+ Qua 100m đến 300m	1.000
	+ Đoạn còn lại vào Trại bầu và các trục ngang trong khu tập thể cán A	700
17	Ngõ 837: Rẽ khu dân cư Xí nghiệp Bê tông	
	+ Trục chính vào 100m	1.000
	+ Qua 100m đến 250m	800
18	Rẽ vào Nhà văn hóa tổ 4 phường Gia Sàng	
	+ Vào 100m đầu	1.500
	+ Qua 100m đến 300m	1.000
19	Ngõ 491: Rẽ theo đê phường Cam Giá (đi Cầu BADA)	
	- Trục chính vào 200m	1.000
	- Qua 200m đến nhà máy tấm lợp Amiăng	800
	+ Nhà máy tấm lợp Amiăng đến gặp đường Lưu Nhân Chú (Ủy ban nhân dân phường Cam Giá cũ)	600
20	Đoạn đường Cách mạng Tháng 8 cũ (qua dốc nguy hiểm)	1.000
21	Ngõ 950:	
	+ Trục chính vào 100m	1.000
	+ Qua 100m đến 250m	800
22	Ngõ 837: Rẽ vào khu dân cư xí nghiệp bê tông	
	+ Trục chính vào cổng xí nghiệp bê tông	1.000
	+ Đoạn còn lại đến hết khu dân cư	600
22	Ngõ 108:	
	+ Vào 150m đầu	700
	+ Tiếp theo đến ngã ba cuối khu tập thể đường sắt	600
	+ Cuối khu tập thể đường sắt qua Ủy ban nhân dân phường Phú Xá đến đường Phú xá	1.000
23	Ngõ 236/1:	
	+ Vào 100m đầu	
	+ Qua 100m đến 200m	700
24	Ngõ 109/1: Rẽ đến cổng Văn phòng Công ty Gang Thép	2.500
25	Rẽ vào xóm cửa hàng rau Gang Thép cũ	

	+ Vào 100m	1.500
	+ Qua 100m đến 300m	1.200
26	Ngõ 113: Rẽ theo đường sắt sang chợ khu Nam	
	+ Từ đường Cách mạng Tháng 8 đến đường rẽ Công ty Cổ phần Vận tải Gang Thép	1.500
	+ Từ đường rẽ Văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải Gang thép đến gặp đường Lưu Nhân Chú	1.000
27	Đường rẽ vào đôi bia (cũ)	
	+ Từ đường Cách mạng Tháng 8 vào đến ngã ba	1.500
	+ Từ ngã ba đi 2 hướng + 200m,	800
28	Rẽ vào tổ nhân dân số 4 phường Cam Giá, Vào 100m	1.000
29	Rẽ vào Khu dân cư cơ khí	
	+ Vào 100m	1.500
	+ Qua 100m đến 200m	1.000
	+ Qua 200m đến 500m	700
30	Từ đường Cách mạng Tháng 8 rẽ theo đất cửa hàng ăn uống số 4 (cũ)	
	+ Vào 50m	1.500
	+ Qua 50m đến 100m	1.000
	+ Đoạn tiếp theo đến gặp đường QH KDC Cơ khí	600
31	Các nhánh khác còn lại rẽ trên trục đường 36m	
	+ Đường rộng $\geq 6m$ nếu dải nhựa hoặc đổ bê tông	
	* Vào 100m	1.500
	* Qua 100m đến 300m	1.000
XIX	Đường Quang Trung <i>(Từ đường sắt Hà Thái đến ngã 3 rẽ nghĩa trang Dốc Lim)</i>	
1	Đường sắt Hà Thái đến cổng Z159	6.000
2	Cổng Z159 đến rẽ cổng X79	5.000
3	Rẽ cổng X79 đến hết đất Trung tâm Chính hình	5.000
4	Giáp đất Trung tâm Chính hình đến ngã ba Đán đi Núi Cốc	5.500
5	Ngã ba Đán đi Núi Cốc đến ngã ba rẽ bệnh viện A cũ	3.000

6	Ngã ba rẽ Bệnh viện A cũ đến cầu kênh Núi Cốc	2.000
7	Cầu kênh núi cốc đến ngã ba rẽ đi Dốc Lim	1.500
	Trục phụ	
1	Rẽ khu dân cư Z159, vào 200m	2.500
2	Rẽ khu dân cư X79 (hai đường) và Tiểu đoàn 2 - vào 100m	2.500
3	Đoạn còn lại và các đường khác trong khu dân cư Z 159 và X79 có đường rộng $\geq 5m$	2.000
4	Rẽ vào khu tập thể Công ty Xây dựng số 1 đến cổng Ủy ban nhân dân phường Tân Thịnh	1.500
5	Rẽ vào Sở Giao thông cũ và khu tập thể XN KS thiết kế: Vào 150m	1.500
9	Rẽ đi trường Tiểu học Lương Ngọc Quyến, vào 100m	1.500
10	Rẽ vào Trung học Y tế : Trục chính vào 300m	2.000
11	Rẽ vào cổng cũ trường Cao đẳng Sư phạm	
	+ Từ đường Quang Trung đến đất trường Cao đẳng Sư phạm	3.000
12	Rẽ vào tổ 19: 150m đầu(cạnh báo Nông nghiệp Việt nam)	1.200
13	Rẽ vào khu dân cư số 2 Thịnh Đán, vào hết khu quy hoạch	2.500
14	Rẽ vào Bệnh viện A cũ	
	+ Từ đường Quang Trung đến cổng Bệnh viện A cũ	1.200
	+ Cổng Bệnh viện A đến hết đất Bệnh viện A cũ	1.000
	+ Hết đất Bệnh viện A cũ đến giáp đất khu tái định cư phường Tân Lập	700
14	Rẽ Trung tâm 05, 06 tỉnh Thái Nguyên	
	+ Trục chính vào 150m	800
XX	Đường Thống Nhất (Từ ngã ba Bắc Nam - đường Phú Xá)	
1	Từ ngã 3 Bắc Nam đến đường sắt Hà Thái	6.000
2	Đường sắt Hà Thái đến hết đất Xí nghiệp may Việt - Thái	4.000
3	Giáp đất Xí nghiệp May Việt - Thái đến ngã tư rẽ trường Cao đẳng Kinh tế	3.500
4	Ngã tư rẽ trường Cao đẳng Kinh tế đến gặp đường Thanh	3.000

	niên Xung phong (Chợ Bờ Hồ)	
5	Đường Thanh niên Xung phong đến hết đất trường Trung học cơ sở Tân Lập	3.500
6	Hết đất trường Trung học cơ sở Tân Lập đến rẽ vào ga Lưu Xá	3.000
7	Rẽ vào ga Lưu xá đến rẽ đường Phú Xá	3.500
	Trục phụ	
1	Ngõ 160:	
	+ Trục chính đến cổng nhà hàng Hải Yến	2.500
	+ Từ cổng nhà hàng Hải Yến rẽ 2 phía đến 100m	1.800
2	Ngõ 279 và ngõ 247: Vào 100m	1.500
3	Ngõ 301:	
	+ Vào 100m	1.500
	+ Qua 100m đến 250m	1000
4	Ngõ 321: Rẽ khu dân cư Bách hoá	
	+ Trục chính vào 100m	1.500
	+ Qua 100m đến 250m	1000
5	Ngõ 339: Rẽ cạnh kiốt xăng	
	+ Vào 100m	1.500
	+ Qua 100m đến 250m	1.000
6	Ngõ 369: (đường bê tông song song với đường sắt)	
	+ Vào 100m	1000
	+ Qua 100m đến 250m	800
7	Ngõ 396: Rẽ vào cổng Công ty Cổ phần vận tải ô tô Thái Nguyên	
	+ Trục chính đến cổng Công ty Cổ phần vận tải ô tô Thái Nguyên	2.000
	+ Từ cổng Công ty ô tô qua trường tiểu học Lê Văn Tám gặp đường Phú Thái	800
8	Rẽ KDC tập thể Cao đẳng Thương Mại TW 4, vào 250m	800
9	Rẽ đối diện Hạt quản lý đường bộ	
	+ Từ trục chính đến ngã ba	800

10	Rẽ vào Công ty Kim khí Thái Nguyên, trạm đăng kiểm giao thông	
	+ Trục chính vào 100m	1.500
	+ Qua 100m đến cổng Công ty Kim khí Thái Nguyên	1.000
11	Rẽ khu dân cư chợ Sắt vụn (xưởng đậu cũ)	
	+ Các đường trong Quy hoạch khu dân cư có đường rộng $\geq 4,5m$	1.000
12	Ngõ 209 cạnh Xí nghiệp may Việt Thái	
	+ Trục chính vào 150m	800
13	Ngõ 231:	
	+ Trục chính vào 200m	700
14	Ngõ 287:	
	+ Trục chính vào 200m	700
15	Ngõ 289: lên khu tập thể đoạn quản lý đường bộ	
	+ Trục chính vào 200m đầu	700
16	Ngõ 319 : Trục chính vào 100m đầu	600
17	- Rẽ Bệnh viện Lao (2 đường)	
	+ Từ đường Thống Nhất đến cổng viện Lao	1.500
18	Rẽ đến cổng Xí nghiệp 19/5	
	+ Trục chính vào đến cổng Xí nghiệp 19/5	1.000
19	Ngõ 146 - Cạnh Công an phường Tân Lập, vào 150m	800
20	Ngõ 226, vào 150m	800
21	Ngõ 272: vào nhà khách Kim loại màu	
	+ Vào 100m	1.200
	+ Qua 100m đến 250m	800
22	Rẽ ngõ 360 : vào 100m (Đối diện đường vào Công ty 472)	800
23	Rẽ vào Công ty 472 (trục chính tới cổng công ty)	1.000
24	Rẽ vào khu dân cư số 1 phường Tân Lập	
	+ Trục chính vào 150m	1.200
	+ Các đường quy hoạch trong khu dân cư có đường rộng \geq	1.000

	9m	
	+ Đường rộng $\geq 5m$ nhưng $< 9m$	800
25	Rẽ vào ga Lưu xá	
	+ Trục chính đến cổng Văn phòng Công ty Kim loại màu	1.500
	+ Cổng văn phòng Công ty Kim loại màu đến xưởng sản xuất của Công ty Kim loại màu	1.000
	+ Từ cổng xưởng SX Công ty Kim loại màu đến ga Lưu Xá	800
26	Trục chính rẽ Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh	
	+ Trục chính vào 200m	1.500
	+ Qua 200m đến 450m	1.000
	+ Qua 450m đến nghĩa trang	700
27	Rẽ vào khu dân cư quy hoạch Công ty kim loại màu, vào 100m	800
	+ Các đường trong khu dân cư Công ty Kim loại màu	600
XXI	Đường 3 - 2 <i>(Từ đường Phú Xá - ngã ba đường Phố Hương)</i>	
1	Rẽ đường Phú Xá đến rẽ đường Gang Thép	2.500
2	Rẽ vào đường Gang Thép đến ngã ba rẽ đường phố Hương	2.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào nhà văn hóa xóm Hào Thọ	
	+ Từ trục chính vào 200m đầu	800
	+ Qua 200m đến ngã ba trường Tiểu học Tích Lương	650
	+ Từ ngã ba tiếp 250m về 2 phía	500
2	Từ ngã tư (rẽ đối diện đường Gang Thép) vào xóm Trung Lương	
	- Trục chính vào 200m đầu	800
	- Qua 200m đến 450m	700
	- Qua 450m tiếp theo đến trường Đào tạo nghề Cơ điện Luyện kim	500
XXII	Đường 30 - 4 <i>(Từ ngã ba rẽ đường Phố Hương đến hết đất thành phố)</i>	

1	Đoạn từ ngã ba Phó Hương đến hết đất bưu điện Tân Thành	2.000
2	Giáp đất bưu điện Tân Thành đến hết đất thành phố	1.500
	Trục phụ	
	Rẽ vào trường công nhân kỹ thuật III	
	+ Trục chính vào 200m đầu	1.000
	+ Qua 200m đến 450m	800
	+ Sau 450m đến hết đất trường	900
XXIII	Đường Lê Quý Đôn <i>(Nối đường Lương Ngọc Quyến và đường Lương Thế Vinh)</i>	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến đường rẽ cổng Sân vận động Đại học Sư phạm	6.000
2	Từ cổng Sân vận động Đại học Sư phạm đến gặp đường Lương Thế Vinh	4.500
	Trục phụ	
	Đường quy hoạch trong khu dân cư Nam ĐHSPT Thái Nguyên đã được xây dựng hoàn chỉnh, đường rộng $\geq 9m$	4.000
XXIV	Đường Lương Thế Vinh Nối đường Lương Ngọc Quyến và đường Mỏ Bạch <i>(Đê Mỏ Bạch qua cổng Công ty Xây dựng số 1 (cũ))</i>	
1	Từ đường LNQ đến hết đất Công ty Xây dựng số 1 (cũ)	3.500
2	Hết đất Công ty Xây dựng số 1 (cũ) đến gặp đường Lê Quý Đôn	3.000
3	Ngã ba đường Lê Quý Đôn gặp đường Mỏ Bạch (đê Mỏ Bạch)	4.000
	Trục phụ	
1	Nhánh rẽ trên đoạn từ đầu đường Lương Thế Vinh đến gặp đường Lê Quý Đôn, vào 150m	
	+ Đường rộng $\geq 9m$	2.500
	+ Đường rộng $\geq 6m$ nhưng $< 9m$	2.000
2	Nhánh rẽ trên đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến gặp đường Mỏ Bạch	2.500
	+ Đường rộng $\geq 6m$	2.500
	+ Đường rộng $\geq 3,5m$ nhưng $< 6m$	2.000
XXV	Đường Đồng Quang	

	Đường Lương Ngọc Quyến gặp đường Hoàng Văn Thụ (<i>Rẽ cạnh Ủy ban nhân dân phường Đồng Quang</i>)	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến , vào đến giáp đất trường cấp II Đồng Quang	3.000
3	Từ giáp đất trường cấp II Đồng Quang ra đường Hoàng Văn Thụ	3.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào khu dân cư Tỉnh đội, vào 150m đầu	2.000
2	Rẽ vào khu dân cư số 2 Đồng Quang gặp đường Đồng Quang	2.500
3	Rẽ khu dân cư đò C25 cũ, vào 150m	1.500
4	Rẽ nhà hàng ASEAN, vào 150m	2.000
5	Rẽ nhà hàng Hương Cảng gặp đường Hoàng Văn Thụ	2.000
XXVI	Đường Bắc Nam (<i>Từ Ngã ba Bắc nam đến ngã ba Gia sàng</i>)	
	Toàn tuyến	5.500
	Trục phụ	
1	Ngõ 126; ngõ 92: Rẽ vào Cơ khí Bắc nam và khu dân cư quy hoạch vào 100m (đường bê tông)	2.500
2	Ngõ 177; 157, đường bê tông $\geq 3,5m$	
	+ Vào 100m	2.000
	+ Qua 100m đến 200m	1.500
3	Ngõ 141: Rẽ đối diện Công ty Cổ phần Bê tông xây dựng 50m (đường đất)	1.000
4	Ngõ 105: Rẽ vào khu dân cư sân kho Hợp tác xã Gia Sàng cũ, đường bê tông $\geq 3,5m$	1.500
5	Ngõ 46; 50 vào 100m	1.000
6	Ngõ 89 vào 50m	800
7	Ngõ 67:	
	+ Vào 100m	1000
	+ Qua 100m đến 200m	800
XXVII	Đường Tân Quang (<i>Đường Bắc Nam - đường Thanh niên xung phong</i>)	
1	Đường Bắc Nam đến hết đất trường Lê Quý Đôn	1.500

2	Giáp đất trường Lê Quý Đôn đến ngã 3 rẽ đường sắt	1.000
3	Từ ngã 3 đến đường sắt	800
4	Từ đường sắt gặp đường Thanh niên xung phong	600
	Trục phụ	
	Đường rẽ có đường rộng $\geq 3,5m$, vào 100m (Đoạn từ đường Bắc Nam đến ngã ba rẽ đường sắt)	700
XXVIII	Đường Dương Tự Minh (Km số 6 Quốc lộ 3 đến ngã ba Mỏ Bạch)	
1	Km số 6 (giáp đất Phú Lương) đến ngã 4 tuyến tránh Quốc lộ 3	2.500
2	Từ ngã 4 tuyến tránh Quốc lộ 3 đến cầu Tân Long	3.200
3	Cầu Tân Long đến rẽ cổng Z127	3.500
4	Rẽ cổng Z127 - Cầu Mỏ bạch	4.000
5	Cầu Mỏ Bạch đến rẽ lên đê Mỏ bạch	7.000
6	Rẽ đê mỏ Bạch đến Ngã ba Mỏ bạch	9.000
	Trục phụ	
1	Đường rẽ vào cổng nhà máy xay Mỏ Bạch đến khu dân cư Sở xây dựng	
	+ Từ trục chính đến cổng nhà máy xay	3000
	+ Từ cổng nhà máy xay đến khu dân cư Sở Xây dựng có đường rộng $\geq 3,5m$	2.000
2	Từ đường Dương Tự Minh rẽ vào hết đất khách sạn Thái An Dương	
	+ Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	1.500
	+ Đoạn còn lại hết khu dân cư có đường rộng $\geq 3,5m$	1.000
3	Ngõ 882: rẽ vào xóm Thần Vi	
	+ Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.000
	+ Qua 100m đến 200m (đoạn thẳng vuông góc với đường Dương Tự Minh)	900
	+ Qua 200m tiếp theo đến ngã ba đi nghĩa trang	800
	+ Đoạn còn lại và các đường rẽ trên trục phụ có đường rộng $\geq 3,5m$	600
4	Ngõ 845: rẽ vào cổng phụ Nhà máy Điện	

	- Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.500
	- Qua 100m đến nhà văn hóa Điện lực	1.200
	+ Từ Nhà văn hóa Điện lực đến hết trường mầm non Điện lực	1.000
	+ Các đường rẽ khu dân cư quanh sân bóng có đường rộng $\geq 3,5m$	800
5	Ngõ 719: Rẽ vào cổng chính Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	
	+ Trục chính đến ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	1.500
	+ Từ ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn đến hết đất nhà nghỉ giao ca Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	1.200
	+ Từ nhà nghỉ giao ca Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn đến hết đất Hợp tác xã Cộng lực	600
6	Rẽ vào Tổ nhân dân Tân Thành (đối diện đường rẽ vào cổng chính Công ty nhiệt điện Cao Ngạn)	
	+ Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.000
	+ Qua 100m đến 200m	800
	+ Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có đường rộng $\geq 3,5m$	600
7	Ngõ 647:	
	+ Vào 100m đầu	1.000
	+ Sau 100m đến 200m theo tiếp đoạn có đường rộng $\geq 3,5m$	800
8	Ngõ 616; 673: Rẽ khu dân cư Z127	
	+ Từ trục chính - cổng Z127	2.000
	+ Cổng Z127 - Hết khu tập thể	1.200
9	Ngõ 577: rẽ vào BQLDA Công ty Điện Cao ngạn (ngõ Đá)	
	+ Từ trục chính vào đến cổng BQLDA	1.500
	+ Đoạn còn lại từ cổng BQLDA đi khu dân cư có đường rộng $\geq 3,5m$	1.000
10	Ngõ 511: Rẽ theo đường sắt cũ	
	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	800
11	Rẽ vào Công ty Giấy Hoàng Văn Thụ	
	+ Từ đường Dương Tự Minh vào đến cổng Văn phòng	2.000

	Công ty Giấy Hoàng Văn Thụ	
	+ Đường trong khu dân cư Công ty Giấy Hoàng Văn Thụ và khu TĐC tuyến băng tải than có đường rộng $\geq 3,5m$	1.000
12	Rẽ vào đường gòong (hai bên)	
	+ Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	800
	+ Qua 100m đến 250m	600
13	Rẽ theo hàng rào Cơ khí 3/2	
	+ Từ đường Dương Tự Minh vào 200m	750
	+ Đường trục ngang trong khu dân cư 3/2 có đường rộng $\geq 3,5m$	600
14	Rẽ vào xưởng 100	
	+ Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	800
	+ Đường ngang trong KDC có đường rộng $\geq 3,5m$	600
15	Ngõ 236: Rẽ vào Trại giam Công an Thành Phố cũ	
	+ Vào 100m	700
16	Ngõ 146: Rẽ vào tập thể xí nghiệp ô tô 10 (Hết đất XN)	
	+ Từ đường Dương Tự Minh, vào 100m	800
17	Ngõ 139: Rẽ vào Ủy ban nhân dân phường Tân Long	
	+ Từ đường Dương Tự Minh đến ngã ba cổng trường Trung học cơ sở Tân Long	1.000
	+ Từ cổng trường Trung học đến ngã ba trường Tiểu học Tân Long	600
18	Rẽ vào khu dân cư tổ 9 phường Tân Long (tổ 14 + 21 cũ)	
	+ Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	700
	+ Qua 150m đến 250m	600
19	Ngõ 163: Rẽ vào khu tập thể Nhà máy Sứ	
	+ Từ đường Dương Tự Minh vào 200m	800
20	Ngõ 128: Rẽ vào nghĩa trang phường Tân Long	
	- Từ đường Dương Tự Minh vào đến ngã ba trường Mầm Non phường Tân Long	800
	- Từ ngã ba rẽ theo về 2 phía đến cổng chui (tuyến tránh Quốc lộ 3)	650

	+ Khu dân cư tái định cư phường Tân Long:	
	+ Các ô bóm đường QH rộng $\geq 16,5m$	650
	+ Các ô bóm đường quy hoạch rộng $\geq 9m$ nhưng $< 16,5m$	550
21	Ngõ 45: Rẽ khu dân cư tổ 16 (Vào 100m)	600
22	Ngõ 77: Rẽ khu dân cư tổ 15 (Vào 100m)	600
23	Đường rẽ vào đôi PAM - Tổ 16, vào 100m	600
XXIX	Đường Mỏ Bạch (Từ Đường Dương Tự Minh đến cổng trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên)	
	Toàn tuyến	3.000
	Trục phụ	
1	Rẽ cạnh Nhà văn hóa Mỏ Bạch (vào 100m)	2.000
2	Đường quy hoạch khu dân cư khu vực cổng chính Đại học Nông lâm Thái Nguyên	
	+ Đường trong khu quy hoạch dân cư có đường rộng $\geq 6m$	2.500
	+ Đường trong khu quy hoạch dân cư có đường rộng $\geq 3,5m$ nhưng $< 6m$	1.500
XXX	Đường Quang Vinh (Rẽ vào Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh cũ)	
1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	1.500
2	Qua 150m - Cổng trường Trung học cơ sở Quang Vinh	1.200
3	Cổng trường Trung học cơ sở đến hết khu dân cư số 1, đường rộng $\geq 19,5m$	1.000
4	Giáp đất khu dân cư số I đến nhà văn hoá xóm Soi Dầu	800
5	Từ nhà văn hoá xóm Soi Dầu ra gặp đường Bắc Kạn	600
	Trục phụ	
1	Rẽ vào khu dân cư quy hoạch NM xây Công ty Lương thực	800
2	Đường trong khu dân cư số 1 Quang Vinh đã được xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng	
	+ Đường rộng $\geq 9,5m$	800
XXXI	Đường Quan Triều (Từ đường Dương Tự Minh vào ga Quan Triều)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Công ty Xây dựng cơ	2.500

	sở hạ tầng (cũ)	
2	Công Công ty Xây dựng cơ sở hạ tầng (cũ) đến ga Quán Triều	1.500
	Trục Phụ	
	Các đường rẽ từ đường Quán Triều là đường bê tông, đường rộng $\geq 3,5\text{m}$	
	- Từ đường Quán Triều vào 100m	1.000
	- Qua 100m đến 250m	700
XXXII	Đường Phúc Hà <i>(Đường Dương Tự Minh gặp đường Núi Cốc)</i>	
1	Đường Dương Tự Minh vào 150m	800
2	Qua 150m đến ngã 3 rẽ vào trường Trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ	500
3	Ngã ba rẽ trường Trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ đến hết đất phường Quán Triều (công cân)	400
4	Từ công cân qua đèo 1000 đến công UBND xã Phúc Hà	350
5	Từ UBND xã Phúc Hà đến gặp đường Núi Cốc	300
	Trục phụ	
1	Từ trạm cân đến công trạm bảo vệ số 1	300
2	Ngã ba công rẽ công trường trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ	350
XXXIII	Đường Việt Bắc <i>(Đường Thống Nhất gặp đường Mỏ Bạch)</i>	
1	Gặp đường Thống nhất đến công trường Văn hoá nghệ thuật (thuộc Phường Đồng quang)	2.000
2	Công trường Văn hoá nghệ thuật đến gặp đường Quang Trung	2.500
3	Đường Quang trung đến gặp đường Mỏ Bạch	2.000
	Trục phụ	
	Các trục phụ là đường bê tông có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$,	
	+ Vào 100m	1.000
	+ Sau 100m đến 250m	800
XXXIV	Đường Phú Thái, Đường Quang Trung gặp đường Thống Nhất	

<i>(qua trường Cao đẳng giao thông)</i>		
1	Đường Quang Trung đến hết khu dân cư số 1 phường Tân Thịnh	1.500
2	Hết Khu dân cư số 1 đến ngã ba rẽ đi viện lao và trường Cao đẳng giao thông	1.200
3	Từ ngã ba đi đến cổng trường Cao đẳng Giao thông	1.000
4	Từ cổng trường Cao đẳng Giao thông đến đường rẽ Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông số 1	1.200
5	Từ rẽ Công ty Cổ phần xây dựng giao thông số 1 đến gặp đường Thống Nhất	1.500
Trục phụ		
1	Từ ngã ba rẽ bệnh viện lao và trường cao đẳng giao thông đến khu dân cư số 5 phường Tân Thịnh	1000
2	Đoạn qua khu dân cư số 5 phường Tân Thịnh	
	+ Các đường còn lại trong khu dân cư số 5 phường Tân Thịnh mới quy hoạch có đường rộng $\geq 5m$	1.000
2	Đoạn hết khu dân cư số 5 phường Tân Thịnh đến gặp ngã ba cổng viện lao và ra đường Thống nhất về 2 phía	1.500
XXXV	Đường Gia Sàng <i>(Từ đường Cách mạng tháng tám qua Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường Gia Sàng đến Trạm chống sét)</i>	
1	Từ đường Cách mạng tháng tám đến cổng Ủy ban nhân dân phường Gia Sàng	2.500
2	Cổng Ủy ban nhân dân phường - Ngã 3 cổng Trường tiểu học Gia Sàng	2.000
3	Cổng trường tiểu học Gia Sàng đến ngã 3 sau trường tiểu học Gia Sàng	1.500
4	Ngã ba sau trường tiểu học Gia Sàng đến trạm chống sét	1.000
Trục phụ		
1	Rẽ theo hàng rào công an phường gặp đường rẽ xưởng Đậu cũ, vào 150m	1.500
2	Rẽ vào cổng trường tiểu học Gia Sàng	1.200
3	Rẽ trạm chống sét đến khu dân cư bệnh xá Ban chỉ huy Quân sự tỉnh	650
XXXVI	Đường Thanh niên xung phong	

Từ đường Cách mạng Tháng 8 - đường Thống Nhất <i>(giáp chợ bờ hồ phường Tân Lập)</i>		
1	Từ đường Cách mạng Tháng 8 hết đất xưởng bia Công ty Việt Bắc	2.000
2	Giáp đất xưởng bia Công ty Việt Bắc gặp đường sắt vào nhà máy cán Gia Sàng	1.500
3	Đường sắt - cách đường Thống Nhất 100m	800
4	Cách đường Thống Nhất 100m đến gặp đường Thống Nhất	1.000
Trục phụ		
1	Rẽ dài tường niệm Thanh niên xung phong (100m)	800
2	Rẽ song song theo đường sắt đến xưởng cán Công ty Kim khí Gia Sàng	600
XXXVII	Đường Phú Xá <i>(Từ Đường 3/2 qua đường sắt Hà Thái gặp đường Cách mạng Tháng 8)</i>	
1	Từ đường Cách mạng Tháng 8 đến đường sắt Hà Thái	1.700
2	Đường sắt đến đường rẽ nghĩa trang phường Phú xá	1.300
3	Đường rẽ nghĩa trang đến gặp đường 3-2	2.000
XXXVIII	Đường Thịnh Đán <i>(Đường Quang Trung gặp đường Núi Cốc)</i>	
1	Từ đường Quang Trung gặp đường rẽ Trung tâm điều hành Đại học Thái Nguyên	2.000
2	Từ rẽ Trung tâm Điều hành Đại học Thái Nguyên - Hết đất Trung tâm giáo dục Quốc phòng	2.500
3	Hết đất Trung tâm giáo dục Quốc phòng qua cổng Z115 đến gặp đường Núi Cốc	1.200
Trục phụ		
1	Rẽ vào khu dân cư X79,	
	+ Vào 150m đầu	1.500
	+ Qua 150m đến 250m	1.200
2	Rẽ khu dân cư quy hoạch Nam Đại học Thái Nguyên đã xây dựng hoàn chỉnh	
	- Đường rộng $\geq 19m$	1.500

	- Đường trong khu dân cư đường rộng $\geq 14\text{m}$ nhưng $< 9\text{m}$	1.200
	+ Nhánh rẽ từ trục phụ đối diện văn phòng Đại học Thái Nguyên ra đến cầu sắt sau Z 159	700
	+ Nhánh rẽ cạnh văn phòng Đại học Thái Nguyên đến nhà văn hoá tổ 3 Tiến Ninh	600
3	Từ cổng Z115 đến hết đất khu dân cư xóm Nước Hai	500
	+ Các đường lô trong khu dân cư quy hoạch Tái định cư xóm nước Hai có đường rộng $\geq 9\text{m}$	500
4	Từ cầu vượt Sơn Tiên qua nhà Văn hóa Sơn Tiên gặp đường Thịnh Đán	500
5	Các đường lô trong khu dân cư quy hoạch Thái Sơn 2 có đường rộng $\geq 6\text{m}$ nhưng $< 9\text{m}$	600
6	Ngõ 1/7 và 2/7 – Vào 100m	1.200
7	Ngõ rẽ cạnh nhà số 5 và số 7 – Vào 100m	1.200
8	Ngõ rẽ cạnh nhà số 25 và số 27 – Vào 100m	1.200
9	Ngõ rẽ cạnh nhà số 43 – Vào 100m	1.200
10	Ngõ rẽ cạnh nhà số 77 – Vào 100m	1.000
11	Ngõ rẽ cạnh nhà số 111 – Vào 100m	1.100
12	Ngõ rẽ vào Toà án Quân sự QKI và khu dân cư X74 cũ	
	- Từ đường Thịnh Đán đến cổng Toà án Quân sự QKI	1.200
	- Từ cổng Toà án Quân sự QKI đến cổng trường dạy nghề số I Bộ Quốc phòng	950
14	Ngõ rẽ vào đến nhà văn hoá tổ 3 Tiến Ninh	600
15	Ngõ rẽ đối diện nhà số 134 vào gặp đường tránh thành phố.	700
16	Ngõ rẽ theo hàng rào trường Vùng cao Việt Bắc gặp đường tránh thành phố	800
17	Ngõ rẽ cạnh Trung tâm giáo dục quốc phòng Đại học Thái Nguyên - vào 100m	750
18	Ngõ rẽ cạnh hàng rào ký túc xá Trung tâm giáo dục quốc phòng Đại học Thái Nguyên (cạnh nhà A7) - vào 150m	750
XXXIX	Đường Tân Cương, Đường Quang Trung gặp đường Nam Núi Cốc (vào xã Tân Cương)	
1	Ngã ba đi Dốc Lim - Nhà văn hoá tổ 7 phường Thịnh Đán	800

2	Nhà văn hoá tổ 7 phường Thịnh Đán - đường rẽ chùa Yna	600
3	Từ đường rẽ vào chùa Yna đến ngã ba đường rẽ vào trường Tiểu học Tân Cương	700
4	Từ ngã ba rẽ trường Tiểu học Tân Cương đến hết đất xã Tân Cương	650
5	Các trục phụ là đường bê tông thuộc các đường liên xóm, xã, liên thôn có đường rộng $\geq 3,5m$, vào 200m	300
XXXX	Đường Tân Thịnh Nối đường Quang Trung gặp đường Thống Nhất <i>(Rẽ cạnh Kho Bạc thành phố ra trường Cao đẳng Kinh tế)</i>	
1	Từ đường Quang Trung vào 150m	1.800
2	Qua 150m đến cổng trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	1.500
3	Cổng trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật đến cổng trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính	1.800
4	Cổng trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính đến gặp đường Thống Nhất	2.000
XXXXI	Đường Thịnh Đức <i>(Đường 262 - Từ ngã ba Dốc Lim qua Ủy ban nhân dân xã Thịnh Đức sang thị xã sông Công)</i>	
1	Ngã ba Dốc Lim đến cổng trường Trung, Tiểu học Thịnh Đức	500
2	Từ cổng trường Trung, Tiểu học Thịnh Đức đến đường rẽ trường bắn Lữ đoàn 382	600
3	Đoạn từ đường rẽ trường bắn Lữ đoàn 382 đến ngã 3 đi Sông Công	500
	Trục phụ	
4	Các trục liên xóm, liên xã, đường rộng $\geq 3,5m$, là đường bê tông, vào 200m	300
XXXXII	Đường Núi Cốc (Đường 260) <i>(Từ ngã ba dốc Đán đường Quang Trung đến Khu du lịch Công đoàn Núi Cốc)</i>	
1	Từ đường Quang Trung đến cổng Công ty Việt bắc	1.500
2	Từ cổng Công ty Việt Bắc đến ngã ba gặp đường Thịnh Đán	1.200
3	Ngã ba gặp đường Thịnh Đán đến Nhà văn hoá xã Phúc Xuân	800
4	Nhà văn hoá xã Phúc Xuân đến Đường rẽ trạm y tế xã	900

	Phúc Xuân	
5	Đường rẽ trạm y tế xã Phúc Xuân đến ngã ba đi nam hồ Núi Cốc	700
	Trục phụ	
6	Từ ngã ba Nam Núi Cốc đi đập Nam Hồ Núi Cốc	500
7	Ngã ba rẽ Nam Hồ Núi Cốc đến hết đất thành phố (lên khu bắc Hồ Núi Cốc)	500
XXXXIII	Đường Phúc Xuân <i>(Từ Đường Núi Cốc đến đường Phúc Trìu)</i>	
	Toàn tuyến	400
XXXXIV	Đường Phúc Trìu <i>Từ đường Tân Cương đến đường Nam Núi Cốc</i> <i>(Dọc theo kênh Núi Cốc)</i>	
	Toàn tuyến	400
XXXXV	Đường Nam Núi Cốc <i>(Từ đường Phúc Trìu - đường Núi Cốc)</i>	
	Toàn tuyến	400
XXXXVI	Đường Tích Lương <i>(Từ đường 3/2 qua xưởng thực hành Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đến Lũ 210)</i>	
1	Từ trục chính vào hết đất xưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	1.200
2	Hết đất xưởng thực hành trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đến cầu kênh Núi Cốc	700
3	Cầu kênh Núi Cốc đến hết đất Lũ 210	400
	Trục phụ	
XXXXVII	Đường Lương Sơn <i>(Từ đường Vó Ngựa qua Ủy ban nhân dân xã Lương Sơn gặp đường 30/4)</i>	
1	Từ đường Vó Ngựa vào 100m	600
2	Qua 100m đến nghĩa trang xóm Ngân	500
3	Từ nghĩa trang đến cống kênh trường Cao đẳng Luyện kim	800
4	Từ cống kênh đến gặp đường 30/4	1.000

Trục phụ		
	Từ ngã ba rẽ Trường Cao đẳng Luyện kim đến cổng trường Quân chính	650
XXXXVIII	Đường Tân Thành Nối đường 30/4 với đường Vó Ngựa (Ngã 3 Tân Thành)	
1	Từ đường 30/4 đến đường sắt	1.000
2	Từ đường sắt đến trường Trung học cơ sở Tân Thành	800
3	Từ trường Trung học cơ sở Tân Thành đến cách đường Vó Ngựa 150m	700
4	Từ cách đường Vó Ngựa 150m đến đường Vó Ngựa	800
XXXXIX	Đường Lưu Nhân Chú <i>(Từ đường Phố Hương qua đảo tròn Gang thép đến cổng phụ Công ty Gang Thép thuộc phường Cam Giá)</i>	
1	Ngã ba Phố Hương đến cổng sân vận động Gang Thép	2000
2	Cổng sân vận động Gang Thép đến đảo tròn Gang Thép	2.500
3	Đảo tròn Gang thép đến Bưu điện Hương Sơn	2.000
4	Bưu điện Hương Sơn đến đường sắt đi kép	1.500
5	Đường sắt đi kép đến cầu khu Nam	1.200
6	Cầu khu nam đến cổng phụ Gang thép	700
Trục phụ		
1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào trường Trung học cơ sở Hương Sơn	
	+ Từ trục chính vào hết đất trường Trung học cơ sở Hương Sơn	700
	+ Giáp đất trường Trung học cơ sở Hương Sơn tiếp theo đến 200m	500
	+ Rẽ từ đường trường Trung học cơ sở Hương Sơn vào trường Tiểu học Hương Sơn	600
2	Rẽ khu tập thể nhà máy Luyện Gang	
	+ Vào 200m	700
	+ Các nhánh rẽ từ đường vào khu tập thể nhà máy Luyện Gang	500
3	Rẽ khu dân cư cán 650	
	+ Vào 300m	1.000

	+ Sau 300m đến 500m	800
	+ Sau 500m đến 700m	700
4	Ngõ 513 vào khu dân cư cán 650 gặp đường quy hoạch 14,5m	1.000
	+ Các đường nhánh khác trong kkkhu dân cư cán thép 650, đường rộng $\geq 4,5m$	600
5	Rẽ lên đồi M (Khu dân cư lắp máy điện)	
	+ Vào 100m	1.000
	+ Qua 100m đến 300m	700
	+ Các nhánh khác còn lại có đường rộng $\geq 3,5m$	600
6	Nhánh rẽ đồi F	
	+ Trục chính vào 200m	600
	+ Qua 200m đến 600m	500
7	Rẽ vào tập thể xây lò, (vào 200m)	700
8	Rẽ theo đường sắt đến cầu Trần Quốc Bình	
	+ Vào 200m	500
9	Rẽ từ đường Lưu Nhân Chú đến suối Cốc vào đến mương thoát nước tổ 19 và 22	550
XXXXX	Đường Hương Sơn (Nối đường Lưu Nhân Chú đến sông Cầu vào Soi Mít)	
1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	700
2	Qua 200m đến hết đất Trung tâm GD LĐXH TP	600
	Trục phụ	
1	Rẽ từ đường Hương Sơn vào khu dân cư đồi F	600
2	Các nhánh rẽ từ trục phụ đường Hương Sơn vào khu dân cư đồi F	500
XXXXXI	Đường Phố Hương (Nối từ đường sắt đi kếp đến gặp đường 3/2)	
1	Đường sắt đi kếp đến đường Gang Thép	3.500
2	Đường Gang Thép đến qua ngã tư khu dân cư số 1 phường Trung Thành	4.000
3	Ngã 4 Khu dân cư số 1 phường Trung Thành đến ngã ba rẽ đường Lưu Nhân Chú	2.500

4	Ngã ba đường Lưu Nhân Chú đến gặp đường 3/2	2.000
	Trục phụ	
1	Từ đường Phố Hương rẽ theo 2 đường vào khu dân cư tập thể Phố Hương	
	+ Rẽ vào 300m	800
	+ Qua 300m đến 500m	650
	+ Các đường nhánh khác trong khu dân cư có đường rộng \geq 3,5m	500
2	Các ngõ rẽ trên đường Phố Hương (từ hết đất chợ Dốc Hanh đến ngã 3 Lưu Nhân Chú)	
	+ Đường rộng \geq 3,5m (đường Bê tông hoặc dải nhựa)	
	- Vào 100m	1.000
	- Qua 100m đến 250m	700
XXXXXII	Đường Gang Thép <i>(Từ đường Lưu Nhân Chú qua Ủy ban nhân dân phường Trung Thành đến đường 3/2)</i>	
1	Từ Bách hoá Gang Thép	
	+ Vào 100m	2.500
	+ Qua 100m đến 200m	2.000
	+ Qua 200m đến 300m	1.500
	+ Qua 300m đến gặp đường Lưu Nhân Chú	
2	Từ đường Cách mạng Tháng 8 đến rẽ trường Độc Lập	6.500
3	Rẽ trường Độc lập đến rẽ trường Tiểu học Trung Thành	3.500
4	Hết đất trường Tiểu học Trung Thành đến gặp đường 3-2	2.000
	Trục phụ	
1	Trục rẽ từ đường Gang Thép vào khu dân cư Cửa hàng Thực phẩm cũ (Đồi độc lập)	
	+ Từ đường Gang Thép đến gặp cổng Nhà văn hóa khu dân cư tổ 11	900
	+ Các đường nhánh trong khu dân cư	700
2	Rẽ trường Độc Lập	
	+ Trục chính đến hết đất trường Tiểu học Độc Lập	1.000

	+ Hết đất trường Tiểu học Độc Lập - hết đất trường Trung học cơ sở Độc Lập	800
3	Rẽ trường Tiểu học Trung Thành	
	+ Trục chính đến ngã ba đầu tiên	800
	+ Qua ngã ba tiếp theo đến 250m	600
4	Từ đường Gang Thép vào khu dân cư Xí nghiệp Năng lượng	700
5	Các đường nhánh khác trong khu dân cư Xí nghiệp Năng lượng, có đường rộng $\geq 4,5m$	600
XXXXXIII	Đường Vó Ngựa (Từ Đảo tròn Gang Thép đi Phú Bình)	
1	Đảo tròn Gang thép đến rẽ cổng trường Phổ thông trung học Gang Thép	3.000
2	Rẽ trường Phổ thông trung học Gang Thép đến ngã ba rẽ đường Tân Thành	1.800
3	Từ rẽ đường Tân Thành đến hết đất phường Tân Thành	1.300
4	Hết đất phường Tân Thành đến cổng giáp K27	1.200
5	Cổng giáp K27 đến hết đất thành phố	1.000
	Trục phụ	
	Rẽ vào trường cấp 3 Gang thép	
	+ Vào 100m đầu	700

* Trường hợp các vị trí đất ở đô thị thành phố Thái Nguyên chưa được kể trên, và không áp dụng được theo phần B: Thuyết minh áp dụng bảng giá đất, thì giá đất được áp dụng theo bảng sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

Vị trí	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
4A	750	600	500
4B	600	500	400
4C	500	400	300

Nhóm 1: Gồm các phường Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung

Nhóm 2: Gồm các phường Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán

Nhóm 3: Gồm các phường còn lại

-
- **Vị trí 4A:** (đạt một trong 4 điều kiện sau)
 - + Ở sau vị trí 4, có đường rộng từ 3,5 đến 6m
 - + Nhánh của vị trí 3, có đường rộng từ 3,5 đến 6m
 - + Nhánh của vị trí 2, vào không quá 100m, đường rộng từ 2m đến 3,5m.
 - + Vị trí đất không liền kề vị trí 1 của đường phố đã có tên trong bảng giá vào không quá 100m, có đường từ 2,0m đến nhỏ hơn 3,5m.
 - **Vị trí 4B:** (đạt một trong 4 điều kiện sau)
 - + Nhánh của vị trí 4A, có đường rộng từ 3,5 trở lên
 - + Nhánh của vị trí 3, có đường rộng từ 2m đến 3,5m
 - + Nhánh của vị trí 2, vào không quá 100m, đường rộng từ 1,5m đến 2m.
 - **Vị trí 4C:** Là vị trí không đủ điều kiện như trên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC SỐ 2**VỀ GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ, GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN BẮM TRỰC
GIAO THÔNG CHÍNH, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI,
KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP - THỊ XÃ SÔNG CÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2958/2006/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính : 1000đ/m²

Số TT	Tên đường, khu dân cư	Mức giá
I	Đường Quốc lộ 3	
A	Trục chính:	
1	Từ giáp đất Phố Yên - Đền phố Cò	1.600
2	Từ gốc đa (Đền phố Cò) - Đường vào tổng kho cũ	1.700
3	Từ đường vào tổng kho cũ - Đường vào phía bắc Nhà văn hoá tổ dân phố 2 phố Cò	2.300
4	Nhà văn hóa tổ dân phố 2 - mương Núi Cốc (kênh N12 -10)	1.700
5	Mương Núi cốc - Cầu quyền	1.400
6	Từ cầu Quyền - cầu Lu	1.600
7	Từ cầu Lu - Đường rẽ trường An ninh	1.400
8	Từ đường rẽ vào công ty thủy nông - Trạm biến áp Tân Thành	1.200
9	Đoạn từ trạm biến áp Tân Thành - Bưu điện Tân Thành	1.400
10	Bưu điện Tân Thành - Giáp đất thành phố	1.700
B	Trục phụ: Được tính từ sau lô 1	
	Bên Phường Phố Cò	
1	Đường rẽ vào đồi tên lửa - Hết đất Sông Công (giáp đất xã Đắc Sơn)	400
2	Đường rẽ vào nhà văn hóa TDP 1	
	- Vào 50m	400
	- Từ sau 50m - 100m	200
3	Đường rẽ vào tổng kho 3 cũ	
	- Đến 170 m	550
	- Từ sau 170 m đến hết khu dân cư mới TDP2	450

4	Đường rẽ vào nhà văn hóa TDP3 cũ - Đến 100m	450
5	Đường rẽ vào phân hiệu 2 trường TH Phó Cò vào sâu 180m	500
6	Đường rẽ phía Nam đến NVH - TDP2	500
7	Đường rẽ phía Bắc đến NVH - TDP 2	400
8	Đường rẽ vào trường Trung học cơ sở Thăng Lợi:	
	- Từ Quốc lộ 3 - Đến hết trường Mầm non số 2	500
	- Từ trường Mầm non số 2 - Vào 200m	350
	Bên Phường Cải Đan	
9	Đường vào Ao Ngo - Vào 150m	350
10	Đường vào xóm Gon - Đến kênh (N12 -10)	350
11	Đường vào xóm Bẫy	
	- Vào 150m	500
	- Từ sau 150m - 300m	300
12	Đường vào phân hiệu trường Dân lập Lương Thế Vinh vào 150m	420
13	Đường vào chùa Cải Đan - Vào 150m	350
14	Đường vào nhà ông Canh đến 100m	250
15	Đường vào xóm Phố Mới - Nhà văn hoá xóm Phố Mới	350
	-Từ sau Nhà văn hoá Phố Mới vào sâu 100m	200
16	Đường vào xóm Khuynh Thạch - Hết nhà máy Việt Trung	350
17	Từ Quốc lộ 3 rẽ vào 100m (nhà Long Tiến)	300
18	Từ Quốc lộ 3 đến 100 m hết đất (nhà Ông Bộ)	300
	Bên xã Tân Quang	
19	Đoạn từ Quốc lộ 3 - Rẽ vào xóm Dọc Dài	
	- Vào 50m	400
	- Từ sau 50m - 150m	300
	- Từ sau 150m - 250m	200
20	Đường Quốc lộ 3 vào Nhà văn hóa Tân Dương	
	- Vào 50m	400
	- Từ sau 50m - 150m	300

21	Đường vào nhà Ông Sơn (Xóm Tân Dương)	
	- Vào 50m	350
	- Từ sau 50m - 100m	200
22	Đường rẽ vào xóm Mãn Chiêm vào 100m	400
23	Đường rẽ vào nhà Ông Lợi (Khu dân cư Tân Dương 2)	
	- Vào 100m	400
	- Từ sau 100m - 200m	200
24	Đường vào Nhà văn hoá xóm Tân Thành 1	
	- Vào 50m	350
	- Từ sau 50m - 150m	200
25	Đường rẽ vào nhà Ông Muôn (Xóm Tân Thành 1)	
	- Vào 50m	350
	- Từ sau 50m - 150m	200
26	Đường rẽ cạnh nhà Ông Điểm (Xóm Tân Thành 2)	
	- Vào 50m	400
	- Từ sau 50 - 150m	250
27	Đường bê tông rẽ cạnh nhà Ông Khanh (Xóm Tân Thành 3)	
	- Vào 50m	450
	- Từ sau 50m - 150m	300
	- Từ sau 150m - 220m	200
28	Đường rẽ cạnh nhà Ông Xuân (Xóm Tân Thành 3)	
	- Vào 50m	350
	- Từ sau 50m - 150m	250
29	Đường vào xóm Tân Tiến	
	- Vào 50m	700
	- Từ sau 50m - Đến mương thoát nước	500
	- Từ sau mương thoát nước - Đến kênh Núi Cốc	350
II	Đường Cách mạng Tháng 8 .	
A	Trục chính :	

1	Từ ngã ba Phố Cò đến đường rẽ Xây lắp 3	2.300
2	Từ đường rẽ Xây lắp 3 đến đường rẽ vào tổ dân phố Tân Huyện	2.000
3	Từ đường rẽ Tân Huyện đến đường rẽ tổ dân phố Nguyên Gon	1.700
4	Từ đường rẽ tổ dân phố Nguyên Gon đến đường rẽ trường Tiểu học Phố cò	2.000
5	Từ đường rẽ trường Tiểu học Phố Cò đến đường rẽ khu dân cư 3,5 ha	3.000
6	Từ rẽ khu dân cư 3,5 ha - đến Cầu Ghềnh	2.200
7	Từ Cầu Ghềnh đến đường rẽ vào khu VHTT	2.500
8	Từ đường rẽ vào Khu VHTT - Đến đường rẽ vào tổ dân phố Tân lập	3.500
9	Từ đường rẽ tổ dân phố Tân Lập - Đến ngã ba Mỏ Chè	4.500
10	Từ ngã ba Mỏ Chè - Đến tường rào phía Nam trường Hướng nghiệp	6.000
11	Từ tường rào phía Nam trường Hướng nghiệp - Hết đất Ngân hàng Chính sách	4.500
12	Từ giáp đất Ngân hàng Chính sách - Đến ngã ba Bãi Đổ	3.200
B	Trục phụ: Được tính từ sau lô 1	
	Bên phường Mỏ Chè	
1	Đường rẽ cạnh Ông Thêm (tổ 2) - Đến giáp đường ra chợ Lương Châu	1.300
2	Đường cạnh nhà Ông Hoàn (tổ 3) Đến nhà Ông Cương	1.100
3	Đường rẽ Ông Chính Loan (tổ 3) - Đến hết đất Bà Vệ (tổ 3)	1.200
4	Đường cạnh nhà Bà Bích (tổ 3) - Đến giáp đất Ông Lương (tổ 3)	1.200
5	Đường rẽ cạnh Ông Sơn (tổ 3) - Đến hết đất nhà Ông Hưng Vân (tổ 3)	1.300
6	Đường rẽ trường Tiểu học Mỏ Chè :	
	- Từ sau lô 1 - Đường rẽ vào hồ XL3	1.500
	- Đường rẽ vào hồ XL3 - Đường rẽ nhà Ông Thắng (tổ 4)	1.000
	- Từ đường rẽ nhà Ông Thắng - Nhà văn hoá An Châu	700
7	Ngõ phía Bắc Ngân hàng Công thương	2.100

8	Đường rẽ cạnh nhà Ông Thận - Đến hết đất nhà Ông Kỳ (tổ 1)	1.200
9	Đường rẽ vào Nhà văn hoá xóm Đồi - Đến đường Thanh Niên	800
10	Các đường phân khu còn lại của Tổ dân phố 4	500
Bên phường Thắng Lợi		
11	Đường rẽ vào khu VHTT	
	- Đến khu văn hóa TT	1.100
	- Từ khu văn hóa vào sâu 150 m	800
12	Đường rẽ vào khu 3,5 ha	
	- Vào 180 m	1.000
	- Từ sau 180 m - 380 m	800
	- Từ sau 380 m - Hết đất Bà Thép	700
	- Từ hết đất Bà Thép - Đến hết đất khu dân cư mới (tổ 12)	500
13	Đường rẽ cạnh Thị Đội - Đến hết đất nhà Ông Hoàn (Tổ 3)	600
14	Đường rẽ vào Xóm Mỏ Chè	
	- Đến hết đất buro điện cũ	1.000
	- Từ buro điện cũ - Đến đường rẽ cạnh Toà án	700
15	- Đường rẽ vào tổ dân phố Tân Lập	
	- Vào 100 m	700
	- Từ sau 100 m - Hết đất nhà Bà Phong (260 m)	500
16	Khu dân cư Tân lập mới quy hoạch	1.000
Bên phường Cải Đan		
17	Đường rẽ cạnh nhà ông Dội (đối diện đường vào Ủy ban nhân dân thị xã)	
	- Vào sâu 100 m	600
	- Từ sau 100 m - 150 m	400
18	Đường rẽ nhà Bà Cây (Tổ dân phố Xuân Miếu 1)	
	- Vào 100 m	400
	- Từ sau 100 m - 150 m	300
19	Đường rẽ vào nhà văn hóa (Tổ dân phố Xuân Miếu 1) - Đến hết nhà văn hóa	400

20	Đường rẽ vào nhà ông Đồng sâu 100 m (Tổ dân phố Xuân Miếu 1)	400
21	Đường rẽ cạnh Nhà văn hoá Xuân Thành sâu 100 m	450
22	Đường rẽ vào tổ dân phố Nguyên Gon	
	- Vào 100 m	400
	- Từ sau 100 m - Mương Núi Cốc	300
23	Đường vào nhà ông Thắng sâu 100 m (Tổ dân phố Xuân Thành)	350
	Bên phường Phố Cò	
24	Đường rẽ vào trường Tiểu học Phố Cò - Đến hết đất trường Tiểu học Phố Cò	500
25	Đường rẽ vào Trại chăn nuôi Thắng lợi - Đến cổng trại	400
26	Đường rẽ tổ dân Phố Tân Huyện - Đến mương Núi cốc	500
27	Đường rẽ Xây lắp 3	
	- Từ đường Cách mạng Tháng 8 - Ngã 3	700
	- Đoạn ngã 3 - Đến mương Núi Cốc	450
	- Từ cổng Xí nghiệp 1/5 - Đến cổng sau chợ Phố Cò	450
	- Từ ngã 3 - Đến hết đất nhà bà Phượng sâu (tổ dân phố Thanh Xuân)	300
28	Đường vào trường Phổ thông cơ sở Thắng Lợi vào 80 m	450
III	Đường cách mạng Tháng 10	
A	Trục chính	
1	Từ cổng nhà máy nước - Ngã 3 nối đường phụ tùng	800
2	Từ ngã 3 Phụ Tùng (Điêsel) - Đến đường rẽ xưởng cơ khí đúc ông Sự (tổ 5)	1.200
3	Đường rẽ xưởng cơ khí đúc - Đường rẽ Ban kiến thiết	1.500
4	Đường rẽ Ban kiến thiết - Kênh thoát nước An Châu	1.800
5	Kênh thoát nước An Châu - Đường rẽ 262	2.200
6	Đường rẽ 262 - Hết Ngân hàng Nông nghiệp	2.500
7	Từ giáp Ngân hàng Nông nghiệp - Đường rẽ xóm Đồi	1.800
8	Đường rẽ xóm Đồi - Đường Quốc lộ 3	1.500
B	Trục phụ: Được tính từ sau lô 1	

Bên phường Lương Châu		
1	Giáp hàng rào phía Tây nhà máy Diesel	
	- Vào 50 m	200
2	Đường phía Đông hàng rào nhà máy Diesel	
	- Vào hết đất ông Sự (Xưởng đúc) 200 m	300
	- Từ sau 200 m - Đến kênh dẫn nước	200
Bên phường Mỹ Khê		
4	Đường rẽ vào khu dân cư Làng may - Đến hết khu dân cư mới	800
Bên xã Tân Quang		
5	Đường Thanh Niên	
	- Vào 100 m	500
	- Từ sau 100 m - Nhà văn hoá Xóm Đồi	400
6	Đường cạnh bờ kênh cấp 2 xóm Đồi, phía Nam, Phía Bắc	
	- Vào 50 m	300
	- Từ sau 50 m - 150 m	200
7	Đường vào xóm La Đình (Cả 2 phía)	
	- Vào 50 m	400
	- Từ sau 50 m - 150 m	250
8	Đường rẽ vào Nhà văn hoá xóm La Đình - Đến hết Nhà văn hoá xóm La Đình	700
9	Đường bê tông vào xóm Cầu Gáo	
	- Vào 50 m	500
	- Từ sau 50 m - 100 m	350
	- Từ sau 100 m - 300 m	300
10	Đường cạnh nhà Ông Sen - Làng Mới	
	- Vào 50 m	400
	- Từ sau 50 m - 150 m	250
11	Đường cạnh nhà Ông Sang ở Cầu gáo về 2 Phía	
	- Vào 50 m	400
	- Từ sau 50 m - 150 m	250

12	Đường rẽ cạnh nhà ông Tráng đi Nhà văn hoá Chương Lương	
	- Vào 50 m	400
	- Từ sau 50 m - 150 m	250
IV	Đường Thăng Lợi	
A	Trục chính	
1	Đường từ ngã ba Mỏ Chè - Đến hết Bảo hiểm xã hội	4.500
2	Từ giáp đất Bảo hiểm xã hội - Hết Ủy ban nhân dân phường Mỏ Chè	3.500
3	Đoạn từ giáp đất Ủy ban nhân dân phường Mỏ Chè - Đến đường rẽ tổ dân phố An Châu	2.500
4	Từ đường rẽ tổ dân phố An Châu - Đến hết đất nhà tầng số 10	2.200
5	Từ phía tây nhà số 10 - Đến đường rẽ tổ dân phố Vượng	3.000
6	Từ đường rẽ tổ dân phố Vượng - Đến ngã 3 đường rẽ Ko	1.500
7	Từ ngã 3 đường rẽ Ko - Đến đầu cầu Treo	1.000
B	Trục phụ: Được tính từ sau lô 1	
	Bên phường Thăng Lợi	
1	Đường rẽ ngã ba Mỏ Chè vào trường Lý Tự Trọng	
	- Vào 150 m	1.100
	- Sau 150 m - Đến hết Nhà văn hóa dân phố 3 cũ	800
	- Từ Nhà văn hoá dân phố 3 cũ - Đến hết đất nhà bà Trang	1.100
2	Đường rẽ cạnh Trường cấp 3 đi bến Vượng	
	Đoạn 1 : Từ sau lô 1 - Đến hết đất nhà ông Long	1.100
	Đoạn 2 : Từ giáp đất nhà ông Long - Đến hết đất nhà ông Trung	600
3	Đường rẽ khu dân cư đôi Yên ngựa vào đến 200 m	700
4	Đường vào Nhà văn hóa tổ dân phố 4	
	- Vào 100 m	750
	- Từ 100 m - 200 m	600
5	Đường rẽ phía Tây chợ - Đến hết chợ Thăng Lợi	1.600
	- Từ sau chợ vào đến 70 m	1.000
6	Đường rẽ vào tổ dân phố Vượng	

	- Vào 100 m	600
	- Từ 100m - 300 m	350
	Bên phường Mỏ Chè	
7	Đường rẽ tổ dân phố An Châu vào 100 m	600
8	Đường rẽ vào trường Tiểu học Mỏ Chè - Đường Cách Mạng Tháng 10	800
9	Đường rẽ Nhà Ông Hào (tổ 7) - Đến hết đất Bà Biên (tổ 7)	600
10	Đường rẽ vào trường Mầm Non Số 1 - Đến hết đất trường Mầm non số 1	600
11	Đường rẽ phía Tây nhà số 8 - Đến hết đất nhà Bình Yến (tổ 7)	600
12	Đường giáp hàng rào phía Tây liên doanh MaNi - Đến 250m	500
13	Đường rẽ tổ dân phố 6 - Đến hết đất nhà Ông Nhu tổ dân phố 10	700
V	Đường 3/2 (Toàn tuyến)	1.200
VI	Đường KO :	
A	Trực chính	
1	Từ đường Thắng Lợi - Đường rẽ Nhà máy Nước	700
2	Từ đường rẽ Nhà máy Nước - Giáp đất Bá xuyên	300
B	Trực phụ - Được tính từ sau lô 1	
	Từ cổng Nhà máy Nước - Giáp đường KO	500
VII	Đường 262 đi Thịnh Đức	
A	Trực chính	
1	Từ ngã ba đường Cách mạng Tháng 10 - Đến trạm YT Phường	1.500
2	Từ giáp trạm YT phường - Đến cầu Khoang	800
3	Từ cầu Khoang - Đến kênh N12 - 56	600
4	Từ kênh N12 -56 - Giáp đất Thịnh Đức	300
B	Trực phụ - Được tính từ sau lô 1	
	Đường vào Ban kiến thiết đến giáp kênh Núi cóc	500
	- Từ trạm y tế phường Lương Châu - Đến ngã tư	600
	- Từ ngã tư - Đến hết trường Tiểu học Lương Châu	300

	- Từ trường Tiểu học Lương Châu - Đến cổng nhà ông Tuấn	250
	- Từ cổng nhà ông Tuấn - Đường vào Nhà văn hoá tổ dân phố 1	400
	- Đến đường Ko	200
VIII	Đường Thống Nhất (Đường Quốc lộ 3 đi 209)	
A	Trục Chính (Trừ lô 1 đường Quốc lộ 3 và Đường Cách mạng Tháng 8)	
1	Từ Quốc lộ 3 - Cách ngã tư Xuân Thành 100 m	1.500
2	Ngã tư Xuân Thành đi về 2 phía đến 100m	3.000
3	Từ sau ngã tư Xuân Thành 100 m - Đường vào tổ dân phố Tân Mới	1.800
4	Từ tổ dân phố Tân Mới - Cổng Trung đoàn 209	2.000
5	Từ cổng Trung đoàn 209 mới - Đến cầu Hoắc	500
6	Từ cầu Hoắc - Đến bến Kè	300
B	Trục phụ: Được tính từ sau lô 1	
	Bên phường phố Cò	
1	Đường rẽ vào tổ dân phố Tân Mới - Đến ngã 3	600
2	Đường phía Đông trường Việt Đức đến hết đất trường Việt Đức	1.000
IX	Các trục đường của xã Vinh Sơn	
1	Trục chính từ trung tâm xã Vinh Sơn đi cầu treo	
	- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 100m	400
	- Từ sau 100m - 250 m	300
	- Từ sau 250 đến cầu treo	200
2	Đường trung tâm Ủy ban nhân dân xã Vinh Sơn đi xã Bình sơn	
	- Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn - Đến hết núi Măng	400
	- Từ hết núi Măng - Đến đường rẽ Nhà văn hoá Bờ Lở	250
	- Từ đường rẽ Nhà văn hoá Bờ Lở - Đến giáp đất Bình Sơn	150
3	Đường từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đi xóm Vinh Quang	
	- Từ ngã tư đến 100m	300

	- Từ sau 100m - 200m	200
4	Đường từ trung tâm xã Vinh Sơn đi xóm Sơn Tía	
	- Từ ngã tư đến 125m	300
	- Từ sau 125m đến cầu Tân Sơn	200
X	Các trục đường của xã Bình Sơn	
	Trung tâm Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn	
	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn về các phía 100m	700
	- Từ sau 100m - 200m	500
	- Từ sau 200m - 300m	300
	- Từ sau 300 m - Đến giáp đất Vinh Sơn	200

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC SỐ 3
VỀ GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ, GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN
BÁM CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH CÁC ĐẦU MỐI
GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH,
KHU CÔNG NGHIỆP - HUYỆN PHỔ YÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2958 /2006/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Đơn vị : 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, khu dân cư	Mức giá
A	Trục quốc lộ số 3 <i>(Thái Nguyên - Hà Nội)</i>	
I	Khu vực I	
1	Giáp đất thành phố Thái Nguyên đến nhà Tùng - Nhung (Km 51 + 230 - Km 50 + 250)	1.500
2	Nhà Tùng - Nhung đến cầu béo Sông Công (Km 50+250 - Km 49+885)	1.200
3	Từ cầu Béo Sông Công đến trạm điện 35KV (Km 49 + 885 - Km 47 + 512)	1.500
4	Từ Trạm điện 35KVA đến hết đất Sông Công (Km 47 + 512 - Km 45 + 925)	1.800
5	Từ hết đất Sông Công đến đường rẽ xóm Đài - Đắc Sơn (Km 45 + 925 - Km 45 + 375)	1.700
6	Từ đường rẽ xóm Đài- Đắc Sơn đến cổng xí nghiệp XM Đồng Tiến (Km 45 + 375 - Km 44 + 982)	1.700
7	Từ cổng xí nghiệp XM Đồng Tiến đến giáp đất Trung tâm Ba Hàng (Km 44 + 982 - Km 44 + 208)	2.000
	Trục phụ từ Quốc lộ 3 đến cổng xí nghiệp XM Đồng Tiến	300
II	Khu vực II	
1	Từ giáp đất Đồng Tiến đến đường rẽ chợ ba hàng cũ (Km 44 + 208 - Km 43 + 705)	2.200
2	Từ đường rẽ chợ Ba Hàng cũ đến cách ngã tư 100m (Km 43 + 705 - Km 43 + 550)	3.500
3	Ngã tư Ba Hàng + 100m về hai hướng Hà Nội – Thái Nguyên	4.000

	(Km 43 + 550 - Km 43 + 350)	
4	Ngã tư Ba Hàng + 100m đến đường rẽ vào trường Đỗ Cận (Km 43 + 350 - Km 43 + 45)	4.500
5	Đường rẽ vào trường Đỗ Cận đến đường rẽ trường TH Ba Hàng (Km 43+45 - Km 42+845)	5.900
6	Đường rẽ trường TH Ba Hàng đến đường rẽ vào Viện 91 (Km 42 + 845 - Km 42 + 700)	4.500
7	Đường rẽ vào Viện 91 đến hết thị trấn Ba Hàng (Km 42 + 700 - Km 42 + 268)	3.200
	Trục phụ	
a	Từ Quốc lộ 3 đi cổng chính Bệnh viện Quân y 91	
	- Đoạn Quốc lộ 3 đến bờ kênh Núi Cốc + 100m	1.500
	- Đoạn kênh Núi Cốc + 100m đến cổng Viện Quân y 91	1.000
b	Đoạn Quốc lộ 3 vào cổng trường Đỗ Cận	3.000
c	Đoạn Quốc lộ 3 đến cổng TH Ba hàng	2.000
d	Đoạn Quốc lộ 3 đến bờ mương Núi Cốc (Cổng Trung tâm y tế huyện)	2.500
III	Khu vực III	
1	Từ giáp đất thị trấn Ba Hàng đến cổng trung tâm chính trị (Km 42 + 268 - Km 41 + 486)	2.300
2	Từ đường rẽ vào trung tâm chính trị đến hết đất Nam tiến (Km 41 + 486 - Km 40 + 240)	1.800
3	Từ hết đất Nam tiến đến trạm Thú y cũ (Km 40 + 240 - Km 39 + 630)	1.600
4	Trạm Thú y cũ đến hết đất nhà ông Luân lớp (Km 39 + 630 - Km 37+ 957)	1.800
5	Từ nhà ông Luân lớp đến đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã Trung thành + 150m (Km 37 + 957 - Km 37+ 270)	2.300
6	Đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã Trung thành + 150m đến đường rẽ vào đường bê tông xóm thượng Thuận thành (Km 37 + 270 - Km 35+ 475)	1.300
7	Đường bê tông xóm thượng Thuận Thành đến đầu cầu Đa Phúc (Km 35+ 475 - Km 33+ 400)	1.100
B	Các khu vực khác	

I	Khu vực cổng Đa Phúc vào xã Thuận Thành	
1	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 qua Ủy ban nhân dân xã Thuận Thành đi cổng táo	
1.1	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 đến cổng Ủy ban nhân dân xã Thuận Thành	500
1.2	Từ Ủy ban nhân dân xã Thuận Thành đến đường sắt Hà Thái	300
1.3	Đoạn từ đường sắt đến cổng táo Thuận Thành	150
2	Từ Quốc lộ 3 (Núi Sáo) đến đường ngầm	350
3	Từ Quốc lộ 3 đoạn Công ty Sữa đến cổng Táo	
3.1	Từ Quốc lộ 3 đoạn Công ty Sữa đến đường sắt Hà Thái	250
3.2	Từ đường sắt Hà Thái đến cổng Táo	150
II	Khu vực đường Chã - Thanh Xuyên	
1	Từ chân đê Chã đến đường vào xóm trại Đông Hạ xã Đông Cao	800
2	Từ đường rẽ xóm trại Đông Hạ xã Đông Cao đến cổng trường Tiểu học Đông Cao	600
3	Từ cổng trường Tiểu học đến đường sắt	400
4	Từ trạm xá xã Đông Cao đến giáp đất Tân Hương	300
5	Từ đường sắt đến đường rẽ thôn Thanh Hoa - Trung Thành	800
6	Đoạn từ đường rẽ thôn Thanh Hoa - Trung Thành đến Quốc lộ 3 cách 50m	1.400
7	Đoạn từ đường sắt qua cổng trường Xây lắp điện đến hết đất Trung Thành	
7.1	- Từ đường sắt đến bãi sỏi	500
7.2	- Từ bãi sỏi đến sân bóng trường Xây lắp điện	800
III	Khu vực đường từ Quốc lộ 3 đi xã Trung Thành	
1	Đoạn từ giáp Quốc lộ 3 cách 50m đến cổng chợ Thanh Xuyên + 50m	900
2	Từ cổng chợ Thanh Xuyên + 50m đến chân đê Tứ Thịnh - Trung Thành	
2.1	- Đoạn cổng chợ + 50m đến + 200m	500
2.2	- Đoạn cổng chợ + 250m đến chân đê Tứ Thịnh	200
IV	Khu vực trục đường từ Quốc lộ 3 đi	

Ủy ban nhân dân xã Tân Hương		
1	Từ Quốc lộ 3 đến nhà ông Lợi Thuận xã Tân Hương	500
2	Đoạn từ nhà ông Lợi Thuận xã Tân Hương đến trạm xá xã Tân Hương	300
3	Đoạn từ trạm xá xã Tân Hương đến cổng Ủy ban nhân dân xã Tân Hương + 100m đi về 2 phía	350
4	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã + 100m đi Cẩm Na đến giáp đất xã Đông Cao	300
5	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã + 100m đến cổng doanh trại quân đội (Duyên Bắc)	300
6	Từ Trạm xá xã đến cổng trường Cấp I, II xã Tân Hương	250
V	Khu vực trục đường Quốc lộ 3 đi Nam Tiến	
1	Đoạn từ Quốc lộ 3 đến cổng chính Ủy ban nhân dân xã Nam tiến + 100m đi 2 tuyến	500
2	Từ Quốc lộ 3 ghé ông Đại đi đến bến Vạn + 100m	200
VI	Khu vực trục đường Quốc lộ 3 đi Tiên Phong	
1	Đoạn Quốc lộ 3 đến hết đất nhà Ngân Dân	5.000
2	Đoạn từ Ngân Dân đến đường sắt	3.500
3	Từ đường sắt đến đường rẽ Nhà máy Z131+50m tuyến đi Tiên Phong	2.000
4	Từ đường rẽ Nhà máy Z131 + 50m đến ngã 3 kho dự trữ C203 + 50m đi tuyến Tiên Phong	1.000
5	Từ ngã 3 kho dự trữ C203 + 50m đến ngã 3 Cao Vương	500
6	Từ ngã 3 Cao Vương đến giáp đất Tiên Phong	400
	- Từ ngã 3 Cao Vương đến Km số 0 đê Chã	250
7	Từ giáp đất Tân Hương đến cổng Trạm xá Tiên Phong	300
8	Từ cổng Trạm xá Tiên Phong đến ngã 5 chợ Cầu Gô +100m	600
9	Từ ngã 5 chợ Cầu Gô + 100m đến ngã 4 Nguyễn Hậu	400
10	Từ ngã 4 Nguyễn Hậu đến chân đê Thù Lâm	300
11	Từ dốc Bờ Hòn Nguyễn Hậu đến chân đê Yên Trung	250
12	Từ chợ Cầu Gô + 100 m đến đầu đê Chã	150
	Từ dốc đê cổng ông Sửu đi cỏ pháp đến Hào Sơn (đầu làng Yên Trung)	200

	- Trục từ ngã ba C203 đến cổng Xưởng Vật liệu nổ Z131	200
	Các trục phụ thuộc thị trấn Ba Hàng	
	- Trục phụ đoạn từ nhà ông Thoại đến nhà ông Bằng (Thôn Đại Phong)	900
	- Từ nhà ông Bằng (thôn Đại Phong) qua thôn Đại Phong đến đường nhựa đi vào nhà máy Z131	400
	- Từ Quốc lộ 3 (nhà ông Tuấn thôn Thành Lập) đến nhà bà Thái thôn Thành Lập	400
	- Từ Quốc lộ 3 (đường rẽ chợ cũ) đến hết đất nhà ông Kiên (tiểu khu 3) giáp đất Đồng Tiến	400
	- Từ nhà ông Uyển Càn (tiểu khu 3) đến ngã 3 nhà ông Lưu (tiểu khu 3)	400
	- Từ nhà ông Bình tiểu khu 3 (giáp đường 261) đến ngã 3 nhà ông Kiên (tiểu khu 3)	300
	- Từ nhà ông Dân thôn Yên Ninh (giáp đường 261) qua thôn Yên Ninh đến đường nhựa đi viện 91	400
	- Từ ngã 3 cổng nhà bà Vân (thôn Kim Thái) đến hết đất nhà bà Sơn (thôn Kim Thái)	400
	- Từ Bưu điện Phổ Yên đến hết đất nhà bà Bình (tiểu khu 4)	500
	- Từ nhà ông Hoè (giáp đường 261) đến Nhà văn hoá thôn Yên Ninh	300
	- Trục phụ đoạn từ nhà ông Giảng đến nhà ông Thắng (sau ga Phổ Yên)	500
	- Trục phụ từ nhà Dân Ngân đến nhà Hợp Xuân	1500
VII	Khu vực trục đường từ QL 3 - Tỉnh lộ 261 đi Hồng Tiến	
1	Đoạn từ Quốc lộ 3 đến ngã 3 xe trâu + 120 m đi 2 tuyến	2.500
2	Từ ngã 3 xe trâu + 120m đến đường sắt Hồng Tiến	1.500
3	Từ đường sắt Hồng Tiến đến ngã ba Vòng Bi + 150 m về hai phía	1.600
4	Từ ngã 3 Vòng bi +150đến hết chợ Hồng Tiến	1.600
5	Từ chợ Hồng tiến đến nhà ông Tiêu	1.200
6	Từ nhà ông Tiêu đến đường rẽ Cống Thượng	700
7	Đường rẽ Cống Thượng đến kênh giữa Núi Cốc	500
8	Từ kênh giữa Núi Cốc đến giáp đất Phú Bình	200

9	Trục phụ đường 261	
9.1	Trục phụ từ ngã ba dốc xe trâu + 120m đến cổng chính Nhà máy Z131	1.000
9.2	Từ ngã ba nhà ông Trung Trạm đến giáp Đường đi Ba Hàng - Tiên Phong	1.000
9.3	Từ ngã 3 cổng Z131 đến nhà khách Z 131	800
VIII	Từ quốc lộ 3 đi vào cổng chính K602	
	Từ bờ kênh đến cổng K602	750
IX	Quốc lộ 3 đi Cầu Sơn	
1	Từ Quốc lộ 3 đến bờ kênh Núi Cốc	600
2	Từ bờ kênh núi cốc đến Cầu Sơn	350
X	Từ Quốc lộ 3 đến nhà ông Thư xóm Giếng xã Hồng Tiến	
1	Từ Quốc lộ 3 đến đường sắt	500
2	Từ đường sắt đến nhà ông Thư	300
XI	Từ Quốc lộ 3 đi vào cổng Sur 312	500
XII	Quốc lộ 3 đi xóm Đông Sinh xã Hồng Tiến	300
XIII	Quốc lộ 3 đi xóm Hiệp Đồng xã Hồng Tiến	200
XIV	Khu vực từ Quốc lộ 3 tỉnh lộ 261 đi Phúc Thuận	
1	Đoạn từ Quốc lộ 3 đến hết đất thị trấn Ba Hàng	3000
2	Đoạn từ tiếp giáp đất thị trấn Ba Hàng đến cầu Trâu I	1.500
3	Đoạn từ cầu Trâu I đến cách ngã 3 Giếng Đòn + 100m về 2 phía	1000
4	Từ cách ngã 3 Giếng Đòn +100m đến cầu Đầm	800
5	Từ cầu Đầm đến giáp đất Minh Đức	400
6	Đoạn giáp đất Minh Đức đến cách Ủy ban nhân dân xã Minh Đức 150m	300
7	Từ Ủy ban nhân dân xã Minh Đức +150m về 2 phía	600
8	Từ Ủy ban nhân dân xã Minh Đức +150m đến hết địa phận xã Minh Đức	450
9	Từ địa phận xã Minh Đức đến hết hạt giao thông số 5	600
10	Từ hạt giao thông số 5 đến đường rẽ Ủy ban nhân dân thị trấn Bắc Sơn + 300m đi Phúc Thuận	1.000
	Trong đó:	

	Riêng đoạn công chính chợ Bắc Sơn + 50m về 2 phía (đường 261)	1.400
	Trục phụ đường 261	
	Từ ngã 3 Ủy ban nhân dân TT Bắc Sơn đến cổng Công ty Chè đến Trạm biến thế Công ty Chè Bắc Sơn	800
	Từ Trung tâm Thương nghiệp đi đến xóm 3 + 200m	800
	Từ Trung tâm Thương nghiệp đến cổng trường Trung học phổ thông Bắc Sơn	1.000
11	Từ ngã 3 vào Ủy ban nhân dân thị trấn Bắc Sơn + 300m đến cổng chợ Phúc Thuận + 100m	600
12	Từ cổng chợ xã Phúc Thuận + 100m đến cây đa bến Đông + 200m	600
	Riêng khu vực đường có chợ xã Phúc Thuận	1.000
13	Từ cây đa bến Đông + 200m đến cầu số 1	500
14	Từ cầu số 1 đến hết đất Phúc Thuận giáp đất Đại Từ	300
15	Từ ngã 3 chợ Phúc Thuận +200m đường đi Quân cay	300
16	Từ ngã 3 chợ Phúc Thuận +200m đến đầu xóm Chăng	250
XV	Khu vực đường giếng đôn - Thành Công	
1	Đoạn từ giếng đôn đến cầu Nhái	700
2	Từ cầu Nhái đến cầu Lai xã Thành Công	600
3	Từ cầu Lai đến cách ngã 3 chợ Long Thành 50m	800
4	Từ ngã 3 chợ Long Thành đi về 3 phía + 50m	1000
5	Từ trạm y tế xã Thành Công đến trường trung học cơ sở xã Thành Công	600
6	Từ ngã 3 + 50m đến Gò tròn	600
7	Từ Gò tròn đến Gò Đồn	400
8	Từ Gò Đồn đến cách chân đập hồ suối lạnh 300m	600
9	Hồ suối lạnh + 300m	800
10	Từ cổng chợ Long Thành vào cổng trường Tiểu học xã Thành Công	400
11	Cổng làng Đanh + 50m về hai phía	600
12	Từ ngã 3 bến Nhái đến cách Ủy ban nhân dân xã Vạn Phái 200m	250
13	Từ Trung tâm Ủy ban nhân dân xã Vạn Phái + 200m về các phía	400

XVI	Quốc lộ 3 vào 200m đi thôn Kim Thái	1.200
XVII	Từ Quốc lộ 3 đến nhà văn hoá xóm Đông Sinh xã Hồng Tiến <i>(Đoạn đi qua trạm điện xóm Đông Sinh)</i>	250
XVIII	Từ Quốc lộ 3 đến đồi tên lửa xóm Đài xã Đắc Sơn <i>(đến đồi tên lửa)</i>	300

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC SỐ 4

**VỀ GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ, GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN
BÁM TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, CÁC ĐẦU MỐI
GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH,
KHU CÔNG NGHIỆP - HUYỆN PHÚ BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2958 /2006/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Đơn vị tính: 1000 /m²

STT	Tên đường, khu dân cư	Mức giá
I	Trục đường quốc lộ 37	
1	Giáp đất Hiệp Hoà đến cách ngã tư cầu Ca 200m	500
2	Cách ngã tư cầu Ca 200m đến qua ngã 4 cầu Ca 300m	800
3	Cách ngã tư cầu Ca 300m đến cầu Chợ Đồn	500
4	Cầu Chợ Đồn đến ngã tư Chợ Đồn	800
5	Từ ngã tư chợ đồn đến cách cổng Ủy ban nhân dân xã Kha Sơn 100m	800
6	Từ cách cổng Ủy ban nhân dân xã Kha Sơn 100m đến qua cổng Ủy ban nhân dân xã Kha Sơn 200m	700
7	Cách cổng Ủy ban nhân dân xã Kha Sơn 200m đến hết đất Kha Sơn	600
8	Từ giáp đất Kha Sơn đến cách cổng Công an huyện 200m	800
9	Từ cách cổng Công an huyện 200m đến cổng Công an huyện	1.500
10	Từ cổng Công an huyện đến giáp đất Ngân hàng chính Sách	1.700
11	Từ đất Ngân hàng chính Sách đến cầu bằng chợ Úc Sơn	2.200
12	Từ cầu bằng Úc Sơn đến hết đất Kiôt xăng dầu số 15	2.200
13	Từ giáp đất xăng dầu số 15 đến cổng Trung Tâm Y tế huyện	1.800
14	Từ cổng Trung tâm Y tế huyện qua cổng Trung tâm Y tế huyện 100m đi Thái Nguyên	1.300
15	Cách cổng Trung tâm Y tế huyện 100 m đến hết đất TT Hương Sơn	800
16	Giáp đất TT Hương Sơn đến ngã ba đường mới (cầu Mây)	600
17	Từ ngã ba đường mới đến hết đất Xuân Phương (đầu Cầu Mây)	800

18	Từ Cầu Mây giáp địa phận xã Xuân Phương đi Thái Nguyên 100m	600
19	Cách Cầu Mây 100 m đến cổng Ủy ban nhân dân xã Nhã Lộng	450
20	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã Nhã Lộng đến hết đất Chợ Cầu	500
21	Từ giáp đất chợ Cầu đến hết đất Nhã Lộng	350
22	Từ giáp đất Nhã Lộng đến đường rẽ vào xóm Thuận Pháp xã Diềm Thụy	350
23	Từ đường rẽ vào xóm Thuận Pháp đến đường rẽ vào trường Tiểu học xã Diềm Thụy	450
24	Từ đường rẽ vào trường Tiểu học Diềm Thụy đến đường rẽ vào trường Tiểu học Thượng Đình	400
25	Từ đường rẽ vào trường Tiểu học Thượng Đình đến giáp đất thành phố Thái Nguyên	500
II	Thị trấn Hương Sơn	
1	Khu dân cư nội huyện	1.200
1.1	Từ Quốc lộ 37 (Trạm thuế TT Hương Sơn) đến cầu Vườn Nhanh	1.000
1.2	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất của giáo dục	1.200
1.3	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất trung tâm Chính trị	1.200
1.4	Từ Quốc lộ 37 đến cầu Vườn Nhanh	1.200
2	Từ Quốc lộ 37 (đường nhà bà Liên Nhuận) đến cổng làng xóm Hoà Bình	400
3	Từ Quốc lộ 37 đi Trường Trung học cơ sở 80m (Đường La Sơn)	500
	- Từ mét 81 đến cổng trường Trung học cơ sở	300
4	Từ Quốc lộ 37 đến giáp đất sân vận động	700
5	Từ Quốc lộ 37 đến cổng Ban Chỉ huy Quân sự	350
6	Từ cầu bằng đi xuôi sông Đào đến cầu Vòng cũ	2.200
7	Từ cầu Vòng đến cổng Ủy ban nhân dân thị trấn Hương Sơn	1.700
8	Từ bờ sông Đào(đầu cầu Vòng cũ) đi xóm Hoà Bình 200m	400
	- Từ mét 201 đến cổng xóm Hoà Bình	300
9	Từ đầu cầu Bằng (bờ phía chợ)	

	- Đi ngược dòng chảy 500m	800
	+ Từ mét 501 đến qua đầu cầu Đoàn Kết 100m	400
	+ Từ cầu Đoàn Kết vào Nhà văn hoá xóm Đoàn Kết	400
	- Cầu Bằng đi xuôi dòng chảy 400m	500
10	Từ cầu Bằng đi Tân Thành 200m	2.000
	- Từ mét 201 đến 400m	1.700
	- Từ mét 401 đến 600m	1000
	- Từ mét 601 đến 1000m	500
11	Từ cầu Mỹ Sơn đi các phía 100m	400
12	Từ cầu Vườn Nhanh (sau huyện) đến cổng trường Trung học cơ sở	300
13	Vị trí đất phía sau giáp đất chợ từ phía Đông đến phía Bắc (Phía Đông giáp bờ sông, phía Bắc cách đường Tân Thành đi 20m)	500
III	Xã Kha Sơn	
1	Ngã tư Cầu Ca, đi Hà Châu 150m, đi Thanh Ninh 100m	800
	- Từ mét 101 đi Thanh Ninh đến ngã 3 xóm Hoà Bình xã Thanh Ninh	500
	- Từ mét 151 đi hết đất xã Kha Sơn về Hà Châu	300
2	Từ ngã ba xóm Hoà Bình đi Thanh Ninh đến hết đất Kha Sơn	400
3	Từ Quốc lộ 37 (ngã 4 chợ Đồn) đi Lương Phú 200m	400
	- Từ sau 200m đi Lương Phú đến hết đất Kha Sơn	200
4	Từ Quốc lộ 37 (ngã tư chợ Đồn) đi vào chợ Đồn 200m	500
IV	Xã Dương Thành	
1	Từ Bưu điện văn hoá xã đi Thanh Ninh 200m	300
2	Từ Bưu điện văn hoá xã đi Phúc Sơn 100m	300
3	Từ địa giới xã Phúc Sơn đi Thanh Ninh 200m	300
4	Từ ngã ba đường đi Ủy ban nhân dân xã Dương Thành 100m	300
	- Từ sau 100m đến 200m	200
5	Phần còn lại đường Lữ Vân cầu Ca	150

V	Xã Lương Phú	
1	Từ đầu cầu Thanh Lang đi 2 phía 100m	400
	- Từ mét 101 cầu Thanh Lang đi cầu Thùng + 100m	200
2	Từ cầu Lang Tạ đi Kha Sơn + 200m	400
	- Từ sau 200m đi Kha Sơn hết địa phận xã Lương Phú	200
3	Từ cầu Lang Tạ đi đến công trường cấp 1	200
4	Từ cầu Lang Tạ đi cầu thùng 100m theo bờ đê	300
5	Từ cầu Lang Tạ đi xóm Việt Ninh + 200m theo bờ đê	250
	- Từ sau 200m đến 300m	200
VI	Xã Úc Kỳ	
	Ngã ba quán Nam đi Đầm Thụy đi xuôi Nga My 200m và đi ngược xã Đầm Thụy 200m	200
VII	Xã Nga My	
1	Từ công chợ quán chè đi ngược Úc Kỳ 200m và đi xuôi Hà Châu 300m	300
2	Phần còn lại của trục đường 266 địa phận xã Nga My	200
3	Từ ngã ba đường trục 266 đi kho quán Nga My	200
4	Từ đường trục 266 đi trạm xá mới xây	200
VIII	Xã Hà Châu	
1	Từ dốc ngã tư vào xóm Ngói đến kè số 1	300
2	Từ kè số 1 đến giáp Tiên Phong, Phổ Yên	200
3	Từ dốc xóm Ngói đi đến giáp Nga My	200
4	Từ dốc vào Ủy ban nhân dân đến ngã ba Hương Chúc về 2 phía 50m	200
IX	Xã Tân Hoà	
1	Từ ngã tư đi Thanh Lang 350m đi làng Ngò 100m, đi làng Hân, đi trụ sở 50m	200
2	Từ cầu Thanh Lang đi đến trạm bơm xóm Tè	200
X	Xã Tân Thành	
	Từ công Ủy ban nhân dân xã đi 2 phía 500m	200
XI	Xã Tân Kim	
1	Từ công Ủy ban nhân dân xã Tân Kim đi Tân Khánh + 150m,	300

	đi cầu Mây + 1000m	
	- Từ sau 1000m đi tới ngã ba Mỏn	250
2	Từ ngã ba Mỏn Hạ đi Kim Đĩnh 150m	250
3	Từ ngã ba Kim Đĩnh đi trại giống :100m, đi Đội 6: 200m, đi Đội 2: 50m, đi Đội 1 :50m	200
4	Từ công Ủy ban nhân dân xã đi công trường cấp 2 xã 1000m	200
XII	Xã Tân Khánh	
	Từ công Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh đi Bảo lý 100m, ngược đi Bàn Đạt 100m	400
XIII	Xã Tân Đức	
1	Từ đầu cầu Bằng công chợ đi xuôi 50m 2 bờ sông Đào	300
2	Từ công chính chợ đi xóm Diễn 200m	400
3	Từ công chính chợ + 200m đi xóm Ngoài	400
	- Từ sau 200m đi xóm Ngoài đến 300m	200
4	Từ công chính đi đầu cầu Bằng 50m	400
XIV	Xã Xuân Phương	
1	Từ công Ủy ban nhân dân xã Xuân Phương đi công Na Oan	300
2	Từ công Na Oan đến QLô 37	200
3	Từ cầu bằng gốc đa đi Tân Kim 200m	200
4	Từ ngã ba Ủy ban nhân dân xã đi chợ Đình	200
5	Từ ngã ba đường Quốc lộ 37 đi gốc đa (cầu Mây cũ)	600
6	Từ gốc đa (Cầu Mây cũ) đi lò vôi đi Bảo lý	400
XV	Xã Nhã Lộng	
1	Đất xung quanh giáp đất chợ về phía sau	300
2	Từ Quốc lộ 37 vào qua cổng nhà thờ 50m	200
XVI	Xã Diêm Thụy	
1	Từ ngã tư đi đường mới đến hết đất xã đi Sông Công	300
2	Từ ngã tư đường mới đến đường rẽ Phở Yên	300
3	Từ ngã ba rẽ Phở Yên đi xuôi đường 266 về Hà Châu	250
4	Từ ngã ba núi Căng đi Phở Yên	250

XVII	Xã Thượng Đình	
1	Quốc lộ 37 vào Ủy ban nhân dân xã 100m	250
2	Cổng trường cấp 1 đi về hai phía mỗi phía 100m	200
XIIX	Xã Bảo Lý	
1	Từ cổng vật tư nông nghiệp đi Ủy ban nhân dân xã 200m	400
2	Từ cầu Vạn Giã đi ngược Ủy ban nhân dân xã, đi xuôi cầu Mây 200m	200
3	Từ cầu bằng Bảo Lý đi xuôi 200m đi ngược Đào Xá 300m	300
4	Từ cầu Bảo Lý đi ngã ba xóm Thượng	350
XIX	Xã Đào Xá	
1	Từ ngã 3 kè Lũ Yên đi xuôi 200m	500
	- Từ ngã 3 kè Lũ Yên đi ngược 200m	500
	- Từ mét 201 đi xuôi đến 400m	400
	- Từ mét 201 đi ngược sông 300m	300
2	Từ đầu cầu Vòng xóm Dãy đi ngược sông, đi xuôi sông 200m	300
3	Từ đầu kè Lũ Yên đi Bàn Đạt 200m	300
XX	Xã Thanh Ninh	
1	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã đi cầu Ca 200m	400
	- Từ mét 201 đi cầu Ca hết đất Thanh Ninh	300
2	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã đến ngã ba rẽ xóm Tiền Phong	400
	- Từ đường rẽ Tiền Phong đi cổng trường cấp I, II	300
	- Từ cổng trường cấp I, II đi giáp nghĩa trang	250
	- Từ nghĩa trang đi giáp đất Dương Thành	200
3	Từ ngã 3 đi Tiền Phong 100m	300
	- Từ sau 100m đến 300m	200
4	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã đi xóm Đồng Trong 130m	300

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC SỐ 5
VỀ GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ, GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN BẨM CÁC
TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH,
KHU CÔNG NGHIỆP - HUYỆN ĐỒNG HỖ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2958 /2006/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1 000 đồng/m²

TT	Tên đường, khu dân cư	Mức giá
1	Xã Đồng Bẩm	
1.1	Trục đường Quốc lộ 1B:	
	- Từ cầu Gia Bẫy đến Hợp tác xã Cờ Hồng	3.000
1.2	Trục đường rẽ từ Quốc lộ 1B đến Bến Tượng	
	- Từ Quốc lộ 1B vào 100m	1.000
	- Cách Quốc lộ 1B 100m vào đến Bến Tượng	800
1.3	Trục đường rẽ từ Quốc lộ 1B đi xóm Văn Thánh	
	- Từ Quốc lộ 1B vào 100m	1.000
1.4	Trục đường rẽ từ Quốc lộ 1B đến ngã ba Tân Thành 2	
	- Từ Quốc lộ 1B vào 200m	1.000
	- Cách Quốc lộ 1B 200m đến ngã ba Tân Thành 2	800
1.5	Đường từ Quốc lộ 1B đi xóm Gia Bẫy	
	- Từ Quốc lộ 1B vào 100m	800
1.6	Đường từ Quốc lộ 1B đến trạm nước sạch xóm Đồng Bẩm	
	- Từ Quốc lộ 1B vào 100m	800
1.7	Đường từ Quốc lộ 1B đi xóm Ao Voi (lò vôi cũ)	
	- Từ Quốc lộ 1B vào 100m	500
1.8	Đường bê tông xóm Đồng Tâm, Gia Bẫy, đường xóm Đông	
	- Từ Quốc lộ 1B vào 100m	1.000
1.9	Đường bê tông xóm Văn Thánh, Tân Thành II, Nhị Hòa	400
2	Thị trấn Chùa Hang	
2.1	Trục đường Quốc lộ 1B	
	- Từ cổng HTX Cờ Hồng đến cổng Tòa án huyện Đồng Hỷ	2.500
	- Từ cổng Tòa án huyện đến cổng Bà Thành	3.000

	- Từ cổng Bà Thành đến hết hiệu thuốc Đồng hỷ	4.000
	- Từ hiệu thuốc Đồng Hỷ đến kiốt xăng Trạm Vật tư Nông nghiệp	3.000
2.2	Trục đường 269	
	- Đường tròn Chùa Hang đến giáp đường rẽ vào Nhà văn hóa tổ 19 - trị trấn Chùa Hang	4.000
	- Từ đường rẽ vào Nhà văn hóa tổ 19 đến Cầu Đỏ	2.500
2.3	Từ trục đường Quốc lộ 1B nối với đường 269 (Cạnh chợ Chùa Hang)	4.000
2.4	Các tuyến đường rẽ từ trục Quốc lộ 1B	
	- Trục đường từ Quốc lộ 1B đi hết đường Thanh Niên	1.500
	- Trục đường từ Quốc lộ 1B đi đến cổng Công ty Lâm sản	1.200
	- Trục đường từ Quốc lộ 1B đến giáp đất sân bay Đồng Bầm (lối rẽ đối diện lò vôi)	1.000
	- Từ Quốc lộ 1B đến hết Núi Phấn (lối rẽ đối diện đường vào khu TTVH Chùa Hang)	1.000
	- Từ Quốc lộ 1B vào 100m đi trường cấp 2 Đồng Bầm (lối rẽ đối diện đường Thanh Niên)	1.000
	- Các tuyến đường rẽ còn lại từ Quốc lộ 1B vào 100m (đã được đổ bê tông)	1.000
2.5	Trục đường từ đường tròn Chùa Hang đi đường tròn Núi Voi	
	- Từ đường tròn Chùa Hang đến hết hàng rào Ủy ban nhân dân thị trấn Chùa Hang	2.000
	- Từ hàng rào Ủy ban nhân dân Thị trấn Chùa Hang đến nối rẽ đường Thanh Niên	1.500
	- Từ nối rẽ đường Thanh Niên đến cách đường tròn Núi Voi 100m	1.000
	- Đường tròn Núi Voi + 100m về các phía (Cao ngạn, Chùa Hang, Núi Còi)	1.500
	- Cách đường tròn Núi Voi 100m đi núi Còi (đến tổ 37, 39, 40)	500
	- Cách đường tròn Núi Voi 100m đi Công ty Cổ phần Xi măng Cao Ngạn (đến hết đất Thị trấn)	800
	- Đường tròn Núi Voi rẽ vào trạm xá Núi Voi (tổ 31, 32)	1.000

2.6	Đường Hữu Nghị thị trấn Chùa Hang (tổ 30, 34 đi Quân khu I)	1.000
2.7	Trục đường Quốc lộ 1B nối QL3 Quán Triều (thuộc tổ 42 địa phận thị trấn Chùa hang)	1.000
2.8	Trục đường rẽ từ đường tròn Chùa Hang vào 100m đi nghĩa trang ấp Thái	1.200
2.9	Các trục đường bê tông, nhựa còn lại thuộc thị trấn Chùa Hang	
	- Từ tổ 1 đến tổ 34	500
	- Từ tổ 35 đến tổ 42	400
2.10	Các trục đường còn lại chưa bê tông, nhựa thuộc thị trấn Chùa Hang	
	- Nền đường rộng từ 3m trở lên	300
	- Các đường rộng từ 2m trở lên đến < 3m	200
3	Xã Hoá Thượng	
3.1	Trục đường Quốc lộ 1B	
	- Từ kiốt xăng (trạm vật tư) đến đường rẽ lữ 575	2.200
	- Từ đường rẽ lữ 575 đến đường nối Quốc lộ 3	1.500
	- Từ đường nối Quốc lộ 3 đến km số 7 (hết địa phận xã Hóa Thượng)	1.000
3.2	Các tuyến đường rẽ từ trục Quốc lộ 1B	
	- Quốc lộ 1B đến cổng chính Quân khu 1	1.000
	- Quốc lộ 1B đến lò vôi Nha Trang	500
	- Quốc lộ 1B đến xóm Hưng Thái	700
	- Quốc lộ 1B đến Nhà văn hoá xóm Tam Thái	600
	- Quốc lộ 1B vào đến đình Tam Thái	600
	- Quốc lộ 1B đến 200m đi Tam Thái (lối rẽ đối diện cổng trường Cấp 3 Đồng Hỷ)	600
	- Quốc lộ 1B đến Xóm Hoa	600
	- Quốc lộ 1B đến Nhà văn hoá Hưng Thái	600
	- Quốc lộ 1B đến vào trạm 88 cũ	800
	- Quốc lộ 1B đến bệnh xá 43	800

3.3	Từ Quốc lộ 1B đến ngã ba (đường đi Hòa Bình)	600
3.4	Từ Ngã ba (đường đi Hòa Bình) đến đỉnh dốc Văn Hữu	500
3.5	Từ đỉnh dốc Văn Hữu đến cầu Môn	400
3.6	Trục đường 269	
	- Từ cầu Đổ đến hết đất kiốt xăng Doanh nghiệp Đồng Tâm	2.000
	- Từ giáp Kiốt xăng Doanh nghiệp Đồng Tâm đến cầu Linh Nham	1.500
3.7	Các tuyến Đường rẽ từ trục đường 269	
	- Đường rẽ 269 đi hết đất xóm ấp Thái	800
	- Đường rẽ 269 đi hết đất xóm Tân Thái đi Nhị Hòa	500
	- Đường rẽ 269 đi khu dân cư xóm Tân Thái (đổi diện đường rẽ vào Nhà văn hoá xóm Tân Thái)	400
	- Đường rẽ 269 đi đến đồi bệnh viện cũ	900
	- Đường 269 đi hết đất xóm ấp Thái (lối rẽ cạnh Kiốt xăng)	400
	- Đường 269 đi đến cổng trại chăn nuôi Tân Thái	400
3.8	Trục đường Quốc lộ 1B nối Quốc lộ 3 Quán Triều (địa phận xã Hoá Thượng)	
	- Từ Quốc lộ 1B vào 200m	1.500
	- Đoạn từ Quốc lộ 1B + 200m đến hết địa phận xã Hóa Thượng	1.000
3.9	Trục đường Quốc lộ 1B đi Trung đoàn 601 - Góc Vôi	
	- Từ Quốc lộ 1B đến ngã tư Gò Cao	600
	- Từ ngã tư Gò Cao đi Góc Vôi (Hết địa phận xã Hóa Thượng)	400
3.10	Đường Ngã tư Gò Cao đi Minh Lập (hết địa phận xã Hóa Thượng)	300
3.11	Đường rẽ Quốc lộ 1B đoạn Km4 + 600 đi vào núi Kháo	500
3.12	Đường rẽ Quốc lộ 1B đoạn Km4 + 400 đi vào núi Kháo	500
3.13	Đường rẽ Quốc lộ 1B đoạn Km4 +500 đi vào đồi Pháo cũ	500
3.14	Đường rẽ Quốc lộ 1B đoạn Km4 + 900 đi vào xóm Đồng Thái	500
3.15	Đường rẽ Quốc lộ 1B đi lữ 575 (hết địa phận xã Hóa Thượng)	700
3.16	Quốc lộ 1B đi đến Đài tưởng niệm Liệt sỹ	500

4	Xã Hoá Trung	
4.1	Trục đường Quốc lộ 1B	
	- Từ km6 + 700 đến Km số 7	800
	- Từ Km số 7 qua Ủy ban nhân dân xã Hoá Trung 100m	700
	- Cách Ủy ban nhân dân xã Hoá Trung 100m đến Km 9+500	500
	- Từ Km 9+500 đến Km số 12	400
4.2	Trục đường từ Quốc lộ 1B đến cổng Công ty Chè Sông Cầu (địa phận xã Hóa Trung)	500
4.3	Trục đường từ Quốc lộ 1B (giáp đất Hóa Thượng) đến cổng Lữ đoàn 575	400
5	Xã Quang Sơn	
5.1	Trục đường Quốc lộ 1B	
	- Từ Km12 đến cầu Đồng Thu	550
	- Từ cầu Đồng Thu đến hết địa phận xã Quang Sơn	500
5.2	Trục đường từ Quốc lộ 1B vào Ủy ban nhân dân xã Quang Sơn đến trường tiểu học xã Quang Sơn	350
5.3	Từ Km12 đi hết địa phận xóm Na Oai	350
5.4	Từ xóm Na Oai đến xóm Đồng Thu	350
5.5	Từ xóm Viễn Ván đi xóm Đồng Chuông	160
5.6	Từ xóm Xuân Quang đi xóm Na Lay	200
6	Xã Linh Sơn	
6.1	Trục đường 269	
	- Từ cầu Linh Nham đến Ủy ban nhân dân xã Linh Sơn	500
	- Từ Ủy ban nhân dân xã Linh Sơn đến cầu Ngòi Trọ	300
6.2	Cách đường 269 100m đi cầu treo Bến Oánh (cả hai nhánh)	400
6.3	Trục đường từ ngã ba Hùng Vương đến cầu phao Ngọc Lâm	300
7	Xã Nam Hoà	
7.1	Trục đường 269	
	- Từ cầu Ngòi trọ đến cách chợ Nam Hòa 100m	300
	- Cách chợ Nam Hòa về hai phía 100m	700

	- Từ cách chợ 100m đến cổng kho K22	500
	- Từ cổng kho K22 đến cầu Thác Lạc	350
7.2	Từ đường 269 đi xã Huống Thượng (đến hết địa phận xã Nam Hòa)	300
8	Thị trấn Trại Cau	
8.1	Trục đường 269	
	- Từ cầu Thác Lạc đến cầu đợi chờ	800
	- Từ cầu đợi chờ đến đường rẽ đi xã Tân Lợi	600
	- Từ đường rẽ đi xã Tân Lợi đến giáp đất Tân Lợi	500
8.2	Từ ngã ba Thương nghiệp đến cổng Phân viện Trại Cau	800
8.3	Từ ga 48 đến ngầm xã Cây Thị	400
9	Xã Tân Lợi	
9.1	Trục đường 269	
	- Từ giáp tổ 17 TT Trại Cau đi xóm Cầu Đã đến giáp xóm Đèo Hanh xã Hợp Tiến	500
9.2	Từ Ủy ban nhân dân xã đi xóm Bảo Nang, xóm Làng Chàng đến xóm Bảo Lu	100
9.3	Từ Núi xẻ đi xóm Đồng Lâm đến xóm Trại Đèo	100
9.4	Từ xóm Na Tiêm đi xóm Bờ Tắc	100
10	Xã Hợp Tiến	
10.1	Trục đường 269	
	- Từ giáp đất xã Tân Lợi đến cách Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến 500m	500
	- Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến + 500m về các phía	800
	- Từ cách Ủy ban nhân dân xã Hợp tiến 500m đến hết đất xã Hợp Tiến	500
10.2	Trục đường rẽ từ cách Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến 500m đi Phú Bình (đi hết đất Hợp Tiến)	500
11	Xã Cây Thị	
	Trục đường liên xã	
	- Từ cầu tràn Ngàn Me đến cống ranh giới xóm Mỹ Hoà - Trại Cau	200

	- Từ cống ranh giới xóm Mỹ Hoà - Trại Cau đến suối Cây Thị	250
	- Từ suối Cây Thị đến khe Gốc Đa	160
	- Từ khe Gốc Đa đến suối cống đền ông Thị	120
12	Xã Khe Mo	
12.1	Trục đường từ cầu Linh Nham đi Khe Mo - Đèo Khế	
	- Từ cầu Linh Nham đến cách chợ Khe Mo 100m	500
	- Chợ Khe Mo + 100m về 2 phía	600
	- Cách chợ Khe Mo 100m đi đèo khế gặp đường Quốc lộ 1B	200
12.2	Trục đường ngã ba xóm Hải Hà đến cầu sắt	200
12.3	Trục đường ngã ba xóm Ao Rôm II đến tiểu đoàn I Lữ đoàn 575	200
12.4	Trục đường ngã ba Khe Mo I đi xóm Dọc Hèo đến đội 7 TT Sông Cầu	150
12.5	Trục đường ngã ba Khe Mo I đến Nhà văn hoá xóm Làng Cháy	150
13	Xã Văn Hán	
13.1	Trục đường từ Khe mo đến cách chợ Văn Hán 100m	200
13.2	Chợ Văn Hán + 100m về hai phía	400
13.3	Cách chợ Văn Hán 100m đến trường tiểu học số 1 Văn Hán	300
13.4	Từ trường Tiểu học số 1 Văn Hán đến chân Đèo Nhâu	100
13.5	Từ Ngã ba chân dốc uỷ ban cũ đến ngã ba Trạm biến thế xóm Phả Lý	200
13.6	Từ ngã ba Trạm biến thế Phả lý đến hết xóm Thịnh Đức 1	100
13.7	Từ ngã 3 xóm Vân Hòa đến hết xóm Hào Khê 1	100
13.8	Từ trục Ủy ban đi hết xóm Thái Hưng	100
13.9	Từ trục Ủy ban đi hết xóm La Đàn	100
14	Minh Lập	
14.1	Chợ Trại Cài + 200m về các phía	500
14.2	Từ cầu Mơn đến cách chợ Trại Cài 200m	400
14.3	Từ cách chợ Trại Cài 200m qua Ủy ban nhân dân xã Minh Lập đến giáp đất Hóa Thượng	300

14.4	Từ cách chợ Trại Cài 200m vào đến xóm Sông Cầu	250
14.5	Từ đốc Trại Cài 2 + 100m vào Hang Ne	200
14.6	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã Minh Lập + 200m vào xóm Ao Sơn	200
14.7	Từ ngã ba xóm Na Ca + 200m đi Góc Đa; đi Tân Lập; đi La Địa	200
14.8	Từ ngã ba xóm Đoàn Kết + 200m đi Làng Chu, Theo Cày	200
14.9	Từ ngã ba xóm Cầu Mơn 2 + 200m đi La Đà	200
14.10	Từ ngàm Cà Phê đi vào Đồng Sẻ	200
14.11	Từ ngã ba xóm Bà Đanh đi vào xóm Bà Đanh 1 + 2	300
15	Xã Hoà Bình	
	Đất ở ven các trục đường liên xã	
	- Chợ Hoà Bình về các phía 200 mét	700
	- Cách chợ Hoà bình 200m đến giáp đất xã Văn Lãng	160
	- Cách chợ Hoà bình 200m đến giáp đất xã Tân Long	300
	- Cách chợ Hoà Bình 200m đến cầu Trung Thành	400
	- Từ cầu Trung Thành đến giáp đất xã Minh Lập	300
16	Xã Tân Long	
16.1	Ủy ban nhân dân xã Tân Long + 250m về hai phía	600
16.2	Cách Ủy ban nhân dân xã 250m đến giáp đất Hòa Bình	300
16.3	Cách Ủy ban nhân dân xã Tân Long 250m đến giáp đất xã Quang Sơn	300
16.4	Từ ngã ba cầu Trần đến đài tưởng niệm xã	200
16.5	Từ ngã ba đài tưởng niệm đến cầu trần Đồng Mây	100
16.6	Từ cầu Trần đến Nhà văn hóa xóm Làng Giếng	120
17	Xã Văn Lãng	
17.1	Từ đài tưởng niệm xã Văn Lãng đến cầu treo Khe Tiên	300
17.2	Từ bờ rào đài tưởng niệm đến trạm biến áp Tân Thịnh	200
17.3	Từ trạm biến áp Tân Thịnh đến cầu treo Văn Lãng	100
17.4	Từ cầu treo Văn Lãng đến cầu Khe Vịt	220
17.5	Từ cầu Khe Vịt đến cột mốc gianh giới xã Hoà Bình	150

17.6	Từ ngã ba Văn Lãng đến trường Trung học cơ sở xã Văn Lãng	200
17.7	Từ trường Trung học cơ sở xã Văn Lãng đến danh giới xã Phú Đô - Phú Lương	100
17.8	Từ cầu treo Khe Tiên đến ngầm Khe Vầu + 500m	150
17.9	Từ ngầm Khe Vầu 500m đến Khe Mạ	100
17.10	Từ Khe Mạ đến qua Khe Ung 100m	150
18	Xã Cao Ngạn	
18.1	Trục đường từ đường tròn Núi Voi đi Công ty cổ phần xi măng Cao Ngạn	
	- Từ cách đường tròn núi voi 100m đến cổng Công ty Cổ phần Xi măng Cao Ngạn	800
	- Từ cách ngã ba Nguyên Đam 50m đến cổng Ủy ban nhân dân xã Cao Ngạn	200
18.2	Trục đường đi ngã ba Góc Vôi	
	- Ngã ba Góc Vôi đi về các phía 100m	300
	- Cách ngã ba Góc Vôi 100m đi Trung đoàn 601 (đến giáp đất Hoá Thượng)	200
	- Cách ngã ba Góc Vôi 100m đến Cầu cáp xã Cao Ngạn (đi xóm Hội Hiếu)	200
	- Cách ngã ba Góc Vôi 100m đến cách ngã ba Chung Quỳnh 50m	200
18.3	Trục đường nối tuyến Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B đến hết địa phận xã Cao Ngạn	1.000
18.4	Trục rẽ từ đường nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B vào 130m (trạm gác Núi Voi cũ đi ngã 3 Góc Vôi)	600
19	Xã Huống Thượng	
19.1	Trục đường từ cầu treo Huống Thượng đến ngã tư xóm Hóc	400
19.2	Từ ngã tư xóm Hóc đến cầu treo sông Đào xóm Sộp	200
19.3	Từ ngã tư xóm Hóc đến giáp đất xã Nam Hoà	250
19.4	Từ cầu phao Huống Trung đến đội 18 xóm Huống Trung (đường đi sang xã Linh Sơn)	200
19.5	Từ cổng làng xóm Trám đi đến xóm Huống Trung	200
19.6	Từ cầu treo Huống Thượng đi đến xóm Cây	200

19.7	Từ Ủy ban nhân dân xã đi trường Dạy nghề Quân khu I	100
19.8	Từ cổng làng xóm Bàu đến Nhà văn hóa	200
19.9	Từ Nhà văn hóa xóm Già đến trạm bơm Gò Tôn xóm Già	100
20	Thị trấn Sông Cầu	
20.1	Trục đường Quốc lộ 1B	
	- Từ Km 10 đến Km 12 (thuộc địa phận thị trấn Sông Cầu)	400
	- Từ Km 12 đến cầu Đồng Thu (thuộc địa phận thị trấn Sông Cầu)	550
	- Từ cầu Đồng Thu đến đường rẽ vào phân trại Phú Sơn 4 (thuộc địa phận thị trấn Sông Cầu)	600
20.2	Từ Quốc lộ 1B đến cổng trụ sở Công ty Chè Sông Cầu	600
20.3	Từ cổng Công ty Chè Sông Cầu đến ngã tư đường tròn thị trấn	800
20.4	Từ ngã tư đường tròn thị trấn đến Bình Phong xóm Liên Cơ đi xóm 9	600
20.5	Từ ngã tư đường tròn thị trấn đến đồi cây Trám xóm Tân Tiến	500
20.6	Từ Bình Phong xóm Liên Cơ đi xóm 4 đến Quốc lộ 1B	500
20.7	Từ Bình Phong xóm Liên Cơ đến đồi cây Giang	350
20.8	Từ đồi cây Trám đến hết đường nhựa xóm 5	300
20.9	Từ đồi cây Giang đến cầu treo xóm 7	300
20.10	Từ ngã ba trạm y tế đến trạm bơm	350
20.11	Từ ngã ba trạm y tế đến cổng trường cấp II	400
20.12	Đường nội bộ thị trấn có bê tông hoặc nhựa có mặt đường $\geq 3,5m$	300
20.13	Từ đường tròn vào đến Trung tâm văn hóa	400
20.14	Từ bình phong xóm 4 đi La Mao đến ngã ba xóm 9	300

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC SỐ 6**VỀ GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ, GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN BẮM TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, CÁC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẠI TỪ***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2958 /2006/QĐ-UBND**ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)**Đơn vị tính: 1.000đ/m²*

TT	Tên đường, khu dân cư	Mức giá
A	Tuyến đường quốc lộ 37	
1	Từ Giáp đất Phú Lương - Đến đường tàu cắt ngang Quốc lộ 37	450
2	Từ đường tàu cắt ngang - Đến nghĩa trang Liệt sỹ xã Cù Vân	500
3	Từ nghĩa trang Liệt sỹ xã Cù Vân - Đến cầu Rùm xã Cù Vân	500
4	Từ cầu Rùm xã Cù Vân - Đến cầu Khe Lạnh	450
5	Từ cầu Khe Lạnh - Đến đường tàu cắt ngang xóm 11 xã Hà Thượng	800
6	Từ đường tàu cắt ngang xóm 11 xã Hà Thượng - Đến Km số 17 (+) 200m Thái Nguyên - Đại Từ	500
7	Từ Km số 17 (+) 200m Thái Nguyên - Đại Từ - Đến Km 19 đường rẽ vào xóm 3 xã Hà Thượng	700
8	Từ Km 19 đường rẽ vào xóm 3 xã Hà Thượng - Đến hết đất xã Hà Thượng giáp xã Hùng Sơn	800
9	Từ Giáp đất xã Hà Thượng - Đến cổng Lâm trường	1.000
10	Từ cổng Lâm trường - Đến đường rẽ vào Hồ Núi Cốc	1.500
11	Từ đường rẽ Hồ Núi Cốc - Đến đầu cầu Huy Ngạc	2.000
12	Từ cầu Huy Ngạc - Đến đường rẽ vào xóm Táo xã Hùng Sơn	3.000
13	Từ đường rẽ vào xóm Táo - Đến cổng cầu Bò	3.500
14	Từ cổng cầu Bò - Đến cổng Kho bạc	4.500
15	Từ cổng Kho bạc - Đến Ki ốt xăng số 19 (Đối diện nghĩa trang TT Đại Từ)	4.000
16	Từ Ki ốt xăng số 19 - Đến đường rẽ vào xóm Gò	3.000
17	Từ đường rẽ vào xóm Gò - Đến cầu Đen	2.000
18	Từ cầu Đen - Đến Trạm biến áp Tiên Hội	1.200

19	Từ Trạm biến áp Tiên Hội - Đến đường rẽ vào nghĩa trang xã Tiên Hội	1.300
20	Từ đường rẽ vào vào nghĩa trang Tiên Hội - Đến cầu suối Nong	1.200
21	Từ cầu suối Nong - Đến đường rẽ vào xã Hoàng Nông (Đốc đò)	1.000
22	Từ đường vào xã Hoàng Nông - Đến cầu Điệp	500
23	Từ cầu Điệp - Đến hết đất xã Tiên Hội (giáp xã Bản ngoại)	600
24	Từ giáp đất xã Tiên Hội - Đến cống Tiêu Ba Giăng	800
25	Từ cống Tiêu Ba Giăng - Đến đường rẽ vào xã La Bằng	600
26	Từ đường rẽ vào xã La Bằng (+) 20m - Đến hết đất xã Bản Ngoại	500
27	Từ giáp đất xã Bản Ngoại - Đến đường tàu cắt ngang xã Phú Xuyên	550
28	Từ đường tàu cắt ngang xã Phú Xuyên - Đến đỉnh dốc Mon (đường rẽ vào xã La Bằng)	300
29	Từ đỉnh dốc Mon (đường rẽ vào xã La Bằng) - Đến cầu Phú Xuyên	500
30	Từ cầu Phú Xuyên - Đến qua Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phú Xuyên (+) 300m	550
31	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phú Xuyên (+) 300m - Đến cầu Trà	400
32	Từ cầu Trà - Đến cầu Tây xã Yên Lãng	600
33	Từ cầu Tây xã Yên Lãng - Đến đường rẽ xóm Khuôn Nanh	800
34	Từ đường rẽ xóm Khuôn Nanh - Đến cổng trường Tiểu học I xã Yên Lãng	1.000
35	Từ cổng trường Tiểu học I xã Yên Lãng - Đến Ki ốt xăng Đèo Khế	600
36	Từ Ki ốt xăng Đèo Khế - Đến hết đất xã Yên Lãng (giáp huyện Sơn Dương - Tuyên Quang)	200
Trục phụ Quốc lộ 37		
1	Từ Quốc lộ 37 - đi vào xã An Khánh	
a	Từ Quốc lộ 37 - Đến suối Huyền xã An Khánh	250
b	Từ cầu suối Huyền - Đến đường rẽ vào Trại giống xã An Khánh	200
c	Từ đường rẽ vào Trại giống xã An Khánh - Đến đường rẽ cầu sắt xã An Khánh	160

2	Từ Quốc lộ 37 (+)100m - Đến Kho K9 xã Cù Vân	
a	Từ Quốc lộ 37 (+)100m	400
b	Cách Quốc lộ 37 (100m) - Đến Kho K9 xã Cù Vân	200
3	Quốc lộ 37 đi vào Mỏ Bắc Làng Cẩm	
a	Từ Quốc lộ 37 - Đến Phân xưởng cơ điện Mỏ than Làng Cẩm	450
b	Từ Phân xưởng cơ điện Mỏ than Làng Cẩm - Đến giáp đất xã Phục Linh	400
c	Từ giáp đất xã Hà Thượng (đường vào Phố Cẩm) - Đến cầu xóm Cẩm 2 xã Phục Linh	200
4	Quốc lộ 37 đi vào kho muối xã Hà Thượng	
a	Từ Quốc lộ 37 đi vào 100 m	400
b	Cách Quốc lộ 37 (100m) - Đến cổng kho muối	300
5	Từ Quốc lộ 37 - Đến cổng kho KV3 (+) 300m (giáp xã Phục Linh)	500
6	Từ Quốc lộ 37 vào xóm 1, 2, 3, 4, 5, 6 - xã Hà Thượng,	
6.1	Từ Quốc lộ 37 (Cây đa Thùng Diêu cũ) (+) 100 m theo đường vào khu dân cư xóm 1	300
6.2	Từ Quốc lộ 37 vào đến nhà văn hoá xóm 1 (đường rẽ vào Đầm Mây)	300
6.3	Từ Quốc lộ 37 + 100m theo đường vào nhà thờ (Xóm 2)	300
6.4	Từ Quốc lộ 37 + 100m theo đường rẽ từ đầu cầu Suối Cát 2 vào khu dân cư xóm 2	300
6.5	Từ Quốc lộ 37 + 100m theo đường rẽ Đá Liền vào khu dân cư xóm 2	300
6.6	Từ Quốc lộ 37 (chợ góc mai) rẽ vào đến đường tàu cắt ngang đường vào xóm 4, 5	300
6.7	Từ Quốc lộ 37 + 100m theo đường rẽ từ đầu cầu Suối Cát 1 vào khu dân cư xóm 6	300
7	Quốc lộ 37 vào xã Tân Linh	
a	Quốc lộ 37 vào 100m	600
b	Sau 100m - Đến đỉnh dốc đá	500
c	Từ đỉnh dốc đá - Đến cầu Vực Xanh	250
d	Ủy ban nhân dân xã Tân Linh (+) (-) 200m về 2 phía	300

e	Khu Chợ xã Tân Linh (+) (-) 200 về 2 phía	350
8	Từ Quốc lộ 37 đi vào suối Bát xóm Liên Giới xã Hùng Sơn	
a	Từ Quốc lộ 37 (+) 100m	400
b	Sau 100m đến 300m	250
c	Sau 300m - Đến suối Bát xóm Liên giới xã Hùng Sơn	200
9	Từ Quốc lộ 37 vào núi Chiêm xóm Liên giới xã Hùng Sơn	
a	Từ Quốc lộ 37 (+) 100m	400
b	Sau 100m đến 300m	250
c	Sau 300m - Đến núi Chiêm xóm Liên giới xã Hùng Sơn	200
10	Từ Quốc lộ 37 đi vào cầu Phà Điệp	
a	Từ Quốc lộ 37 (+) 100m	500
b	Sau 100m đến 300m	250
11	Từ Quốc lộ 37 - Đến cổng Trường Tiểu học Hùng Sơn I	250
12	Từ Quốc lộ 37 đi đến đường tiếp giáp xóm Đồng Cả xã Hùng Sơn	
a	Từ Quốc lộ 37 (+) 100m	600
b	Sau 100m đến đường tiếp giáp xóm Đồng Cả xã Hùng Sơn	400
13	Từ Quốc lộ 37 - Đến cổng trường Mầm non Hùng Sơn I	800
14	Từ Quốc lộ 37 đi vào xóm Táo xã Hùng Sơn	
a	Từ Quốc lộ 37 - Đến Nhà văn hoá xóm Táo xã Hùng Sơn	1.000
b	Từ Nhà văn hoá xóm Táo xã Hùng Sơn - Đến đường rẽ sang xóm Trung Hoà xã Hùng Sơn	1.000
15	Từ giáp Quốc lộ 37 - Đến cổng trường Trung học phổ thông Đại Từ	1.500
16	Từ Quốc lộ 37 - Đến đường vào Trung tâm y tế (đường Đồng Khốc)	
a	Từ giáp Quốc lộ 37 - Đến đường rẽ trường Mầm non TT Đại Từ	2.500
b	Từ cổng trường Mầm Non TT Đại Từ - Đến đường vào Trung tâm Y Tế	1.000
17	Từ Quốc lộ 37 ngã ba Bách hoá đi Khôi Kỳ - Mỹ Yên	
a	Từ Quốc lộ 37 ngã ba Bách hoá - Đến cầu Thông	1.500
b	Từ cầu Thông - Đến đường rẽ Khu di tích Lịch sử 27/7	1.000

c	Khu di tích lịch sử 27/7 - Đến hết đất xã Hùng Sơn	450
d	Từ giáp đất xã Hùng Sơn - Đến bình phong xã Khôi Kỳ	350
e	Từ bình phong xã Khôi Kỳ - Đến Đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã Khôi Kỳ (Đường 1) giáp nhà ông Thuỷ.	250
g	Từ đường rẽ Ủy ban nhân dân xã Khôi Kỳ (Đường 1) giáp nhà ông Thuỷ - Đến cầu xây (giáp nhà ông Dục)	200
h	Từ cầu xây (giáp nhà ông Dục) xã Khôi Kỳ - Đến hết đất xã Khôi Kỳ	160
18	Từ Quốc lộ 37 đi vào nhà máy nước (xóm Đồng Trùng)	
a	Từ Quốc lộ 37 (+) 100m	700
b	Sau 100m - Đến nhà máy nước	600
c	Từ nhà máy nước - Đến giáp bờ sông	400
19	Từ Quốc lộ 37 đường vào Trạm Y Tế xã Tiên Hội - Đến cổng trường Tiểu học xã Tiên Hội	300
20	Từ Quốc lộ 37 đường đi xã Hoàng Nông	
a	Từ Quốc lộ 37 - Đến ngã ba Đầm Sen	200
b	Từ ngã ba Đầm Sen - Đến hết đất xã Tiên Hội (giáp xã Hoàng Nông)	160
21	Từ Quốc lộ 37 - Đến khu di tích lịch sử xóm Đầm Mua xã Bản Ngoại	160
22	Từ Quốc lộ 37 (đường rẽ đi vào xã La Bằng) - Đến hết đất xã Bản Ngoại	350
23	Từ Quốc lộ 37 - Đến nhà văn hoá xóm Khuôn Nanh	160
24	Tuyến ngã ba xã Yên Lãng đi Mỏ núi Hồng	
a	Từ ngã ba Chợ Yên Lãng - Đến hết đất Chi nhánh Ngân hàng	800
b	Từ giáp Chi nhánh Ngân hàng - Đến cổng Văn phòng Mỏ	700
c	Từ cổng Văn phòng Mỏ - Đến đường rẽ vào Bàn Cân	500
d	Từ đường rẽ vào Bàn Cân - Đến núi đá vôi (xóm cây Hồng)	350
e	Từ cổng Văn phòng Mỏ - Đến (Khu B) tập thể Mỏ	300
B	Đường tỉnh lộ	
I	(ĐT 264) Từ ngã ba Khuôn Ngàn đi Phú Thịnh, Minh Tiên	
1	Từ ngã ba Khuôn Ngàn - Đến đường rẽ vào Nhà văn hoá xóm	600

	Làng Thượng xã Phú Thịnh	
2	Từ đường rẽ vào Nhà văn hoá xóm Làng Thượng - Đến cầu Trần Phú Thịnh	300
3	Từ cầu Trần Phú Thịnh - Đến ngã ba Phú Minh	400
4	Từ ngã ba Phú Minh - Đến Km số 5 (+) 800m	300
5	Từ Km số 5 (+) 800m - Đến Km số 6 (+) 120m	160
6	Sau Km số 6 (+) 120m - Đến Km số 6 (+) 900m	250
7	Từ Km số 6 (+) 900m - Đến Km số 8 (+) 300m	250
8	Từ Km số 8 (+) 300m (cầu treo xã Phú Cường) - Đến hết đất xã Phú Cường (giáp xã Minh Tiến)	200
9	Từ giáp đất xã Phú Cường - Đến hết đằm Thảm Mõ xã Minh Tiến	160
10	Từ đằm Thảm Mõ - Đến Trạm Bơm điện xã Minh Tiến	300
11	Từ trạm Bơm điện - Đến hết đất xã Minh Tiến (giáp huyện Định Hoá)	120
II	(Đường 263) Từ ngã ba Phú Minh đi huyện Phú Lương	
1	Từ ngã ba Phú Minh (+) 200m - Đến hết đất xã Phú Thịnh (giáp xã Phú Lạc)	160
2	Từ giáp đất xã Phú Thịnh - Đến cầu Thông xóm Trại tre xã Phú Lạc	260
3	Từ cầu Thông xóm Trại tre xã Phú Lạc - Đến hết đất xã Phú Lạc	200
4	Từ giáp đất xã Phú Lạc - Đến cách Ủy ban nhân dân xã Đức Lương 200m	160
5	Cổng Ủy ban nhân dân xã Đức Lương (+) (-) 200m về 2 phía	200
6	Cổng Ủy ban nhân dân xã Đức Lương (+) 200m - Đến ngầm cầu Tuất xã Phúc Lương	160
7	Từ ngầm cầu Tuất - Đến hết khu quy hoạch (giáp nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương)	200
8	Từ nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương - Đến cách Ủy ban nhân dân xã Phúc Lương 300m	160
9	Trung tâm Ủy ban nhân dân xã Phúc Lương (+) (-) 300m về 2 phía	200
10	Từ Ủy ban nhân dân xã Phúc Lương (+) 300m đến hết đất xã Phúc Lương	160

III	(Đường 261) Từ ngã ba Bưu điện đi Quận Chu	
1	Từ Quốc lộ 37 - Đến hết đất Kiểm lâm cũ	4.500
2	Từ hết đất Kiểm lâm cũ - Đến cầu Gò Sơn	3.000
3	Từ cầu Gò Sơn - Đến ngã ba sân vận động	1.000
4	Từ ngã ba sân vận động - Đến cầu suối Tầm	1.500
5	Từ cầu suối Tầm - Đến cầu cỏ Trâu	700
6	Từ cầu cỏ Trâu - Đến hết đất xã Bình Thuận	400
7	Từ giáp đất xã Bình Thuận - Đến cầu Đâu xã Lục Ba	250
8	Từ cầu Đâu - Đến đường rẽ vào nghĩa địa Gò Chùa xóm Đồng mưa xã Lục Ba	400
9	Từ đường rẽ vào nghĩa địa Gò Chùa xóm Đồng mưa xã Lục Ba - Đến đường rẽ vào xóm Gò Lớn xã Lục Ba (giáp nhà bà Trần Thị Lân)	300
10	Từ đường rẽ vào xóm Gò Lớn - Đến hết đất xã Lục Ba	200
11	Từ giáp đất xã Lục Ba - Đến đường rẽ vào xã Vạn Thọ	400
12	Từ đường rẽ vào xã Vạn Thọ - Đến đầu cầu Xí nghiệp Ký Phú	600
13	Từ đầu cầu Xí nghiệp - Đến đường rẽ cầu Treo (Xóm Cỏ) Ký Phú	700
14	Từ đường rẽ cầu Treo (Xóm Cỏ) - Đến hết đất xã Ký Phú	400
15	Từ giáp đất xã Ký Phú - Đến đường rẽ vào xóm Đồng Mương xã Cát Nê	200
16	Từ đường rẽ vào xóm Đồng Mương - Đến đường vào Soi Mai - Cát Nê	250
17	Từ đường vào Soi Mai - Đến suối Đầu Cầu	200
18	Từ suối Đầu Cầu - Đến suối Đông Dao (hết đất xã Cát Nê)	160
19	Từ đường rẽ vào xóm Vang, Hoà Bình - Đến suối Đền xã Quận Chu	300
20	Từ suối Đền xã Quận Chu - Đến cổng trường Trung học cơ sở Quận Chu	500
21	Từ đường rẽ vào xóm Hùng Vương - Đến đường rẽ xóm dốc Vụ xã Quận Chu	200
22	Từ đường rẽ xóm dốc Vụ xã Quận Chu - Đến cổng Trường Tiểu học Thị Trấn Quận Chu	300

23	Từ cầu tràn suối Đồi - Đến cầu suối Liếng xã Quân Chu	300
24	Từ Đồi 1 suối đầu cầu Thị Trấn Quân Chu - Đến đường rẽ xóm Vang, Hoà Bình	160
25	Từ Trạm Thuế miền Quân Chu - Đến đường rẽ xóm 2 thị trấn Quân Chu	500
26	Từ đường rẽ xóm 2 thị trấn Quân Chu - Đến cổng trường Tiểu học thị trấn Quân Chu	300
27	Từ cổng trường Tiểu học thị trấn Quân Chu - Đến cầu suối Đồi thị trấn Quân Chu	400
28	Từ cầu suối Đồi thị trấn Quân Chu - Đến cầu suối Liếng	300
IV	(Đường 270) Từ Quốc lộ 37 đi vào Hồ Núi Cốc	
1	Từ Quốc lộ 37 đường rẽ Hồ Núi Cốc (+) 300m	600
2	Sau 300m - Đến hết đất xã Hùng Sơn	300
3	Từ giáp đất xã Hùng Sơn - Đến cổng qua đường (Nhà ông Năm) xóm Yên Thái xã Tân Thái	200
4	Từ cổng qua đường (Nhà ông Năm) xóm Yên Thái - Đến suối Lạc xã Tân Thái	200
5	Từ suối Lạc xã Tân Thái - Đến giáp Ủy ban nhân dân xã Tân Thái	300
6	Từ Ủy ban nhân dân xã Tân Thái - Đến hết đất Đoàn 16 Quân khu I	600
7	Từ giáp Đoàn 16 Quân khu I - Đến hết đất xã Tân Thái	500
C	Đường quanh nội thị	
1	Đường xung quanh nội thị	
a	Đất thuộc lô 2 sau Bến xe khách Đại Từ	1000
b	Từ cầu Tây (chợ cũ) - Đến đường rẽ xuống sân vận động	800
c	Từ ngã ba Sơn Tập - Đến cổng Trung Tâm Y Tế Đại Từ	1.000
2	Khu quy hoạch cổng Trung tâm Y tế Đại Từ	
a	Từ cổng Trung tâm Y tế - Đến Nha khí tượng cũ	700
b	Các đường khác Khu quy hoạch Trung tâm Y tế	400
D	Các trục đường khác	
1	Từ đường rẽ cầu sắt xã An Khánh - Đến hết đất xã An Khánh	200

2	Từ ngã ba Làng ngò - Đến cầu Sạc bi xã An Khánh	160
3	Từ giáp đất xã Hà Thượng (trục đường xóm Khuôn xã Phục Linh) - Đến trường Mầm non xã Phục Linh	200
4	Khu Trung tâm Ủy ban nhân dân xã Phục Linh (+) (-) 30m về 2 phía	200
5	Các nhánh của đường rẽ vào xóm Đồng Trũng xã Hùng Sơn	
6	- Mặt đường lớn hơn hoặc bằng 3,5m	400
7	- Mặt đường từ 2 đến nhỏ hơn 3,5m	250
8	- Mặt đường nhỏ hơn 2m	200
9	Từ đường 261 (+) 350m đi xã Mỹ Yên qua xã Bình Thuận	300
10	Từ đường 261 (+) 350m đi vào xóm Trại xã Bình Thuận	300
11	Từ đường 261 (+) 350m đi vào xóm Chùa xã Bình Thuận	300
12	Từ đường 261 (+) 350m đi vào xóm Thanh Phong xã Bình Thuận	300
13	Từ đường 261 (+) 350m đi vào xóm Thuận Phong xã Bình Thuận	300
14	Từ đường 261 (+) 350m đi vào xóm Tiến Thành xã Bình Thuận	300
15	Từ tỉnh lộ 261 - Đến hồ Gò Miếu xã Ký Phú	250
16	Từ tỉnh lộ 261 (+) 200m đường vào trường học xã Lục Ba	200
17	Từ giáp đất xã Ký Phú - đến ngã ba trường Tiểu học xã Văn Yên	160
18	Từ ngã ba trường Tiểu học xã Văn Yên đi cầu Găng trường Mầm non - Đến giáp đất xã Mỹ Yên	160
19	Từ cầu Treo xã Vạn Thọ - Đến trạm điện (đường rẽ vào xóm 5 xã Vạn Thọ)	160
20	Từ trạm điện (đường rẽ vào xóm 5 xã Vạn Thọ) - Đến đường rẽ vào xóm 6 xã Vạn Thọ	160
21	Từ đường đi vào xóm 6 - Đến hết đất xã Vạn Thọ	160
22	Từ trung tâm xã Phú Lạc - Đến giáp đất xã Tân Linh	160
23	Từ ngã ba xóm Na Hoàn xã Phú Lạc - Đến cầu treo Làng Vòng	160
24	Từ giáp đất xã Bản Ngoại - Đến trạm biến áp xóm Lau Sau (xã La Bằng)	160
25	Từ trạm biến áp xóm Lau Sau (xã La Bằng) - Đến công trường Mầm non xã La Bằng	200

26	Từ cổng trường Mầm non xã La Bằng - Đến ngã ba cây Si (+) 100m đi xóm Rừng Vần (+) 100m đi xã Phú Xuyên	300
27	Từ ngã ba cây Si (+) 100m - Đến trạm điện xóm Rừng Vần xã La Bằng	160
28	Từ ngã ba - Đến cổng khu di tích lịch sử nơi thành lập Chi bộ Đảng (xã La Bằng)	160
29	Từ ngã ba cây Si (+) 100m (đường đi xã Phú Xuyên) - Đến hết đất xã La Bằng	200
30	Từ giáp đất xã Tiên Hội - Đến ngã tư xóm Làng Đảng xã Hoàng Nông	250
31	Từ ngã tư xóm Làng Đảng xã Hoàng Nông - Đến Trạm Kiểm lâm Hoàng Nông	300
32	Từ Trạm Kiểm lâm Hoàng Nông - Đến đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã Hoàng Nông	200
33	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hoàng Nông (+) (-) 200m về 2 phía	160
34	Từ đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã Hoàng Nông - Đến ngã ba xóm Đồng Khuôn xã Hoàng Nông	160
35	Từ đỉnh dốc Mon - Đến hết đất xã Phú Xuyên (đường vào xã La Bằng)	200
36	Từ cây Đa Đôi (đường vào xã Na Mao) + 200m	250
37	Từ ngã ba Ba Giăng xã Bản Ngoại - Đến cầu treo xã Phú Lạc	250
38	Từ đường rẽ Trạm Y tế xã Bản Ngoại - Đến ngã tư xóm Phố xã Bản Ngoại	160

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC SỐ: 7

**VỀ GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ, GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN
BÁM CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH, CÁC ĐÀU MỐI
GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH,
KHU CÔNG NGHIỆP - HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2958 /2006/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Đơn vị tính: 1000đồng/m²

TT	Tên đường và khu dân cư	Mức giá
I	Trục đường Quốc lộ 3	
1	Từ giáp đất thành phố Thái Nguyên đến Km 76	2.500
2	Từ Km 76 đến Km 76 + 400 (khu chợ góc Bàng)	3.000
3	Từ Km 76 + 400 đến Km77 + 500 (đỉnh Dốc Vồng)	2.200
4	Từ Km 77 + 500 đến Km 79 + 400 (đỉnh dốc ngã ba Bờ Đậu)	1.800
5	Từ Km 79 + 400 đến Km 80 (cách ngã ba Bờ Đậu 100m)	2.100
6	Từ Km 80 đến Km81 + 600 (thuộc xã Cổ Lũng)	1.800
7	Từ Km 81 + 600 đến Km83 + 300 (cầu Giang Tiên)	1.500
8	Từ Km 83 + 300 đến Km 85 + 660 (cầu Phấn Mễ 1)	2.000
9	Từ Km 85 + 660 đến Km 86 + 500 (cổng nghĩa trang liệt sỹ Phấn Mễ)	2.000
10	Từ Km 86 + 500 đến Km 89 + 400 (cầu Trắng thị trấn Đu)	1.500
11	Từ Km89 + 400 đến Km 90 + 400 (cổng Công an huyện)	2.500
12	Từ Km 90 + 400 đến Km 91 + 150 (cổng Đền Đồi)	3.000
13	Từ Km91 + 150 đến cầu Thác Lở	2.000
14	Từ cầu Thác Lở đến Km93 + 100 (giáp dốc Hà Mã)	1.500
15	Từ Km 93 + 150 đến Km 94 + 500 (hết đất Đuồm)	1.000
16	Từ Km 94 + 500 đến Km 96 + 800 (hết dốc núi Phấn)	700
17	Từ Km 96 + 800 đến Km 99	700
18	Từ Km 99 đến Km 99 + 900	500
19	Từ Km 99 + 900 đến Km 100 + 100 (ngã ba 31)	700
20	Từ Km 100 + 100 đến Km 104+700 (đỉnh dốc thành nhà	400

	Mạc)	
21	Từ Km 104 + 700 đến Km 110+600 (đường vào Yên Trạch)	200
22	Từ Km 110 + 600 đến Km 113+700 (Hết đất Yên Ninh)	500
II	Trục phụ quốc lộ 3	
1	Từ quốc lộ 3 đường đi cầu Bến Giềng xã Sơn Cẩm	
1.1	Từ Quốc lộ 3 đi Bến Giềng (vào hết đất chợ)	1.200
1.2	Từ giáp đất chợ gốc Bàng đến ngã ba sau Ủy ban nhân dân xã Sơn Cẩm	800
1.3	Từ ngã ba rẽ Bến Giềng đến cầu Bến Giềng	500
1.4	Từ ngã ba rẽ Bến Giềng đến trường Đào tạo Mỏ	500
2	Từ Quốc lộ 3 (đoạn Trạm kiểm soát Lâm sản) đến đường rẽ Bến Giềng (ngã ba Bến Giềng)	500
3	Đường vào Mỏ than Khánh Hoà	
3.1	Từ Quốc lộ 3 đến đường sắt (đi Mỏ than Khánh Hoà)	2.000
3.2	Từ đường sắt đến Văn phòng Mỏ than Khánh Hoà	1.500
3.3	Từ Văn phòng Mỏ đến ngã tư chợ Mỏ than Khánh Hoà	1.000
3.4	Từ ngã tư chợ Mỏ than Khánh Hoà + 200m đi 3 phía	700
4	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Trắng 2 (đường đi trại giam Phú Sơn 4)	1.000
5	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Lồng Bồng (đường đi Phú Đô)	800
6	Từ Quốc lộ 3 đến Bàn Cân mỏ than Phấn Mễ	500
7	Từ Quốc lộ 3 đến cầu đòi Chủ Nhất	500
8	Từ Quốc lộ 3 đi cầu cũ Giang Tiên	700
9	Từ Quốc lộ 3 đi làng Bò Phấn Mễ (đường vào Ủy ban xã Phấn Mễ)	
9.1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Suối Mán	800
9.2	Từ cầu Suối Mán đến ngã tư làng Bò Phấn Mễ	400
10	Từ Quốc lộ 3 đến cầu treo làng Cọ Phấn Mễ	800
11	Từ Quốc lộ 3 đi Trung tâm dạy nghề huyện Phú Lương	1.500
12	Từ Quốc lộ 3 đến hết khu dân cư Ngân hàng Thương nghiệp	1.500
13	Từ Bưu điện Phú Lương đến hết đất thị trấn Đu (đi xã Yên Lạc)	1.000

14	Từ Quốc lộ 3 đến Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện (đi Yên Lạc)	800
15	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Huyện đội	600
16	Từ Quốc lộ 3 đến ngã ba Công ty Chè Phú Lương	200
17	Từ Quốc lộ 3 đến đường rẽ xóm Kém xã Yên Đổ	350
18	Từ Quốc lộ 3 đến Cầu tràn (đi Yên Trạch)	160
III	Trục Quốc lộ 37	
1	Từ ngã ba Bờ Đậu Km0+100m	1.800
2	Từ cách ngã ba Bờ Đậu Km 0 + 100m đến + Km0 + 500m	1.200
3	Từ cách ngã ba Bờ Đậu Km 0 + 500m đến Cầu Lò Bát	800
4	Từ cầu Lò Bát đến hết đất xã Cổ Lũng (giáp đất Đại Từ)	500
IV	Trục đường tỉnh lộ	
1	Trục đường 263	
1.1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Tràn	1.500
1.2	Từ cầu Tràn + 700m đến Km2 (giáp đất Phủ Lý)	500
1.3	Từ cách 700m đến hết đất Động Đạt	300
1.4	Từ trung tâm Ủy ban nhân dân xã Phủ Lý + 1000m đi 2 phía	200
1.5	Từ ngã ba Hợp Thành + 300m đi 3 phía	350
1.6	Từ ngã tư Ôn Lương đến cầu Bến Gió	400
1.7	Ngã tư Ôn Lương + 200m đi Phú Thịnh	400
2	Trục đường 254	
1	Từ Km 0 đến Km2 (Cầu Khuôn Lồng)	200
2	Từ Km 2 đến Km 2 + 400	300
3	Từ Km 2 + 400 đến giáp đất Định Hoá	200
V	Các trục đường liên xã	
1	Xã Sơn cầm	
	Từ ngã ba cổng trường Tiểu học Tân Long đến cổng trường Trung học Công nghiệp	700
2	Xã Cổ Lũng	
2.1	Từ Quốc lộ 3 đi làng Ngói	

	- Từ Quốc lộ 3 + 100m đi làng Ngói	500
	- Từ cách Quốc lộ 3 + 100m đến + 500m	300
2.2	Từ Quốc lộ 3 đi Công trường 06	
	- Từ Quốc lộ 3 + 100m	500
	- Từ cách Quốc lộ 3 + 100m đến + 200m	300
3	Thị trấn Giang Tiên	
3.1	Từ Quốc lộ 3 đi cầu Đất Ma Giang Tiên	500
3.2	Từ Quốc lộ 3 + 200m đến tiểu khu Giang Long	250
3.3	Từ Công chợ Giang Tiên + 100m đi Bãi Bông	800
3.4	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi khu hầm lò	250
3.5	Các trục đường còn lại của thị trấn Giang Tiên có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 3,5m	200
3.6	Các trục đường còn lại của thị trấn Giang Tiên có mặt đường nhỏ hơn 3,5m nhưng lớn hơn 2m	160
4	Xã Phấn Mễ	
4.1	Từ cầu làng Giang Phấn Mễ + 200m đi 2 phía	200
4.2	Từ Quốc lộ 3 đi Tân Bình (Vô Tranh)	400
4.3	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi dốc ông Thọ (đi Tứ Tranh)	200
4.4	Từ cầu treo làng Cọ đến Nhà văn hoá làng Cọ 1	200
5	Thị trấn Đu	
5.1	Từ Quốc lộ 3 + 100m đi Thọ Lâm	800
5.2	Từ Quốc lộ 3 đến cổng trường Tiểu học thị trấn Đu	800
5.3	Các trục đường còn lại của thị trấn Đu có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 3,5m	200
5.4	Các trục đường còn lại của thị trấn Đu có mặt đường nhỏ hơn 3,5m nhưng lớn hơn 2m	160
6	Xã Động Đạt	
	Từ giáp đất thị trấn Đu đến hết đất kho Hợp tác xã Hồng Lê cũ	600
7	Xã Yên Đổ	
7.1	Từ đường rẽ xóm Kềm đến Hội trường xóm Khe Lác	150
7.2	Từ hội trường xóm Khe Lác đến hết đất Yên đở	200

8	Xã Yên Ninh	
8.1	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi Quảng Chu	400
8.2	Từ Quốc lộ 3 + 300m đi Bắc Bé	250
9	Xã Hợp Thành	
	Từ ngã ba chợ Hợp Thành + 200m đi Ủy ban nhân dân xã	300
10	Xã Ôn Lương	
10.1	Từ trục đường 263 đến cổng Ủy ban nhân dân xã	300
10.2	Từ trục đường 263 + 200m đi trạm Y tế xã	250
10.3	Từ ngã ba sau Ủy ban nhân dân xã + 200m đi 3 phía	250
11	Xã Vô Tranh	
11.1	Trục đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	
	- Từ km0 + 180 đến Km0 + 650	600
	- Từ km 0 + 650 đến km 1 + 182	350
	- Từ Km 1 + 182 đến Km 2	400
	- Từ Km 2 đến Km 4 + 700	200
11.2	Trục đường liên thôn, liên xóm	
11.2.1	Từ ngã ba Bình Long +100m đi Ủy ban nhân dân xã Vô Tranh	400
11.2.2	Từ ngã ba chợ cũ + 300m đi 2 phía (đi Giang Tiên, Toàn Thắng)	300
11.2.3	Từ ngã ba chợ cũ + 300m đi trại giam Phú Sơn 4	350
12	Xã Tứ Tranh	
12.1	Trục đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	
	- Từ Km 4 + 700 đến Km 5 + 200	250
	- Từ Km 5 + 200 đến Km 6 + 100	400
	- Từ Km 6 + 100 đến Km 7 + 400	500
12.2	Từ ngã ba Đồng Đường + 200m đi Đồng Tiến	500
13	Xã Yên Lạc	
	Trục đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	
	- Từ Km 16 + 600 đến Km 17 + 900	160

	- Từ Km 17 + 900 đến Km 18 + 300	200
	- Từ ngã ba xóm Ao Lác + 200m đi Ủy ban nhân dân xã	200
	- Từ trung tâm Ủy ban nhân dân xã Yên Lạc + 100m đi 3 phía	250

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC SỐ 8
VỀ GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ, GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN,
BÁN CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH,
CÁC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI,
KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP - HUYỆN ĐỊNH HOÁ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2958 /2006/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1000đồng/m²

TT	Tên đường, khu dân cư	Mức giá
I	Đường 268	
1	Xã Phú Tiến	
	Từ giáp đất Phú Lương đến Km 3 + 870 (Km 2 + 950 đến Km 3 + 870)	160
	Từ Km 3 + 870 đến Km 4	200
	Từ Km 4 đến đầu cầu Đen	250
	Từ đầu cầu Đen đến Km 5	300
	Từ Km 5 đến Km 5 + 120	250
	Từ Km 5 + 120 đến Km 8 + 820	200
2	Xã Bộc Nhiêu	
	Từ Km 8 + 820 đến Km 9 + 500	200
3	Xã Trung Hội	
	- Từ giáp đất Bộc Nhiêu (Km 9 + 500) đến Km 10 + 900	220
	- Từ Km 10 + 900 đến Km 11+ 350	230
	- Từ Km 11 + 350 đến Km 11 + 600	230
	- Từ Km 11 + 600 đến Km 12 + 200	300
	Từ Km 12 + 200 đến Km 12 + 400	270
	- Từ Km 12 + 400 đến km 12 + 630	350
	- Km 12 + 630 đến Km 13 + 30	420
	- Từ Km 13 + 30 đến Km 13 + 270	520
	- Từ Km 13 + 270 đến km 13 + 500	750
	-Từ Km 13 + 500 đến Km 13 + 900	1.200

	- Từ Km 13 + 900 đến trung tâm ngã ba Quán Vương (Km 14 + 50)	1.700
	- Từ Km 14 + 50 đến Km 14 + 100	1.800
	- Từ Km 14 +100 đến Km 14 + 200	1.600
	- Từ Km 14 + 200 đến Km 14 + 300	1.300
	- Từ Km 14 + 300 đến Km 14 + 500	1.000
	- Từ Km 14 + 500 đến Km 14 + 800	900
	- Từ Km 14 + 800 đến Km 15 + 500	700
	- Từ Km 15 + 500 đến Km 16 + 400	500
4	Xã Bảo Cường	
	- Từ giáp đất Trung Hội (Km 16 + 400) đến đường rẽ Ủy ban nhân dân xã Bảo Cường (Nhà ông Thao)	700
	- Từ đường rẽ Bảo Cường (Nhà ông Thao) đến đường rẽ xóm Đồng Mản (Nhà ông Nhân)	800
	- Từ đường rẽ Đồng Mản (nhà ông Nhân) đến đường rẽ Ủy ban nhân dân xã (nhà ông Sơn)	950
	- Từ đường rẽ Ủy ban nhân dân xã (nhà ông Sơn) đến đường rẽ vào thôn Khẩu Bảo	1 000
	Từ đường vào thôn Khẩu Bảo đến cầu Ba Ngạc	1 100
5	Thị trấn Chợ Chu	
	- Từ cầu Ba Ngạc đến đường rẽ vào xóm Thâm Tý Bảo Cường	2.000
	Từ đường rẽ xóm Thâm Tý Bảo Cường đến đường rẽ xóm Bãi Á 2	3.000
	- Từ đường rẽ xóm Bãi Á 2 đến hết đất Trạm Vật tư huyện	2.800
	- Từ giáp đất trạm Vật tư đến hết đất chợ Tân Lập	3.200
	- Từ giáp đất chợ Tân Lập đến đường rẽ vào khối cơ quan đoàn thể	3.500
	- Từ đường rẽ khối cơ quan đoàn thể đến cách ngã tư Trung tâm huyện 50m	4.000
	- Ngã tư Trung tâm huyện + 50 m về các phía: Đi Ủy ban nhân dân huyện, đi ngã ba lương thực, đi Thái Nguyên	4.500

	- Từ cách ngã tư Trung tâm huyện 50m đến đường rẽ vào trường Trung học phổ thông	4.000
	- Từ đường rẽ trường Trung học phổ thông đến đầu cầu Mới	3.200
	- Từ đầu cầu Mới đến cách Ngã ba lương thực 50m	3.300
	- Ngã ba lương thực + 50 m về các phía	3.500
	- Từ cách ngã ba lương thực 50 m đến hết Cửa hàng Xăng dầu số 22	2.000
	- Từ cửa hàng Xăng dầu số 22 đến cách ngã ba xóm Nà Lài 50m	1.200
	- Ngã ba Nà Lài + 50m về các phía	1.500
	- Từ cách ngã ba Nà Lài 50m đến đường rẽ vào xóm Nà Lài (đường rẽ vào nhà ông Thịnh)	450
	- Từ cách ngã ba Nà Lài 50m đến đường rẽ ao Nậm Cắm	400
	- Từ đường rẽ ao Nậm Cắm đến giáp đất Kim Sơn	300
6	Xã Kim Sơn	
	Từ giáp đất Chợ Chu đến Km 24 + 300	300
	Từ Km 24 + 300 đến cách ngã ba Quy Kỳ 50m	350
	Ngã ba Quy Kỳ - Kim Sơn + 50m về các phía	400
	Cách ngã ba Quy Kỳ 50m đến Km 25	350
	Từ Km 25 đến giáp đất Quy Kỳ đường đi Chợ Đồn	300
	Cách ngã ba Quy Kỳ 50m đến giáp đất Quy Kỳ (đường vào chợ Quy Kỳ)	300
7	Xã Quy Kỳ	
	Từ giáp đất Kim Sơn đến giáp đất huyện Chợ Đồn	120
II	Trục phụ đường 268	
1	Xã Bảo Cường	
a	- Đoạn rẽ vào Ủy ban nhân dân xã Bảo Cường	
	- Đoạn rẽ vào Ủy ban nhân dân xã Bảo Cường + 50m (cả hai đường Ủy ban nhân dân xã)	400
	- Đường rẽ Ủy ban nhân dân xã + 50m đến hết 150m tiếp theo	350
	- Đoạn còn lại đến cách trung tâm ngã tư 50m	300

b	Đoạn rẽ về phía đường 268	
	- Ngã tư trung tâm xã + 50m về phía đường 268 (cả hai đường)	350
c	Đoạn rẽ về phía xã Đồng Thịnh	
	- Ngã tư trung tâm xã Bảo Cường cộng 50m đi Đồng Thịnh	200
2	Thị trấn Chợ Chu	
2.1	- Từ đường 268 rẽ vào đường bê tông đến cổng khối cơ quan đoàn thể	2.500
	- Ngã tư trung tâm huyện + 50m đến cổng Ủy ban nhân dân huyện	3.000
	- Cổng Ủy ban nhân dân huyện đến giáp Đài tưởng niệm	2.000
2.2	- Ngã tư trung tâm huyện + 30 m đi phố Tân Thành	2.500
	- Đoạn còn lại phố Tân Thành đến ngã ba Dốc Châu	1.800
2.3	- Từ đường 268 rẽ vào cổng trường Trung học phổ thông	1.800
	- Từ cổng trường Trung học phổ thông đến hết đường bê tông xóm Hợp Thành	700
2.4	- Ngã ba lương thực + 50m đến đường rẽ vào trung tâm Y tế huyện	2.000
	Từ đường rẽ vào trung tâm Y tế đến cổng trung tâm Y tế	2.000
2.5	- Đường rẽ vào trung tâm Y tế đến cộng 20m về phía cầu Đen	2.000
	- Đoạn còn lại đến đầu cầu Đen	1.000
	- Từ cầu Đen đến cách góc đa Chợ Chu 50m	1.200
	- Góc đa Chợ Chu + 50m về các phía	1.500
2.6	- Các đoạn đường còn lại đi các phố Hoà Bình, Thống Nhất, Đoàn Kết	1.000
2.7	- Góc đa Chợ Chu + 50m đến đỉnh Dốc Châu	1.000
	- Từ đỉnh Dốc Châu đến Hạt Kiểm lâm	700
	- Từ cổng Hạt Kiểm lâm đến đường 268 (đường cũ)	500
2.8	Đoạn từ đường bê tông trường trung học phổ thông sang đến đường vào Ủy ban nhân dân huyện	1500
	- Các đường còn lại thuộc thị trấn Chợ Chu	

	+ Đường rộng lớn hơn hoặc bằng 3,5m	300
	+ Đường rộng < 3,5m, nhưng lớn hơn 2,5m	200
III	Đường 264 <i>(hướng Quán Vương đi Bình Thành)</i>	
1	Xã Trung Hội	
	Từ Km 31 đến Km 31 + 100	1.400
	Từ Km 31 + 100 đến Km 31 + 465	1.200
	Từ Km 31 + 465 đến Km 31 + 244	1000
	từ Km 31 + 244 đến Km 31 + 478	1000
	Từ Km 31 + 478 đến Km 31 + 596	700
	Từ Km 31 + 596 đến Km 30 + 100	800
2	Xã Trung Lương	
	Từ Km 30 + 100 đến Km 30 + 800	400
	Từ Km 30 + 800 đến Km 29 + 300	450
	Từ Km 29 + 300 đến Km 28 + 800	400
3	Xã Bình Yên	
	Từ Km 28 + 800 đến Km 28 + 900	400
	Từ Km 28 + 900 đến Km 27	500
	Từ Km 27 đến Km 27 + 100	600
	Từ Km 27 + 100 đến Km 27 + 200	700
	Từ Km 27 + 200 đến Km 27 + 300	900
	Từ Km 27 + 300 đến Km 27 + 400	1000
	Từ Km 27 + 400 đến Km 27 + 500	1000
	Từ Km 27 + 500 đến Km 27 + 600	1100
	Từ Km 27 + 600 đến Km 27 + 700	700
	Từ Km 27 + 700 đến Km 27 + 800	500
	Từ Km 27 + 800 đến Km 27 + 900	400
	Từ Km 27 + 900 đến Km 26	350
4	Xã Trung Lương (tiếp)	
	Từ Km 26 đến Km 25	350

	Từ Km 25 đến Km 24 + 100	250
	Từ Km 24 + 100 đến Km 24 + 600	200
5	Xã Sơn Phú	
	Từ Km 24 + 600 đến Km 23 + 400	200
	Từ Km 23 + 400 đến Km 22 + 600	170
	Từ Km 22 + 600 đến Km 22 + 800	450
	Từ Km 22 + 800 đến Km 21 + 300	350
	Từ Km 21 + 300 đến Km 19 + 600	250
6	Xã Bình Thành	
	Từ Km 19 + 600 đến Km 19 + 200	250
	Từ Km 19 + 200 đến Km 18 + 800	270
	Từ Km 18 + 800 đến Km 18 + 500	300
	Từ Km 18 + 500 đến Km 18	270
	Từ Km 18 đến Km 17 + 150	270
	Từ Km 17 + 150 đến Km 16 + 500	300
	Từ Km 16 + 500 đến Km 15	220
	Từ Km 15 đến Km 14 + 500	240
	Từ Km 14 + 500 đến Km 13 + 700	230
	Từ Km 13 + 700 đến Km 12 + 800	250
IV	Đường ATK Bình Yên - Phú Đình	
1	Xã Bình Yên	
	Cách ngã ba Yên Thông 100m đến cổng Đầm Trau	600
	Từ cổng Đầm Trau đến đất ông Tâm thôn Thẩm Kè	200
	Từ đất ông Tâm đến Bưu điện văn hoá xã	200
	Từ Bưu điện văn hoá xã đến cách ngã ba Đá Bay 100m	300
	Ngã ba Đá Bay + 100m về các phía	350
	Từ cách ngã ba Đá Bay 100m đến ngã ba đường rẽ Song Thái, Diềm Mặc	200
2	Xã Diềm Mặc	
	Từ giáp đất Bình Yên đến cột điện thoại số 60	160

	Từ cột điện thoại số 60 đến cột số 66	200
	Từ cột số 66 đến cột số 71	160
	Từ cột số 71 đến cột số 86	500
	Từ cột số 86 đến cột số 89	450
	Từ cột số 89 đến cột số 91	400
	Từ cột số 91 đến cột số 93	350
	Từ cột số 93 đến cột số 95	300
	Từ cột số 95 đến cột 100	250
	Từ cột số 100 đến cột số 110	200
	Từ cột số 110 đến cột số 115	160
	Từ cột số 115 đến cột số 122	160
3	Xã Phú Đình	
	Từ cột điện thoại số 122 đến cột số 124	160
	Từ cột số 124 đến cột số 125	160
	Từ cột số 125 đến cột số 126	190
	Từ cột số 126 đến cột số 127	220
	từ cột số 127 đến cột số 133	240
	Từ cột số 133 đến cột số 142	200
	Từ cột số 142 đến cột số 151	240
	Từ cột số 151 đến cột số 155	200
	Từ cột số 155 đến cột số 159 ngã ba Khẩu Đưa	240
	Từ cột số 159 đến cột số 162	200
	Từ cột số 162 đến cột 168	260
	Từ cột số 168 đến cột số 176	300
	Từ cột số 176 đến cột số 190	330
	Từ cột số 190 đến cột số 193	290
	Từ cột số 193 đến cột số 198	260
	Từ cột số 198 đến cột số 207	200
	Từ cột số 207 đến cột số 208	240

	Từ cột số 208 đến cột số 209	200
	Từ cột số 209 đến cột số 211 + 11 mét Đông Hoang	240
	Từ cột 211 + 11m đến cột số 215	220
	Từ cột số 215 đến cột số 222	230
	Từ cột số 222 đến cột số 232	220
	Từ cột số 232 đến cột số 234	200
	Từ cột số 234 đến cột số 238	250
	Từ cột số 238 đến cột số 242	200
	Từ cột 242 đến cột 243 + 20m	270
	Từ cột 243+20m đến cột hạ thế 1/244	200
	Từ cột 1/244 + 40m về phía cầu -9/252	320
	Từ 9/252 đến 10/253	200
	Từ 10/253 đến cột 257	300
	Từ cột 257 đến 275	200
	Từ cột 275 đến cột 278	200
	Từ cột 278 đến cột 282 đi Khuôn Tát	320
	Từ cột 281 + 50 m đi Tuyên Quang	300
	Từ cột 281 + 100m	240
V	Đường liên xã Chợ Chu - Lam Vỹ	
	Từ cầu núi Nản đến đường rẽ vào Chùa hang + 50m đi Phụng Tiến	400
	Cách đường rẽ Chùa hang 50m đến giáp đất Phụng Tiến	200
	Từ đất Phụng Tiến đến ngã ba cầu Trần Tân Dương	280
	Từ cầu Trần Tân Dương đến cột mốc Km 2	130
	Từ cột mốc Km 2 đến ngã ba đường xóm 5A, 5B	130
	Từ ngã ba đường xóm 5A,5B đến cột mốc Km 3	140
	Từ cột mốc Km 3 đến cột mốc Km 4	130
	Từ Km 4 đến cột mốc Km 5 (giáp đất Tân Thịnh)	120
	Từ cột mốc Km5 (giáp đất Tân Dương) đến cầu Đồng Khiếu	150
	Từ cầu Đồng Khiếu đến cột điện cao thế 98 ĐĐây 376	175

	Cột điện cao thế 98 ĐĐây 376 đến trạm biến áp trung tâm	200
	Từ trạm biến áp trung tâm đến cầu tràn Hát máy	130
	Từ cầu tràn Hát máy đến giáp đất Lam Vỹ	110
	Từ đất Lam Vỹ đến cầu Nghiu	100
	Từ cầu Nghiu đến cột điện hạ thế	130
	Từ cột điện hạ thế (Ông Thanh) đến cột dây điện thoại (Ông Xanh, Ông Thân)	170
	Từ cột dây điện thoại (Ông Xanh, Ông Thân) đến công chợ	250
	Từ công chợ đến cột điện hạ thế (Ông Hiệp)	200
	Từ cột hạ thế đến cầu trung tâm	200
	Từ cầu trung tâm đến đường rẽ trường Tiểu học (ngã ba trung tâm)	170
	Từ đường rẽ trường Tiểu học đến công qua đường (Ông Hoàn)	130
	Từ công qua đường (Ông Hoàn) đến công qua đường (Ông Quý)	150
	Từ công qua đường (Ông Quý) đến đất Linh Thông	100
	Từ ngã ba trung tâm đến công trường Trung học cơ sở	180
VI	Đường liên thôn xóm <i>(từ đầu cầu treo Tân Thịnh đến hết đất làng Duyên xã Tân Thịnh)</i>	
	Từ đầu cầu treo đến cột hạ thế trung tâm số 69	100
VII	Trục đường liên xã Thanh Định - Bảo Linh	
	Từ đầu bờ đầm đá bay đến cột cao thế số 972/04 xóm Khuổi Nghè	200
	Từ cột điện cao thế số 972/04 xóm Khuổi Nghè đến cột điện cao thế số 972/07 xóm Khuổi Nghè	160
	Từ cột điện cao thế số 972/07 xóm Khuổi Nghè đến cột điện cao thế số 972/11 xóm Thảm Thia	200
	Từ cột điện cao thế số 972/11 xóm Thảm Thia đến cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao	250
	Từ cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao đến trạm điện hạ thế số 2 + 50m về các phía	200

	Từ trạm điện hạ thế số 2 + 50m đến cầu Phươn Thanh Xuân 250	200
	Trung tâm ngã ba Văn Lang + 100m về các phía	250
	Trung tâm ngã 3 Văn Lang + 100m đến cột điện hạ thế số 5 xóm Nhà Chèn	200
	Từ cột điện hạ thế số 5 xóm Nhà Chèn đến cột điện hạ thế số B9 xóm Nhà Chèn	160
VIII	Trục Đường liên xã Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ	
	Từ đất Quy Kỳ đến công chợ Quy Kỳ	200
	Từ công chợ Quy Kỳ đến Kho lương thực cũ	200
	Từ nhà ông Tịnh đến nhà ông Chung	160
	Từ Kéo Cáy đến nhà ông Quynh	160
	Từ nhà ông Quynh đến nhà ông Nông	100
	Từ nhà ông Nông đến cổng trường Trung học cơ sở	100
	Từ cổng trường Trung học cơ sở đến nhà bà Bông (giáp đất Lam Vỹ)	160
IX	Trục đường liên xã Phúc Chu - Bảo Linh	
	Từ giáp đất Chợ Chu đến cổng ngầm	180
	Từ cổng ngầm đến cột điện A22	200
	Từ cột điện A22 đến đường rẽ Đồng Các	200
	Từ đường rẽ Đồng các đến ngã ba Làng Gày	160
	Từ ngã ba Làng Gày đến giáp Đồng Thịnh (Km8+300)	160
	Từ đất Đồng Thịnh km 8 + 300 đến đường rẽ đi Khuổi Trao (Km8 + 500)	160
	Từ km 8+500 đến Km 9 +400 (ngã ba Đồng Rằm)	200
	Từ ngã ba Đồng Rằm đến đập tràn Hồ Bảo Linh	160
	Từ đập tràn Hồ Bảo Linh đến cầu đập chính Hồ Bảo Linh	160
	Tuyến từ trung tâm Thương mại về phía Ủy ban nhân dân xã 70m - về phía Định Biên 50m	200
	Cách trung tâm Thương mại 70m đến cách ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh 90m	160
	Từ ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh về các phía 90m	200

	Từ ngã ba rẽ trường Tiểu học Bảo Linh về các phía 50m	200
	Chợ Bảo Hoa về phía Ủy ban nhân dân xã Bảo Linh 140m, về phía xã Thanh Định 50m	160
X	Đường liên xã Nà Guồng - Đồng Thịnh	
	Từ giáp đất Trung Lương (Km 0 + 500) đến cách Chợ 100m (Km 1 + 300)	160
	Từ Km 1 + 300 đến Km 1 + 500	160
	Từ Km 1 + 500 đến Km 1 + 700	350
	Từ Km 1 + 700 đến Km 2 + 100	300
	Từ Km 2 + 100 đến Km 2 + 400	160
	Từ Km 2 + 400 đến Km 3 + 200 (Giáp đất Định Biên)	160
	Từ giáp đất Định Biên đến giáp đường liên xã Phúc Chu - Bảo Linh	160
XI	Đường liên xã Bảo Cường - Đồng Thịnh	
	Từ ngã tư trung tâm xã Bảo Cường + 50m đi Đồng Thịnh	200
	Cách ngã tư trung tâm xã Bảo Cường 50m đến giáp đất Đồng Thịnh	160
XII	Đường liên xã Tân Dương - Phượng Tiến - Trung Hội	
	Từ cầu Trần tân Dương đến đường rẽ Đồng Then	250
	Từ đường rẽ Đồng Then đến trạm biến áp xã	230
	Từ trạm biến áp đến cầu Nạ Loòng	180
	Từ cầu Nạ Loòng đến giáp đất Trung Hội (trừ đất Quốc phòng)	160
	Đoạn còn lại đến giáp đường 268	250
XIII	Đường liên xã Chợ Chu - Kim Phượng	
	Từ ngã ba đường rẽ Kim Phượng đến hết đất Chợ Chu	200
	Từ cột điện số 7 (giáp Chợ Chu) đến trạm biến áp Cạm Phước	160
	Từ trạm biến áp Cạm Phước đến cách trạm biến thế Cạm Phước 200m	160
	Cách trạm biến thế Cạm Phước 200m đến đầu cầu treo	200
	Từ đầu cầu treo đến trường tiểu học	200
	Từ trường tiểu học đi Bản Lác (Bia tưởng niệm)	160

XIV	Đường liên xã Bộc Nhiêu - Bình Thành	
	Từ trục đường 268 + 50m đường rẽ Bộc Nhiêu đến cột điện cao thế số 38	
	Từ cột điện cao thế số 38 đến đường rẽ lên eo đèo	200
	Từ đường rẽ eo đèo đến hết đất Việt Nhiêu	
	Từ cầu trung tâm xã + 500m đi các phía	200
	Từ trục rẽ Na Lệnh đến hết đất Vân Nhiêu	
XV	Xung quanh các chợ nông thôn còn lại có mặt tiền bảm chợ	300

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC SỐ 9**VỀ GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ, GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN BÁM TRỤC
GIAO THÔNG CHÍNH, CÁC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI,
KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP - HUYỆN VĨ NHAI***(Ban hành kèm theo Quyết định số : 2958 /2006/QĐ-UBND**ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)**Đơn vị tính: 1.000đ/m²*

Số TT	Tên đường và khu dân cư	Mức giá
I	Tuyến Quốc lộ 1B	
A	Từ giáp đất Lạng Sơn đến ngã tư thị trấn Đình Cả	
1	Từ giáp đất Lạng sơn km100 + 500 đến cách cầu Phụng Hoàng 200m km 102 + 200	120
2	Cách cầu Phụng Hoàng 200m km102 + 200 đến km102 + 600	400
3	Từ km 102 + 600 đến cầu Vẽ km 106	300
4	Từ cầu Vẽ km 106 đến cầu Suối Cạn km 107 + 150	400
5	Từ cầu Suối Cạn km 107 + 150 đến cầu Nà Trang km107+ 550	750
6	Từ cầu Nà Trang km107 + 550 đến ngã tư thị trấn Đình Cả km107 + 750	900
B	Từ ngã tư thị trấn Đình Cả đến giáp đất huyện Đồng Hỷ	
1	Từ ngã tư Đình Cả km 107 + 750 đến đường rẽ vào trường Tiểu học thị trấn Đình Cả km 108 + 120	1.300
2	Từ đường rẽ vào trường Tiểu học Đình Cả km 108 + 120 đến Cầu Rắn km 108 + 700	900
3	Từ cầu Rắn km 108 + 700 đến đường rẽ vào trường Trung học phổ thông Võ Nhai km 109 + 400	500
4	Từ đường rẽ vào trường Trung học phổ Võ Nhai km 109 + 400 đến cổng trường Tiểu học Đông Bắc xã Lâu Thượng km109 + 900	300
5	Từ km 109 + 900 đến km111 + 800	250
6	Từ km 111 + 800 đến đường rẽ vào trường Trung học cơ sở Lâu Thượng km112 + 400	400
7	Từ đường rẽ vào trường Trung học cơ sở Lâu Thượng km112 + 400 đến cách đường rẽ vào trường Trung học cơ sở	150

	Trúc Mai 200m km119	
8	Cách đường rẽ vào trường Trung học cơ sở Trúc Mai + 200m từ km119 đến km 119 + 400	270
9	Từ km 119 + 400 đến Trạm Y tế La Hiên km124 + 100	150
10	Từ Trạm Y tế La Hiên km124 +100 đến đường rẽ vào trường Trung học cơ sở La Hiên km 124+800	330
11	Từ đường rẽ vào trường Trung học cơ sở La Hiên km 124 + 800 đến đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã La Hiên km 125 + 80	650
12	Từ đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã La Hiên km 125 + 80 đến cầu La Hiên km125 + 200	900
13	Từ cầu La Hiên km125 + 200 đến Nhà máy nước khoáng La Hiên km 126 + 300	450
14	Từ Nhà máy nước khoáng La Hiên km 126 + 300 đến giáp đất huyện Đồng Hỷ km 128 + 100	450
II	Từ Quốc lộ 1B km 108+ 120 đến cổng trường Tiểu học thị trấn Đình Cả	450
III	Từ Quốc lộ 1B km 108+ 650 đến cổng trung tâm Y tế Võ Nhai	400
IV	Từ Quốc lộ 1B km 109 + 400 đến cổng trường Trung học phổ thông Võ Nhai	300
V	Đường Đình Cả - Bình Long (ĐT 265)	
1	Từ ngã tư Đình Cả km0 đến cầu Sông đào km0 + 245	2.000
2	Từ cầu Sông đào km0 + 245 đến cầu Đá mài km0 + 750	300
3	Từ cầu Đá mài km0 + 750 đến cầu Suối Lũ km2 + 280	200
4	Từ cầu Suối Lũ km 2 + 280 đến cổng trường Tiểu học Tràng Xá km 7	170
5	Từ km7 đến cầu Bắc Bén km8	250
6	Từ cầu Bắc Bén km8 đến Bưu điện văn hoá xã Tràng Xá km8 + 400	600
7	Từ Bưu điện văn hoá xã Tràng Xá km8+400 đến Km10+400	300
8	Từ Km10 + 400 đến Km10 + 800 (Cổng trường Trung học cơ sở Tràng Xá + 200m về 2 phía)	250

9	Từ Km10 + 800 đến Km14 + 600	200
10	Từ Km14 + 600 đến Km15 + 100	200
11	Từ Km15 + 100 đến Km15 + 500 (Cổng chợ Dân Tiến mới + 200m về 2 phía)	300
12	Từ Km15 + 500 đến Km16 + 100	250
13	Từ Km16 + 100 đến Km16 + 500 (Cổng trường Trung học cơ sở Dân Tiến mới + 200m về 2 phía)	250
14	Từ Km16 + 500 đến Km21 + 100	150
15	Từ Km21 + 100 đến Km21 + 700 (Cổng chợ Bình Long + 300m về 2 phía)	250
16	Từ Km21 + 700 đến giáp đất huyện Hữu Lũng - Lạng Sơn	100
VI	Từ đường ĐT 265(hiệu thuộc Tràng Xá) đến cổng Ủy ban nhân dân xã Tràng Xá và đường vào Trạm đa khoa khu vực	200
VII	Đường Tràng Xá - Phương Giao	
1	Cổng Chợ Mũng +250m về 2 phía	300
2	Các đoạn còn lại của đường Tràng Xá - Phương Giao	90
VIII	Đường La Hiên - Vũ Chấn	
1	Từ Quốc lộ 1B đến Km0 + 150	700
2	Từ Km0 + 150 đến dốc Suối Đát Km1	350
3	Từ dốc Suối Đát Km1 đến Km7 + 600 đường rẽ vào trường Trung học phổ thông Trần Phú	120
4	Từ Km7 + 600 đến ngã ba Cúc Đường Km8 + 100	300
5	Từ ngã ba Cúc Đường Km8 + 100 đến Trạm y tế Km9	150
6	Các vị trí còn lại	80
IX	Khu vực chợ Đình Cả	
1	Từ đường Đình Cả Bình Long Km0 + 200m đến Trạm bơm nước thị trấn Đình Cả	650
2	Từ đường Đình Cả Bình Long vòng ra cổng chợ sau chợ (cổng phía đông)	700
3	Từ cổng sau chợ (cổng phía Đông) + 150m đường đi Bãi Lai	600
4	Đoạn còn lại đường Bãi Lai đến Quốc lộ 1B	400

X	Đường từ ngã 4 Đình Cả - Cổng Huyện uỷ	
1	Từ ngã 4 Đình Cả đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện	700
2	Từ Ban Chỉ huy Quân sự huyện đến cổng Huyện uỷ	500
XI	Các vị trí đất nằm trên đường bao quanh chợ Thượng Nung, Liên Minh.	150

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH